

2026.7 更新

INFO BOX F

—富士市多言語生活情報— ベトナム語版

『INFO BOX F』は、富士市に暮らす外国人に役立つ生活情報を集めた「情報 BOX」です。
『INFO BOX F』 là 「Hộp thông tin」 tập hợp những thông tin hữu ích dành cho người nước ngoài sống tại thành phố Fuji.



Table of contents



Động đất	1
Khi rung lắc!	1
Biện pháp phòng chống thiên tai từ nhà ở của chúng ta	1
• Phòng chống thiên tai là từ việc chuẩn bị lúc ngày thường	1
• 8 chú ý khi động đất	3
• Hãy hợp tác ở hội phòng chống thiên tai dân phòng!!	4
• Phát thanh vô tuyến đồng loạt cho dân chúng	4
• Thông báo nhanh về động đất khẩn cấp	4
• Nếu muốn liên lạc	4
• Khi bị thương	5



Rác	6
• Cam kết về việc vứt rác	6
• Rác cháy được (mỗi tuần 2 lần)	6
• Bao bì đồ đựng bằng nhựa (mỗi tuần 1 ngày)	7
• Các loại rác chôn (mỗi tháng một lần)	7
• Chai lọ (mỗi tháng một lần)	8
• Chai nhựa PET (mỗi tháng một lần)	8
• Lon, rác kim loại (mỗi tháng một lần)	9
• Quần áo, chăn đệm (mỗi tháng một lần)	9
• Giấy cũ (mỗi tháng một lần)	10
• Cành cây cắt tỉa (mỗi tuần một lần)	10
• Các loại rác không được thu gom	10
• Rác đi kèm với các hoạt động kinh doanh (rác từ những nơi như công ty, nhà máy, cửa hàng, bệnh viện, nhà hàng, v.v.)	11
• Rác thải ra với số lượng lớn cùng một lúc (rác phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng dọn dẹp, v.v.)	11
• Rác không thể xử lý (đồ nguy hiểm, đồ độc hại, đồ khó xử lý)	12



giáo dục	13
• Hệ thống giáo dục Nhật Bản	13
• Trường tiểu học trung học cơ sở	14
◆ Về học phí	14
◆ Giới thiệu về PTA	14
• Lớp học quốc tế	14
Học sinh nước ngoài nhập học vào các trường tiểu học và trung học cơ sở trong thành phố Fuji, nếu có	

nguyện vọng, có thể theo học lớp quốc tế tại Trường Tiểu học Yoshiwara, Trường Tiểu học Fujimidai hoặc Trường Tiểu học Tagoura. _____ 14

• Nhà trẻ, trường mẫu giáo, cơ sở giáo dục trẻ được chứng nhận, cơ sở kinh doanh chăm sóc trẻ cộng đồng, v.v. _____ 15

◆ Trường mẫu giáo _____ 15

◆ Trung tâm giữ trẻ _____ 15

◆ Nhà trẻ được chứng nhận _____ 16

◆ Cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng _____ 16

• Trường cấp 3 (Trường trung học phổ thông) _____ 16

• Đại học, cao đẳng _____ 16



Hiệp hội tự quản _____ 18

• Hiệp hội tự quản (hiệp hội khu phố) là gì? _____ 18

• Hiệp hội phố (phường) và tổ • nhóm _____ 18

• Các hoạt động của hiệp hội khu phố _____ 18

Phương thức đóng hội phí khác nhau tùy thuộc vào từng hiệp hội khu phố (Thanh toán hàng tháng, thanh toán một lần trong vài tháng, v.v.) _____ 19



Thủ tục cư trú _____ 20



Phúc lợi _____ 21

Phúc lợi cho người khuyết tật _____ 21

• Giấy chứng nhận khuyết tật _____ 21

◆ Sổ ghi chép của người khuyết tật _____ 21

◆ Sổ ghi chép phục hồi chức năng _____ 21

◆ Cẩm nang Phúc lợi và Sức khỏe Người khuyết tật tâm thần _____ 21

• Những người mắc bệnh khó chữa _____ 21

• Dịch vụ phúc lợi _____ 21

Các chế độ như trợ cấp / trợ giá và chiết khấu (những chế độ chính) _____ 22

• Các chính sách trợ cấp hỗ trợ _____ 22

• Các chính sách ưu đãi, giảm giá _____ 22

Phúc lợi cho trẻ em _____ 23

• Chế độ trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em _____ 23

• Đơn xin chăm sóc trẻ sinh non _____ 23

• Trợ cấp thiếu nhi _____ 23

• Hệ thống trợ cấp chi phí y tế cho các gia đình đơn thân _____ 23

• Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em— Cho các hộ gia đình đơn thân — _____ 24

• Câu lạc bộ Thiếu nhi sau giờ học _____ 24

Phúc lợi cho người cao tuổi	25
• Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực tại Thành phố Fuji	25
• Với những người sống một mình hoặc các hộ gia đình chỉ có người già	25
Phúc lợi nói chung	27
• Các chế độ bảo hiểm điều dưỡng	27
• Hệ thống bảo trợ cuộc sống	27
• Bạo lực gia đình	28
• Hệ thống hỗ trợ độc lập cho những người cần	28



Y tế và sức khỏe	30
Bệnh viện công lập	30
• Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji	30
◆ Người lần đầu khám bệnh (bệnh nhân mới)	31
• Bệnh viện đa khoa Kyoritsu Kanbara	32
◆ Bệnh nhân khám lần đầu	32
Bệnh viện tư và phòng khám	33
• Nếu có bệnh và bị thương vào Chủ Nhật, ngày lễ, ban đêm	33
◆ Trung tâm cấp cứu y tế thành phố Fuji (Nội khoa, nhi khoa, ngoại khoa)	33
◆ Hội quán bác sỹ nha khoa thành phố Fuji (nha khoa)	34
Sức khỏe	34
• Sức khỏe của người trưởng thành	34
◆ Tư vấn sức khỏe của người dân	34
◆ Tư vấn dinh dưỡng cho người dân	34
◆ Phòng chống ung thư (tính phí)	34
◆ Tiêm phòng cho người cao tuổi	34
• Sức khỏe bà mẹ và trẻ em	35
◆ Phát hành Sổ tay Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em	35
◆ Thăm em bé	35
◆ Kiểm tra sức khỏe trẻ sơ sinh	35
Khám sức khỏe sẽ thực hiện tại các cơ sở y tế được ủy thác dành cho trẻ 1 tháng tuổi, 4 tháng tuổi và 10 tháng tuổi.	35
Phiếu khám sức khỏe • Phiếu kiểm tra sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi sẽ được trao khi cấp sổ tay mẹ và bé.	35
Phiếu khám sức khỏe • Phiếu kiểm tra sức khỏe trẻ 4 tháng tuổi • 10 tháng tuổi sẽ được gửi qua đường bưu điện.	36
◆ Khóa học nuôi dưỡng bé khỏe mạnh 6 tháng tuổi, khám sức khỏe cho trẻ.	36
Tại Philanse sẽ tổ chức khóa học nuôi dưỡng bé khỏe mạnh 6 tháng tuổi, và khám sức khỏe cho trẻ 1 tuổi 6 tháng • 3 tuổi • 5 tuổi.	36
Các giấy tờ cần thiết sẽ được gửi qua đường bưu điện trước.	36

◆ Tư vấn bố, mẹ và trẻ (yêu cầu đặt trước)	36
◆ Dịch vụ trợ cấp chi phí điều trị vô sinh / chăm sóc trẻ em	36
◆ Tiêm vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm	36
• Thủ tục sau khi sinh con	37
• Yêu cầu thanh toán tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ	37
Bảo hiểm sức khỏe	38
• Bảo hiểm tham gia tại nơi làm việc (Bảo hiểm xã hội)	38
• Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	38
◆ Điều kiện tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	38
◆ Vật mang theo khi tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	39
• Tại bệnh viện	39
Khi đến các cơ sở y tế như bệnh viện, xin vui lòng xuất trình giấy xác nhận tư cách tại quầy tiếp tân.	39
Tuy nhiên, bạn phải tự chi trả 20% hoặc 30% chi phí y tế. (Đối với những người từ 70 đến dưới 75 tuổi, tỷ lệ chi trả sẽ được ghi trên giấy xác nhận tư cách.)	39
• Về thuế bảo hiểm	39
Thuế bảo hiểm được tính dựa trên thu nhập và số lượng thành viên tham gia. Sau khi tham gia, giấy nộp thuế bảo hiểm sẽ được gửi đến, bạn có thể nộp tại các tổ chức tài chính hoặc thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng.	39
■ Liên hệ	40
Phòng Bảo hiểm Quốc dân và Lương hưu, UBND thành phố Fuji	40
(Tầng 3 phía bắc tòa thị chính)	40
Điện thoại: 0545-55-2917	40
• Kiểm tra sức khỏe đặc biệt, hướng dẫn bảo vệ sức khỏe đặc biệt	40



Tiền hưu trí quốc dân	41
• Cách thức thủ tục tham gia	41
◆ Phí bảo hiểm	41
• Tiền trợ cấp	41
◆ Lương hưu dành cho người già	42
◆ Trợ cấp dành cho người khuyết tật	42
◆ Lương hưu cơ bản	42
• Khi về nước	42



Cuộc sống	43
Nhà ở	43
Ở Nhật Bản, các loại hình nhà ở bao gồm nhà sở hữu riêng (nhà biệt lập, chung cư, v.v.), nhà ở công cộng (nhà ở do thành phố, tỉnh vận hành, v.v.) và nhà thuê tư nhân.	43
• Nhà ở công cộng	43

• Nhà ở thành phố	43
• Nhà ở của tỉnh	45
• Công ty bất động sản	45
Cuộc sống	46
• Điện / gas / nước	46
• Về cấp nước	47
• Về hệ thống nước thải	47
◆ Trong trường hợp như dưới đây phải nhanh chóng báo cáo :	47
◆ Về tiền nước máy và phí sử dụng nước thải.	47
Phiếu cư trú	48
◆ Đối tượng	48
◆ Địa điểm và ngày nộp đơn	48
◆ Những người có thể đăng ký	48
◆ Các phương thức phát hành hồ sơ khác	50
Đăng ký con dấu	50
• Cách thức đăng ký	51
Giấy chứng nhận đăng ký con dấu	53
Về mã số cá nhân	54
1. Mã số cá nhân là gì	54
2. Thông báo về mã số cá nhân	54
3. Trường hợp cần sử dụng mã số cá nhân	55
4. Thẻ mã số cá nhân (My Number) là gì?	55
5. Những chú ý khi sử dụng thẻ mã số cá nhân	56
6. Yêu cầu tư vấn liên quan đến việc sử dụng thẻ mã số cá nhân	56
Các loại hồ sơ khai báo	57
• Chuyển nhà	57
• Khai sinh	58
• Đăng ký kết hôn	58
• Khai qua đời	58
Vật nuôi, thú cưng	58
• Những người đang và bắt đầu nuôi chó cần thực hiện một	58
• Mèo	60
• Các loài thú cưng nói chung	60
• Hãy thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai cho vật nuôi.	60
• Vì hoàn cảnh, bạn không thể tiếp tục nuôi, vui lòng tìm chủ sở hữu mới cho chúng.	61
Các qui định chung	61
• Cấm vứt rác	61
• Cấm thả rông chó mèo	61
• Cách qui định khi hút thuốc	61

• Cách đối ứng với những người vi phạm	62
--	----



Thuế	63
Thuế quốc gia	63
• Thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt	63
• Thuế tiêu thụ và thuế tiêu thụ địa phương	64
Thuế địa phương	64
• Thuế cư trú	64
• Thuế ô tô (xe bốn bánh có dung tích trên 660cc)	65
• Thuế xe hạng nhẹ (xe máy và xe hạng nhẹ có dung tích từ 660cc trở xuống)	66
• Nơi nộp thuế địa phương	66
• Chuyển khoản (thanh toán tự động)	67
• Tư vấn nộp thuế	68



Chữa cháy/Cấp cứu	69
Chữa cháy	69
• Nếu xảy ra đám cháy Gọi số 119	69
• Hãy chú ý những điều sau trong cuộc sống hằng ngày	69
• Nếu có đám cháy xảy ra	69
• Không hoảng hốt khi thông báo về đám cháy, và nói thật rõ ràng	69
Báo cháy khu dân cư	70
• Khi chuông báo động kêu	71
• Phương pháp kiểm tra	72
Cấp cứu	72
• Gọi xe cấp cứu	72



ĐỘNG ĐẤT

地震

Khi rung lắc!

- Chuẩn bị cho thảm họa động đất

Thành phố Fuji được dự đoán là có chấn động cực mạnh với cường độ địa chấn từ 6 yếu đến 6 mạnh 6 hoặc hơn kéo dài liên tục 4 phút do siêu động đất Nankai Trough.

Chúng ta không thể ngăn chặn động đất, nhưng có thể làm giảm thiệt hại.

Mong tất cả mọi người từng người một chuẩn bị cho động đất ngay trong cuộc sống hàng ngày, cố định đồ đạc, đồ điện tử, Thức ăn, nước uống, bồn vệ sinh di động để sẵn nhiều thức ăn và nước trong nhà.

Biện pháp phòng chống thiên tai từ nhà ở của chúng ta

● Phòng chống thiên tai là từ việc chuẩn bị lúc ngày thường

1. Chẩn đoán khả năng chịu rung lắc của ngôi nhà, tăng cường khả năng chịu rung lắc

- ◆ Nhà gỗ trước tháng 5 năm 1981 có thể bị đổ do động đất. Hãy kiểm tra khả năng chịu rung lắc của nhà bạn. Thành phố có chẩn đoán khả năng chịu rung lắc miễn phí được thực hiện bởi các chuyên gia.

- ◆ Nếu kết quả chẩn đoán khả năng chịu rung lắc cho thấy cần phải tăng cường khả năng chịu rung lắc thì có thể được hỗ trợ một phần chi phí tốn cho việc lên kế hoạch tăng cường và công trình tăng cường khả năng chịu rung lắc.

※ Để giải đáp thắc mắc liên quan đến việc chẩn đoán khả năng chịu rung lắc của nhà gỗ như nêu ở trên,
Hãy liên hệ phòng quản lý đất đai và xây dựng của tòa thị chính Thành phố Fuji Điện thoại 55-2791

2. Cố định đồ đạc để không đổ, rơi
Trong trận động đất lớn Hanshin-Awaji và các động đất lớn sau đó cũng có nhiều người bị thương do đồ đạc bị đổ ngã, v.v. Phải cố định đồ đạc. Chú ý về các vị trí đặt đồ đạc như không để đồ đạc nặng trong phòng ngủ, v.v.

3. Quan trọng là ngày thường luôn chú ý để không gây ra hỏa hoạn
 - ◆ Nên đặt thiết bị dập lửa tự động chống địa chấn ở lò sưởi dầu hỏa, v.v.
 - ◆ Bảo quản dầu lửa, dầu nấu ăn, v.v. cách xa nơi có lửa.
 - ◆ Chuẩn bị sẵn bình chữa cháy và nước chữa cháy.

ぐらっときたら！

● 地震災害に備えて

富士市は、南海トラフ巨大地震によって、震度6弱から震度6強のとても強い揺れが最大で4分間続くと想定されています。

私たちは、地震を防ぐことはできませんが、被害を少なくすることはできます。

皆さんも、日ごろから一人一人が地震に備え、家具や家電の固定、食べ物、水、携帯トイレを多めに家に置いておくなどの準備をお願いします。

我が家の防災対策

● 防災はふだんの備えから

1. 家の耐震診断＜地震の揺れに強い確認＞・耐震補強＜揺れに強くする工事＞をする

- ◆ 1981年5月以前の木造住宅は地震により倒れる恐れがあります。自宅の耐震性を確認しましょう。市では専門家による耐震診断を無料で行っています。

- ◆ 耐震診断の結果、耐震補強が必要になった場合は補強計画の作成や耐震補強工事にかかる費用の一部について補助を受けることができます。

※ 上記、木造住宅の耐震診断等に関わるお問い合わせについては、

富士市役所 建築土地対策課 電話 55-2791 まで

2. 家具を固定し、倒れない・落ちないようにする
阪神・淡路大震災やその後の大きな地震でも、多く

4. Tăng cường và đổi trụ cổng, hàng rào gạch block
5. Chuẩn bị sẵn thực phẩm, nước uống, toilet di động, đồ mang theo khi khẩn cấp

※Hãy chuẩn bị sẵn đồ mang theo khi khẩn cấp sau đây để dù động đất xảy ra lúc nào cũng có.

の人が、家具が倒れてケガをしています。家具は必ず固定しましょう。寝る部屋に重い家具を置かないなど、家具を置く場所にも気を配りましょう。

3. 火災を出さないようにふだんの注意が大切

◆石油ストーブなどは対震自動消火装置つきが良い。

◆灯油、食用油などは火元から離して保管。

◆消火器や消火用水の準備をしておく。

4. 門柱、ブロック塀の補強や取り替えをする

5. 食料、飲料水、携帯トイレ、非常持出品を準備しておく

※いつ地震が発生しても良いように、以下の非常持出品を用意しておきましょう。

Danh sách đồ mang theo khi khẩn cấp／ 非常持ち出し品一覧



非常時持出品：Đồ mang theo khi khẩn cấp 点検しましょう：Hãy kiểm tra

Túi ngủ 寝袋	Chăn 毛布	Đồ lót 下着類	Khăn tắm タオル	Xà phòng せっけん
Bao tay 手ぶくろ	Mũ bảo hiểm ヘルメット	Dây thừng ロープ	Thuốc men cấp cứu 救急薬品	Khăn giấy ちり紙
Thực phẩm cho cả gia đình trong 3 ngày 家族3日分の食糧	Nước uống 飲料水	Nến ローソク	Đài phát thanh bán dẫn トランジスタラジオ	Thức ăn đóng hộp 缶づめ
Sữa ミルク	Sổ tiết kiệm 貯金通帳	Tiền mặt (tiền lẻ) 現金(小銭)	Đèn pin 懐中電灯	Diêm マッチ
Dao, đồ mở hộp ナイフ・缶切り	Con dấu 印かん			

※Tích cực tham gia vào tập huấn phòng chống thiên tai để làm quen với cách sử dụng dụng cụ phòng chống thiên tai, v.v.

● 8 chú ý khi động đất

1. Đầu tiên bình tĩnh bảo vệ an toàn cơ thể
2. Chú ý sạt lở đất, sóng thần.
※Những người sống trong khu vực dự kiến ngập lụt do sóng thần hoặc những ai lo lắng về sóng thần gần biển hãy sơ tán đến nơi ngoài khu vực dự kiến ngập lụt do sóng thần.
3. Nếu xảy ra cháy thì nhanh chóng chữa cháy sớm
4. Không đến gần đường hẹp, hàng rào, vách đá, sông
※Khi đi bộ bên ngoài, hãy đội mũ bảo hiểm và nón. Có thể các mảnh thủy tinh sẽ rơi xuống.
5. Đi bộ khi lánh nạn
※Không dùng xe hơi khi đi lánh nạn vì sẽ gây trở ngại cho các xe khẩn cấp đi lại như xe cấp cứu và xe cứu hỏa, v.v.
6. Cùng hợp tác để cứu nạn, cứu hộ sơ cứu
※Chính vào những lúc khó khăn, chúng ta càng nên giúp đỡ lẫn nhau. Nếu cùng hợp sức trong việc dập lửa, cứu hộ, phòng chống tội phạm, nấu ăn cứu trợ... thì sức mạnh sẽ càng lớn hơn. Hãy cùng tham gia các hoạt động của Hội phòng chống thiên tai tự nguyện.
7. Nhận thông tin chính xác
※Hãy nghe tin từ ti vi, đài phát thanh, phát thanh vô tuyến đồng loạt cho dân chúng để lấy thông tin chính xác.
Chú ý đừng dễ bị hoang mang vì tin đồn và lời đồn vô căn cứ
8. Chú ý tuân thủ quy tắc, quản lý sức khỏe
※Khi gặp khó khăn ở chỗ lánh nạn, hãy trao đổi với viên chức thành phố, viên chức của hội phòng chống thiên tai dân phòng, cơ sở,

●地震の心得 8 か条

1. まず落ち着いて身の安全を守る
2. がけ崩れ、津波に注意
※津波浸水想定区域にお住まいの方や、海に近く津波が心配の方は、津波浸水想定区域外津に避難をしましょう。
3. 火が出たら初期消火
4. 狭い道、塀、がけ、川に近寄らない
※外を歩く時はヘルメットや帽子をかぶりましょう。ガラスの破片などが落ちてくるかもしれません。
5. 避難は歩いてする
※救急車や消防車などの緊急車両の通行に支障が出るので、避難に車は使わないようにしましょう。
6. 協力し合って救出・救助応急救護を
※大変な時こそお互い助け合いましょう。消火、救助、防犯、炊き出しなど、助け合えば大きな力になります。自主防災会の活動にも参加しましょう。
7. 正しい情報を入手する
※テレビやラジオのニュー

ス、同報無線を聞いて正しい情報を得ましょう。

デマやうわさに惑わされないように注意しましょう。

8. ルールを守り、健康管理に注意
※避難所で困ったときは、市の職員や自主防災会、施設の職員等に相談しましょう。

● ภัย hợp tác ở hội phòng chống thiên tai dân phòng!!

Khi xảy ra động đất lớn, chỉ với sức của cá nhân thì có giới hạn. Tuy nhiên nếu mọi người ở khu lân cận hợp tác thì sẽ trở thành sức mạnh lớn. Trong từng tổ dân phố có hội phòng chống thiên tai dân phòng như là một tổ chức nhằm mục đích đó.

Hãy tham gia tích cực vào các hoạt động của hội phòng chống thiên tai dân phòng này, tuân theo phân công vai trò ngày thường đã được quyết định từ trước, liên tục tập huấn và ghi nhớ các hành động khi khẩn cấp.

● Phát thanh vô tuyến đồng loạt cho dân chúng

Để chuẩn bị cho các thảm họa như động đất và sóng thần, chúng tôi có lắp đặt loa tuyên truyền ngoài trời. Ngày thường chúng tôi phát thanh báo giờ hoặc các thông báo từ Ủy ban Nhân dân Thành phố. Ngoài ra, chúng tôi phát thanh tạm thời khi có động đất, hay có người thất lạc.

Khi có thông báo nhanh về động đất khẩn cấp thì hãy nhanh chóng có hành động bảo vệ cơ thể.

● Thông báo nhanh về động đất khẩn cấp

Được phát thanh vài giây trước khi động đất đến, nên hãy lập tức rời khỏi nơi nguy hiểm và bảo vệ an toàn cơ thể.

Câu phát thanh “[Âm thanh báo] Động đất. Động đất. Hãy cảnh giác rung lắc mạnh.”

Nếu ở gần tâm chấn, có thể phát thanh không kịp.

● Nếu muốn liên lạc

Đối với điện thoại dùng cho gia đình và điện thoại di động, nếu đường dây bị nghẽn thì điện thoại sẽ khó kết nối.

Hãy tận dụng dịch vụ Quay số để lại lời nhắn thảm họa “171” và dịch vụ để lại lời nhắn thảm họa.

● 自主防災会で協力しあいましょう!!

大地震が起きたときには、個人の力では限度があります。しかし、隣近所の人々が協力すれば大きな力となります。各町内会には、そのための組織として自主防災会があります。

この自主防災会の活動に積極的に参加し、普段からあらかじめ決められた役割分担に従い、訓練を重ね、緊急時の行動を体で覚えておきましょう。

● 同報無線放送

地震や津波などの災害に備えて、屋外広報スピーカーを設置しています。普段は時報や市役所からのお知らせを放送しています。また、地震や行方不明などの場合は臨時に放送します。

緊急地震速報が流れた時は、すばやく身を守る行動をとってください。

● 緊急地震速報

地震が来る数秒前に放送されますので、直ちに危険な場所から離れて、身の安全を守ってください。

放送文「【アラーム音】 じしんです。 じしんです。 つよいゆれに けいかいしてください。」

なお、震源が近い場合には、放送が間に合わないことがあります。

● 連絡を取りたいときは

家庭用電話や携帯電話は回線が込み合うと電話が繋がりにくくなります。

災害伝言ダイヤル「171」サービス

Khi có thảm họa thì các dịch vụ viễn thông như các số điện thoại ưu tiên (điện thoại của nơi lánh nạn và điện thoại công cộng) và email, Internet sẽ dễ kết nối hơn.

や災害伝言板サービスを活用しましょう。

災害時には優先電話(避難所の電話や公衆電話)やメール、インターネットなどの通信サービスの方が繋がります。

● Khi bị thương

16 địa điểm (tính theo đơn vị khu vực trường phổ thông cơ sở) đã được chỉ định làm nơi dự định mở phòng cứu hộ y tế, và chúng tôi sẽ xem xét tình hình thiệt hại trong khu vực, tình hình phát sinh người bị thương, khi cần thiết sẽ mở. Ở phòng cứu hộ, bác sỹ và y tá v.v. sẽ sơ cứu.

Trường hợp bệnh nặng thì sơ cứu ở phòng cứu hộ, rồi chuyển đến các bệnh viện cứu hộ như bệnh viện trung tâm thành phố.

Trường hợp bệnh nhẹ thì hãy xử lý bằng cách điều trị tại nhà hoặc đội cứu hộ của hội phòng chống thiên tai dân phòng.

● ケガをしたときは

- ・医療救護所の開設予定場所として 16 ヶ所 (中学校区単位) を指定しており、地域の被害状況、負傷者の発生状況などを考えて、必要な時に開設します。救護所では医師や看護師等が応急手当を行います。
- ・ケガがひどい場合は、救護所で応急手当をして市立中央病院などの救護病院へ搬送します。
- ・ケガが軽い場合は、家庭や自主防災会の救護班などによる手当で対応してください。



Rác

ごみ

Hãy cùng nhau hợp tác vì một thành phố sạch đẹp.

住みよいきれいなまちをつくるため、次のことにご協力ください。

●Cam kết về việc vứt rác

1. Hãy vứt rác đúng nơi, đúng ngày, đúng loại rác theo quy định.
2. Hãy vứt rác trước 8:30 sáng.
3. Không được vứt rác ở những nơi khác, ngoài nơi đã được chỉ định.
4. Không vứt rác thuộc hệ kinh doanh.

Ngày vứt rác, nơi vứt rác được quy định theo từng hiệp hội khu phố.

Nếu không rõ, hãy hỏi chủ nhà, bất động sản cho thuê nhà hoặc hàng xóm.

Để biết chi tiết, xin vui lòng xem lịch "Cách phân loại rác, cách vứt rác".

Lịch vứt rác có ở Ban Đối sách chất thải của tòa thị chính hoặc trung tâm phát triển khu phố gần nhất, hãy dùng lịch đó.

Ngoài ra, tại Ban Đối sách chất thải có phát lịch vứt rác mà đã được dịch ra tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Trung, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Indonesia. Dưới đây, chúng tôi xin hướng dẫn các nội dung cần chú ý về cách vứt từng loại rác.

●Vui lòng sử dụng ứng dụng phân loại rác "San-a-ru".

Đây là ứng dụng có thể tra cứu ngày vứt rác và cách vứt rác.

Ứng dụng hỗ trợ các ngôn ngữ: tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Thái và tiếng Indonesia.

●Rác cháy được (mỗi tuần 2 lần)

Rác tươi nấu ăn, giấy bẩn hay giấy có mùi nặng, nylon bẩn, nhựa không có dấu nhựa Plamark CD・DVD, đồ nội thất nhỏ, thảm, v.v.



●燃えるごみ (週 2 回)

台所の 生ごみ、汚れた 紙や においの 強い 紙、汚れた ビニール、プラマーク ( ない プラスチック、CD・DVD、小型家具、じゅうたんなど。

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy dùng túi chuyên dụng để vứt rác cháy được.
- Những thứ có nước thì hãy làm ráo nước đi.
- Những thứ có đầu nhọn như que xiên thì hãy bọc lại bằng giấy.
- Giấy cũ, bìa cứng thì hãy vứt vào đúng ngày vứt các loại giấy theo chỉ định.
- Trường hợp có lượng lớn rác thì hãy mang trực tiếp đến Trung tâm làm sạch môi trường mới(Shin Kankyō Kurin Centā) .
- Những chiếc thảm mà không vào vừa túi thì hãy cắt ra. (cắt thảm thành cỡ kích thước tối đa 50 ~ 60cm.)
- Nệm thì chỉ được vứt loại bằng mút. (Nệm lò xo là rác chôn.)

● Bao bì đồ đựng bằng nhựa (mỗi tuần 1 ngày)

“Đồ đựng” đã đựng sản phẩm hay "bao bì" bọc sản phẩm, mà làm bằng nhựa, nylon.

Nhận dạng bằng dấu nhựa  Plamark

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy cho vào túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vứt.
- Những thứ không làm sạch được, những thứ không có dấu nhựa Plamark, thì hãy vứt là rác cháy được.

● Các loại rác chôn (mỗi tháng một lần)

Các loại vật dụng có kích thước lớn (dụng cụ trong nhà có cỡ lớn bằng gỗ, ghế sofa, giường, nệm lò xo, v.v.)

Đồ điện gia dụng loại nhỏ (quạt máy, máy hút bụi, máy game, v.v.)

Rác chôn (bóng đèn, dao kéo, đồ gốm sứ, thủy tinh, bình vỡ, sản phẩm tráng men, ván trượt tuyết, v.v.)

Ổng đèn huỳnh quang

Các loại pin khô

Các loại bình xịt thì hãy xài hết, không nên đục lỗ mà giữ nguyên sau đó cho vào túi trong suốt và mang đi vứt.

Hộp quét sau khi đã xài hết hãy cho vào túi trong suốt và mang đi vứt.

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy phân loại riêng 7 loại rác ở nơi thu thập rác là rác cỡ lớn, đồ điện gia dụng loại nhỏ, rác chôn, ống đèn huỳnh quang, pin khô, bình xịt và hộp quét
- Những vật bị vỡ, bắt buộc phải bọc bằng giấy ví dụ như giấy báo, rồi ghi rõ bên trong và cho vào túi trong suốt để vứt.

注意すること

- 燃えるごみの 専用の 袋を 使って 出して ください。
- 水分のあるものは、よく 水分を取って ください。
- 竹串など 先の 鋭いものは、 紙に 包んで ください。
- 古紙、ダンボールは、古紙類の日に 出して ください。
- 量が多いときは、自分で 新環境 クリーンセンターに 持ち込んで ください。
- 袋に入らない じゅうたん、カーペットなどは 切って 出して ください。(50~60cm くらいの 大きさに してください。)
- マットレスは スポンジだけです。(スプリングマットレスは 埋立ごみです。)

● プラスチック製容器包装

(週 1 回)

商品が入っていた「容器」や 商品を 包んでいた「包装」で、プラスチック、ビニールでできているもの。

プラマーク()が目印です。

<注意すること>

- 資源物の専用の袋に入れて 出して ください。
- 汚れが 取れないもの、プラマークのついていないものは、燃えるごみに出してください。

● 埋立ごみなど (月 1 回)

粗大ごみ (木で できた 大きい 家具、ソファ、ベッド、タンス、スプリングマットレスなど)

小型家電製品 (扇風機、掃除機、ゲーム機 など)

埋立 (電球、刃物、せともの、ガラス、割れびん、ホーロー製品、スキー板 など)

蛍光管

乾電池

スプレー缶 (中を空にし、穴をあけずに 無色透明の袋にいれて出して ください。)

使い捨てライター (無色透明の袋にいれて出して ください。)

注意すること

- 集積所に 粗大ごみ、小型家電製品、埋立、蛍光管、乾電池、スプレー缶、使い捨てライターの 7 つに 分けて く

- Pin khô thì hãy cho vào lon màu đỏ được chỉ định và vứt tại đúng nơi quy định. (Hãy lấy ra khỏi túi.)
- **Vui lòng đặt chỗ trước và mang máy tính đến Trung tâm Môi trường mới (Shin Kankyō Kurin Centā)** thì sẽ được thu miễn phí. (Không thu tại nơi thu thập rác.)
- **Đối tượng:** máy tính cá nhân, màn hình tinh thể lỏng, màn hình ống tia âm cực (CRT)
Đối với những thứ khó phán đoán, xin vui lòng liên hệ với người phụ trách thu gom của Trung tâm làm sạch môi trường mới (Shin Kankyō Kurin Centā)
(điện thoại 0545-35-0081).
- Bạn cũng có thể yêu cầu Công ty TNHH Tái chế Rinnet Japan đến tận nhà thu gom.
Nơi đăng ký: Công ty TNHH Tái chế Rinnet Japan
Điện thoại: 0570-085-800
URL: <https://www.renet.jp/>

- ださい。
- 割れているものは、必ず新聞紙などに包んで中身を書いて、無色透明な袋に入れて出してください。
 - 乾電池は集積所に置かれた赤い缶に入れてください。(袋から出してください。)
 - パソコンは予約をして新環境クリーンセンターへ持ち込んでください。無料で引き取ります。(集積所には出せません。)
- 対象: パソコン本体、液晶ディスプレイ、ブラウン管 (CRT) ディスプレイ
- 分からないものは新環境クリーンセンターの収集担当 (電話 0545-35-0081) へ質問してください。
 - リネットジャパンリサイクル株式会社に回収を依頼して、自宅まで引き取りに来てもらう方法もあります。
申し込み先: リネットジャパンリサイクル株式会社
電話: 0570-085-800
URL: <https://www.renet.jp/>

●Chai lọ (mỗi tháng một lần)

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy xếp nằm vào thùng chứa cho đến khoảng đầy 8 phần thùng.
- Phải bỏ hết ruột trong chai lọ và rửa sạch.
- Chai lọ vỡ thì hãy vứt làm rác chôn.
- Nắp bằng kim loại thì hãy vứt cùng lon, rác kim loại, nắp nhựa thì hãy vứt cùng bao bì đồ đựng bằng nhựa.
- Các sản phẩm thủy tinh, pha lê, chai lọ mỹ phẩm màu trắng sữa, tấm thủy tinh, ống đèn huỳnh quang và đồ gốm sứ hãy vứt làm rác chôn.

●びん類 (月 1 回)

<注意すること>

- コンテナに横に並べて 80% くらいまで入れてください。
- びんは中身を必ず空にして洗ってください。
- 割れたびんは埋立ごみに出してください。
- 金属製のキャップは缶、金属類、プラスチックキャップはプラスチック製容器包装へ出してください。
- クリスタルガラス製品、乳白色のびん、板ガラス、蛍光管、せとものは埋立ごみへ出してください。

●Chai nhựa PET (mỗi tháng một lần)

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy tháo nắp, rửa ruột chai và làm ráo nước kỹ. (Nắp thì hãy vứt cùng bao bì đồ đựng bằng nhựa.)
- Hãy đập bẹp nhẹ và cho vào lưới thu gom.
- Nhận dạng bằng dấu PET 1  mà có chủ yếu ở các loại chai nhựa đựng đồ uống.
- Hãy bóc nhãn và vứt cùng bao bì đồ đựng bằng nhựa.

●ペットボトル (月 1 回)

<注意すること>

- キャップをはずし、中を洗ってよく水分を取ってください。(キャップはプラスチック製容器包装へ出してください。)
- 軽く踏みつぶしてから回収ネットへ入れてください。
- 主に飲み物についているペット 1 マーク ( が目印です。)
- ラベルははずして、プラスチック製容

器包装へ出してください。

●Lon, rác kim loại (mỗi tháng một lần)

Hãy cho lon vào túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vứt. (lon đồ uống, lon đồ đóng hộp, nắp bằng kim loại, các loại lon từ 4L trở xuống)

Các đồ kim loại, không bỏ vào bao rác mà để nguyên và mang đi vứt (nồi, ấm đun nước, lò vi sóng, bếp ga, máy nướng bánh mì, máy may, móc treo kim loại, xe đạp, tôn, v.v.)

<Nội dung cần chú ý>

- Lon thì hãy rửa ruột lon và cho vào túi chuyên dùng cho rác tái chế.
- Không làm bẹp lon mà để nguyên và mang đi vứt.
- Các loại bình xịt thì hãy xài hết, không nên đục lỗ mà giữ nguyên sau đó cho vào túi trong suốt và mang đi vứt.
- Hãy phân loại lon và các đồ dùng kim loại trước khi mang đi vứt.
- Tiêu chuẩn của rác kim loại là các vật được làm từ nguyên liệu 80% là kim loại.
- Đinh hay rác kim loại nhỏ thì hãy cho vào lon nhỏ v.v rồi ghi rõ bên trong, và cẩn thận để không làm đổ.
- Sản phẩm men thì hãy vứt làm rác chôn.
- Lò sưởi dầu hỏa v.v thì bắt buộc phải lấy dầu hỏa ra trước khi mang đi vứt.

●Quần áo, chăn đệm (mỗi tháng một lần)

Các loại trang phục, giày dép, các loại đồ nhỏ thì cho vào túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vứt. (Quần áo ví dụ như áo phông, vải lông cừu, quần dài v.v, các loại vải như khăn lau, đồ da như giày, túi, thắt lưng v.v)

Chăn đệm, chăn mỏng thì hãy buộc lại bằng dây và vứt.

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy giặt và làm khô đồ trước khi vứt.
- Hãy phân loại để vứt các đồ nhỏ ví dụ như quần áo, vải, giày, túi hay thắt lưng.
- Giày thì chỉ giới hạn các loại giày có đủ đôi trái và phải. Nếu giày bị hỏng hoặc không đủ đôi thì vứt cùng rác đốt.
- Dép, ủng thì không được thu gom. Hãy vứt cùng rác đốt.
- Khi trời mưa thì đừng vứt chăn đệm, chăn mỏng.
- Những đồ quá bẩn, gói, đệm ngồi, gối ôm, thảm thì hãy vứt cùng rác đốt.

●かん、金属類 (月 1 回)

かんは、資源物の専用の袋に入れて出してください。(飲み物のかん、缶詰のかん、金属製のキャップ、4Lより小さいかん)

金属類は、袋に入れないでそのまま出してください。(なべ、やかん、電子レンジ、ガスレンジ、トースター、ミシン、針金ハンガー、自転車、スチールタンなど)

注意すること

- かんは、中を洗って資源物の専用の袋に入れてください。
- かんは、つぶさないで出してください。
- スプレー缶は、中を空にし、穴をあけずに無色透明の袋にいれて、「埋立等」の日に 出してください。
- かんと 金属類は 分けて 出してください。
- 金属類の 基準は 素材の 80%以上が金属で 作られているものです。
- 釘や 小さな 金属は、小さな かななどに 入れて 中身を書いて、こぼれないようにして 出してください。
- ホーロー製品は、埋立ごみに 出してください。
- 石油ストーブなどは、灯油を 必ず 抜いて ください。

●衣類、ふとん類 (月 1 回)

衣類や靴、小物類は、資源物の専用の袋に入れて出して ください。(Tシャツ、フリース、ズボンなどの衣服、タオルなどの布類、靴類、かばん、ベルトなどの革製品)

ふとん、毛布はひもでしばって出して ください。

<注意すること>

- 洗って乾かしたものを 出して ください。
- 「衣類と布類」、「靴類」、「バッグやベルトなどの小物類」に分けて出して ください。
- 靴類は左右がそろっているものだけです。そろっていないものや 壊れたものは 燃えるごみに出してください。
- サンドル、ブーツは収集できません。燃えるごみに出してください。
- 雨の日はふとん、毛布を出さないでく

●Giấy cũ (mỗi tháng một lần)

Báo, tạp chí, bìa cứng, thùng cactong, hộp nước uống bằng giấy (loại bên trong có màu trắng), các giấy khác

<Nội dung cần chú ý>

- Báo, tạp chí, bìa cứng, thùng cactong, hộp nước uống bằng giấy, hãy phân loại thành từng loại và buộc bằng dây giấy.
- Tờ rơi thì gộp chung vót cùng với báo.
- Sách, truyện tranh thì vót cùng với báo, tờ rơi.
- Thùng cactong, bìa cứng thì hãy rọc ra và chồng lên nhau.
- Hộp nước uống bằng giấy thì hãy rửa rồi rọc ra và làm khô.
- Các loại giấy khác như hộp giấy, túi giấy, phong bì giấy, bìa thiệp, giấy gói, giấy vẽ, cốc giấy v.v. Hãy vót bằng một trong những cách là bỏ vào túi giấy, chồng lên nhau và buộc lại, bọc bằng giấy bọc v.v, cho vào túi túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vót.
- Cho dù ngày thu gom trời mưa thì vẫn tiến hành thu gom.
- Dây buộc thì hãy dùng dây bằng giấy.

●Cành cây cắt tỉa (mỗi tuần một lần)

Cành cây đã được cắt tỉa từ cây trong vườn.

<Nội dung cần chú ý>

- Thu gom tại nơi thu thập rác cháy được vào thứ tư hàng tuần. Cần phải đăng ký trước. Bắt buộc phải đăng ký lên Trung tâm làm sạch môi trường mới. (Shin Kankyō Kurin Centā)
- muộn nhất là thứ ba.
Trung tâm làm sạch môi trường mới. (Shin Kankyō Kurin Centā)
- Điện thoại 0545-35-0081
Giờ tiếp nhận 8: 30 - 17: 00 từ thứ hai đến thứ sáu (bao gồm ngày lễ).
- Hãy cắt nhỏ cành khoảng cỡ thành độ to đường kính là 10cm, chiều dài 50cm, rồi bó gom lại.
Cỏ, lá rụng, tre, cây có độc, gỗ thải, v.v thì không thể tái chế, hãy vót cùng rác đốt.

●Các loại rác không được thu gom

Các loại đồ điện gia dụng theo luật tái chế (Tivi, tủ lạnh, máy

ださい。

- ひどく汚れているもの、枕、座布団、クッション類、じゅうたんは燃えるごみに出して ください。

●古紙類 (月 1 回)

新聞紙、雑誌、ダンボール、飲料用紙パック類(内側が白いもの)、その他の紙

<注意すること>

- 新聞紙、雑誌、ダンボール、紙パックは、種類ごとに分けて紙ひもでしばってください。
- 新聞と一緒に入っているチラシは新聞と同じです。
- 厚い本やマンガは雑誌と同じです。
- ダンボールは開いてから束ねてください。
- 飲料用紙パックは洗って開き、乾かしてください。
- その他の紙は、紙箱、紙袋、紙封筒、葉書、包装紙、画用紙、紙コップなどです。紙袋に入れる、重ねてしばる、包装紙等で包む、資源物の専用の袋に入れる、のいずれかの方法で出してください。
- 収集日が 雨でも収集を行います。
- しばるひもは紙ひもを使ってください。

●剪定枝 (週 1 回)

庭木を 剪定した 枝です。

注意すること

- 毎週 水曜日に 燃えるごみの 集積所で 収集します。
- 予約が 必要です。 火曜日までに必ず [新環境クリーンセンター](#)へ 申し込んで ください。
新環境クリーンセンター 電話 0545-35-0081
受付時間 月曜日から 金曜日 (祝日も可) 8 時 30 分～17 時
- 枝の 太さは 直径 10cm、長さ 50cm 程度までに 切り、 しばって まとめて ください。
- 草、 落ち葉、 竹、 毒性のある木は リサイクル できません。燃えるごみに 出して ください。

●収集しないごみ

家電リサイクル法の 対象品 (テレ

giặt, điều hòa, máy sấy quần áo)

<Nội dung cần chú ý>

Các sản phẩm đồ điện gia dụng theo luật tái chế thì thành phố sẽ không thu gom.

- Nếu không được mang đến Trung tâm làm sạch môi trường mới. (**Shin Kankyō Kurin Centā**)

, hãy chọn một trong các cách xử lý và vứt rác dưới đây.

1. Thanh toán phí tái chế tại bưu điện trước và tự mang đến Công ty TNHH Shinohara Sangyo.

Công ty TNHH Shinohara Sangyo.

Địa chỉ 2608-43, Nakazato Fuji-shi.

Điện thoại: 0545-32-2160 (cần liên lạc trước)

2. Gửi yêu cầu thu gom đến Công ty TNHH Tái chế Rinet Japan.

Người thu gom rác sẽ đến tận nhà lấy hàng, bạn cần thanh toán phí tái chế và phí vận chuyển.

Nơi đăng ký: Công ty TNHH Tái chế Rinet Japan

Điện thoại: 0570-056-006

URL: <https://www.sg-renet.jp/>

3. Khi cần thay đổi, mua mới các đồ điện gia dụng, có thể yêu cầu các tiệm đồ điện, có mất phí tái chế và vận chuyển.

●Rác đi kèm với các hoạt động kinh doanh (rác từ những nơi như công ty, nhà máy, cửa hàng, bệnh viện, nhà hàng, v.v.)

Rác thuộc hệ kinh doanh thì thành phố sẽ không thu gom. Hãy chọn một trong các cách xử lý và vứt rác dưới đây.

Rác thuộc hệ kinh doanh thì hãy mang đến Trung tâm làm sạch môi trường mới. (**Shin Kankyō Kurin Centā**)

- đăng ký xử lý rác qua Hợp tác xã chất thải thông thường của thành phố Fuji (điện thoại 0545-72-5353).
- Rác không cháy được thuộc hệ kinh doanh (các loại bao nhựa) thành phố không thu gom. Hãy liên hệ đến quầy tư vấn hiệp hội chất thải sản nghiệp tỉnh Shizuoka (điện thoại 054-255-8285). Chú ý thu gom rác có tổn phí.

●Rác thải ra với số lượng lớn cùng một lúc (rác phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng dọn dẹp, v.v.)

Sau khi liên lạc, hãy mang đến Trung tâm làm sạch môi trường mới. (**Shin Kankyō Kurin Centā**)

- (điện thoại 0545-35-0081)
đăng ký xử lý rác qua Hợp tác xã chất thải thông thường của thành phố Fuji (điện thoại 0545-72-5353)

び、冷蔵庫・冷凍庫、洗濯機、エアコン、衣類乾燥機)

注意すること

- 家電リサイクル法の対象品は市では収集しません。
- 新環境クリーンセンターへの持ち込みはできません。次のいずれかの方法で処分してください。

- ① 事前に郵便局でリサイクル料金を支払い、(株)篠原産業へ自分で持ち込む

(株) 篠原産業 住所: 富士市中

里 2608-43 電話: 0545-32-2160

(要事前連絡)

- ② リネットジャパンリサイクル(株)に回収を依頼する。

家まで宅配便が取りに来るので、リサイクル料金と運搬費用を支払う。

申込先: リネットジャパンリサイクル(株)

電話: 0570-056-006

URL: <https://www.sg-renet.jp/>

- ③ 家電の買い替えるときに、家電量販店に処分を依頼し、リサイクル料金と運搬料金を支払う。

●事業活動で出たごみ(会社、工場、商店、病院、飲食店などから出るごみ)

事業活動で出たごみは市では収集しません。次の方法で処理してください。

- 事業系の一般廃棄物は、新環境クリーンセンターに自分で持ち込むか、富士市一般廃棄物協同組合(電話 0545-72-5353)に処理を申し込んでください。どちらも有料です。
- 産業廃棄物(プラスチックなど)は、市では処理しません。静岡県産業廃棄物協会(電話 054-255-8285)に相談してください。

●一度に多くの量が出るごみ(引っ越し、大掃除などから出るごみ)

- 新環境クリーンセンター(電話 0545-35-0081)へ連絡してから自分で持ち込むか、富士市一般廃棄物協同組合(電話 0545-72-5353)に処理を申し込んでください。

- Thời gian làm việc tại Trung tâm làm sạch môi trường mới. (Shin Kankyō Kurin Centā) (Cần đặt trước)
từ Thứ Hai ~ Thứ Sáu 8:30 ~ 12:00 / 13:00 ~ 16:00
Thứ Bảy (Yêu cầu liên hệ đặt trước) Từ 8:00 ~ 11:00
- Hãy gọi điện liên hệ trước khi mang rác đến Trung tâm làm sạch môi trường mới. (Shin Kankyō Kurin Centā)
Có thể đặt trước thông qua hệ thống tại trang "Thông tin Cơ sở hạ tầng công cộng thành phố Fuji / Hệ thống đặt chỗ" hoặc hẹn trước qua điện thoại 0545-30-6636).

- 新環境クリーンセンターの受入時間 (要予約)
月～金曜日 8時30分から12時まで / 13時から16時まで
土曜日 (要予約) 8時30分から11時まで
- 新環境クリーンセンターにごみを持ち込む場合は予約が必要です。
市のウェブサイト「富士市公共施設案内・予約システム」または予約専用ダイヤル (電話 0545-30-6636) から予約できます。

- **Rác không thể xử lý (đồ nguy hiểm, đồ độc hại, đồ khó xử lý)**
Các loại bình ga, lốp xe, dầu thải, hóa chất, phụ tùng ô tô, pin
- Hãy mang ra các cửa hàng bán, các cửa hàng mua lại.
- Các loại bình ga thì mang cho công ty xử lý gas propan.
- Đối với những thứ khó phán đoán, xin vui lòng liên hệ với người phụ trách thu gom của Trung tâm làm sạch môi trường mới (điện thoại 0545-35-0081).

- **処理できない ごみ (危険物、有害物、処理困難物)**
ボンベ類、タイヤ、廃油、薬品、自動車部品、バッテリー
- 販売店、買った店で引き取ってもらってください。
- ガスボンベ類はプロパンガスを扱うガス会社へ。
- 分からないものは新環境クリーンセンターで確認してください。(電話 0545-35-0081)



giáo dục

教育

● Hệ thống giáo dục Nhật Bản

Hệ thống không bắt buộc gồm 6 năm tiểu học và 3 năm trung học cơ sở.

Sau đó, là trung học phổ thông (3 năm) và đại học (4 năm, đại học ngắn hạn 2 năm).

Ngoài ra, còn có các trường dạy nghề và nhiều trường dạy kỹ năng chuyên biệt và kiến thức nghề cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Giải thích ngắn gọn được trình bày như dưới đây

1. Dưới 6 tuổi

Mẫu giáo, nhà trẻ, các cơ sở giáo dục trẻ em được chứng nhận

2. 7 đến 12 tuổi Tiểu học (6 năm) giáo dục bắt buộc

3. 13 đến 15 tuổi Trung học cơ sở (3 năm) giáo dục bắt buộc

4. 16-18 tuổi Trung học phổ thông (3 năm) hoặc 16 đến 20 tuổi trường trung học chuyên môn v.v.

5. 19-22 tuổi Đại học (4 năm) hoặc 19 đến 20 tuổi đại học ngắn hạn (2 năm) hoặc trường chuyên môn (2 năm), v.v.

Trong đó, tính từ ngày 1/4 trẻ em có độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi bắt buộc phải đi học (năm học của Nhật Bản bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau).

Ngoài ra, còn có các trường quốc lập, trường công lập do các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương điều hành, và các cơ sở tư nhân do các tập đoàn trường học điều hành.

Trẻ em có quốc tịch nước ngoài không bắt buộc phải theo học tại các trường học của Nhật Bản, nhưng việc đi học là cần thiết nhưng để có được các kiến thức xã hội và học vấn cơ bản cần thiết để trưởng thành và hoà nhập với trẻ em cùng thế hệ ở Nhật Bản.

●日本の教育制度

小学校の入学前は選択制で、小学校 6 年間、中学校 3 年間で義務教育となっています。

その後、高校 (3 年間)、大学 (4 年間・短期大学 2 年間) で教育を受けることができます。

そのほかにも、中学校や高校の卒業生等を対象にして、専門の技術や、職業知識を教える専門学校や各種学校があります。簡単に説明すると以下のとおりです。

1. 6 歳まで

幼稚園、保育園、認定こども園

2. 7～12 歳

小学校 (6 年) 義務教育

3. 13～15 歳

中学校 (3 年) 義務教育

4. 16～18 歳

高校 (3 年) または 16～20 歳 高等専門学校 (5 年) など

5. 19～22 歳

大学 (4 年) または 19～20 歳 短期大学 (2 年) または専門学校 (2 年) など

この中で、4 月 1 日現在の年齢が 6 歳から 14 歳の子どもは必ず学校に通います (日本の学校の一年は 4 月に始まり、翌年の 3 月に終わります)。

また、学校の運営には、国が運営をする国立、都道府県や市町村が運営する公立、学校法人等が運営する私立があります。

外国籍の子どもは日本の学校に就学する義務はありませんが、大人になった時のために必要な社会性や基礎学力を身に付け、また、日本の同世代の子どもたちとの交流を深めるためにも、学校へ行くことが役に立つでしょう。

●Trường tiểu học trung học cơ sở

Đối với việc nhập học vào các trường tiểu học và trung học cơ sở, phụ huynh có thể đăng ký cho trẻ vào học tại các trường tiểu học và trung học cơ sở ở nơi sinh sống bằng cách đăng ký bằng thẻ cư trú cùng con.

Thông tin tuyển sinh cho các trường tiểu học và trung học cơ sở (tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Philippin, Anh, Trung Quốc) có tại Phòng Giáo vụ.

Đối với trẻ khuyết tật về thể chất và tinh thần, sẽ có trường và lớp học riêng để phục vụ việc học cho các em, hãy trao đổi với phòng giáo vụ.

◆ Về học phí

Học sinh học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở công lập của thành phố sẽ được miễn học phí và tiền sách giáo khoa. Tuy nhiên, phụ huynh sẽ trả tiền cho đồ dùng học tập, các hoạt động ngoại khóa, các chuyến đi học bên ngoài và ăn uống.

Sẽ có chế độ hỗ trợ học phí, vì thế nếu phụ huynh gặp khó khăn khi thanh toán các khoản phí này vì lý do tài chính, vui lòng trao đổi với trường hoặc bộ phận học vụ của trường.

◆ Giới thiệu về PTA

Đây là một tổ chức bao gồm phụ huynh và giáo viên, nhằm mục đích dựa vào sự hợp tác của phụ huynh và giáo viên để thực hiện nhiều hoạt động khác nhau vì sự phát triển lành mạnh của các em học sinh trong cộng đồng và trường học cũng như cải thiện môi trường học đường. Đây là tổ chức giáo dục do mỗi trường tổ chức và hoạt động độc lập.

■ Liên hệ

Hiệp hội giáo dục thành phố Fuji phòng giáo vụ

Điện thoại : 0545-55-2868

● Lớp học quốc tế

Học sinh nước ngoài nhập học vào các trường tiểu học và trung học cơ sở trong thành phố Fuji, nếu có nguyện vọng, có thể theo học lớp quốc tế tại Trường Tiểu học Yoshiwara, Trường Tiểu học Fujimidai hoặc Trường Tiểu học Tagoura.

Trong lớp học quốc tế, chúng tôi đang dạy để giúp trẻ làm quen với cuộc sống học đường và cuộc sống hàng ngày ở Nhật, và chúng tôi cũng dạy tiếng mẹ đẻ để trẻ không bị quên tiếng mẹ đẻ.

● 小学校・中学校

小学校・中学校への入学は、保護者の方が子ども同伴で在留カードをもって申し込むことにより、住んでいる地区の小学校・中学校に入学できます。

小・中学校への入学案内（ポルトガル語・スペイン語・フィリピン語・英語・中国語）は、学務課に用意してあります。

心身に障害があるお子さんについては、対象となる学校や学級がありますので、学務課の窓口にて相談してください。

◆費用について

市立小学校、中学校に通学する際、授業料や教科書の費用は無料です。

しかし、学用品費、校外活動費、修学旅行費、給食費などの費用は、保護者が支払います。

経済的な理由で、これらの支払いに困るときは、就学費の援助制度がありますので、学校または学務課に相談してください。

◆PTAについて

児童生徒の父母と教師によって構成された団体で、父母と教師が協力し、地域や学校での児童生徒の健全な成長や、学校環境の向上等のためにいろいろな活動を行うことを目的とし、各学校単位に組織され自主的に運営される教育団体です。

■問い合わせ

教育委員会 学務課

電話 : 0545-55-2868

●国際教室

富士市内の小学校・中学校に入学した外国人児童生徒は、希望すれば吉原小学校、富士見台小学校、または田子浦小学校にある国際教室に通うことができます。

国際教室では、日本での学校生活や日常生活に慣れるために日本語を

Nếu bạn muốn cho con tham gia lớp học quốc tế, vui lòng tham khảo ý kiến của trường đã đăng ký học. Giờ học là buổi chiều các ngày trong tuần. (Theo quy định chung, học sinh tiểu học được phụ huynh yêu cầu đưa và đón trẻ. Vui lòng đảm bảo rằng trẻ luôn an toàn trên đường đến trường cũng như về nhà.

■ Giải đáp thắc mắc

Ủy ban giáo dục Thành Phố Fuji
Khoa giáo dục học đường
Điện thoại: 0545-55-2869

● Nhà trẻ, trường mẫu giáo, cơ sở giáo dục trẻ được chứng nhận, cơ sở kinh doanh chăm sóc trẻ cộng đồng, v.v.

Đối với trẻ em trước khi vào tiểu học, trẻ phải được học qua nhà trẻ, trường mẫu giáo, viện trẻ em được chứng nhận, hoặc dự án chăm sóc trẻ em cộng đồng, v.v.

◆ Trường mẫu giáo

Nhà trẻ là cơ sở giáo dục dành cho trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi trước khi vào trường tiểu học.

Thường chúng tôi sẽ tuyển trẻ vào năm trước, nhưng nếu các trung tâm chưa đủ số học sinh theo học quy định thì trẻ có thể đăng ký bất cứ khi nào. Để đăng ký, phụ huynh cùng học sinh vui lòng đến trường mẫu giáo muốn theo học và nộp đơn trực tiếp.

◆ Trung tâm giữ trẻ

Trường mẫu giáo là một cơ sở phúc lợi trẻ em thay mặt cha mẹ chăm sóc trẻ với trường hợp cha mẹ đang làm việc, hoặc bị bệnh không dành được nhiều thời gian quan tâm chăm sóc trẻ.

Vui lòng hỏi phòng Giáo dục Mầm non để biết thêm chi tiết.

Nếu muốn nhập học vào tháng 4, thì chúng tôi tổ chức tiếp nhận đơn vào khoảng đầu tháng 10 hàng năm. Vui lòng nộp các giấy tờ cần thiết như đơn đăng ký cho Bộ phận Nhà trẻ và Mẫu giáo.

Nếu quý vị muốn vào trường mẫu giáo sau tháng Năm, vui lòng nộp các giấy tờ cần thiết như đơn đăng ký cho Bộ phận Nhà trẻ và Mẫu giáo trước ngày 15 hàng tháng. Nếu lớp còn trống sẽ được xét tuyển vào tháng sau.

学習したり、母語を忘れないようにしたい子どもたちのために母語を学習したりしています。

国際教室への通級を希望する場合は、入学した学校に相談してください。

通級時間は、平日の午後です。(小学生は原則として保護者の送迎をお願いします。通級方法は危険がないようにしてください。)

■問い合わせ

富士市教育委員会
学校教育課
電話：0545-55-2869

●幼稚園・保育園・認定こども園・地域型保育事業等

小学校に入る前の子どもたちのためには、幼稚園、保育園、認定こども園、地域型保育事業等があります。

◆幼稚園

幼稚園は、小学校に入学する前の3歳から5歳までの子どもを対象にした教育施設です。

園児募集は前年度に行いますが、各園とも定員に満たない場合は随時受け付けています。

申込は、保護者が子どもと一緒に希望する幼稚園に行き、直接申し込んでください。

◆保育園

保育園は保護者が働いていたり、病気などの理由で、家庭で十分な保育を受けられない子どもを保護者に代わって保育する児童福祉施設です。

詳しくは保育幼稚園課に聞いてください。

4月の入園希望については、毎年10月上旬頃に申し込みを受け付けます。申請書等の必要書類を保育幼稚園課に提出してください。

5月以降の入園希望については、毎月15日までに、申請書等の必要書類を保育幼稚園課に提出してください。

定員に余裕があれば翌月の入園を検討します。

◆ Nhà trẻ được chứng nhận

Là cơ sở có chức năng, công năng đặc thù giống trường mẫu giáo, nhà trẻ. Trong một cơ sở giáo dục dành cho trẻ em được chứng nhận, trẻ em mẫu giáo và nhà trẻ sẽ được giáo dục và chăm sóc trong cùng một phòng

◆ Cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng

Đây là dự án dành cho trẻ từ 0 đến 2 tuổi với số lượng ít hơn trường mẫu giáo

■ Giải đáp thắc mắc

Khoa nhà trẻ và mẫu giáo Tòa thị chính Fuji

Điện thoại: 0545-55-2762

Hoặc trung tâm bạn muốn bạn muốn con theo học

◆ 認定こども園

幼稚園と保育園の機能や特長を持った施設です。認定こども園では、幼稚園と保育園の子どもは、同じ部屋で教育と保育を受けることになります。

◆ 地域型保育事業

保育園より少人数で 0 歳から 2 歳までの子どもを対象とした事業です。

■ 問い合わせ

富士市役所 保育幼稚園課

電話：0545-55-2762

または入園を希望する園

● Trường cấp 3 (Trường trung học phổ thông)

Trường trung học phổ thông là trường dành cho học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở. Sau khi tốt nghiệp cấp 3, có thể đăng ký vào đại học, cao đẳng, hoặc trung cấp nghề, đây có thể là một lợi thế khi đi xin việc. Ở Nhật Bản, hơn 90% người dân học lên trung học phổ thông.

Để được nhận, bạn cần phải tham gia một kỳ thi đầu vào. Bất kỳ ai trên 15 tuổi đã tốt nghiệp hoặc dự kiến tốt nghiệp trung học cơ sở ở Nhật Bản, hoặc đã hoàn thành 9 năm giáo dục tại nước ngoài đều có thể tham gia kỳ thi.

Ngoài ra, nếu bạn đã đi đào tạo ở nước ngoài 8 năm, nếu bạn học tại trường trung học cơ sở ở Nhật Bản trong 1 năm hoặc nếu bạn vượt qua "kỳ thi cấp chứng chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở" và được công nhận là có học lực tương đương với tốt nghiệp trung học cơ sở Bạn có thể làm bài kiểm tra đầu vào.

Có ba loại khóa học chính ở trường trung học phổ thông. Tùy thuộc vào thời gian bạn tham gia các lớp học, có các hệ thống học cả ngày, học thời gian cố định và học qua mạng.

Ngoài ra, hệ thống chuyên trách còn được chia thành các bộ phận chính quy, bộ phận chuyên môn (bộ phận công nghiệp, bộ phận thương mại, v.v.) và các bộ phận tổng hợp.

● 高校(高等学校)

高校は、中学校を卒業した生徒のための学校です。高校を卒業すると、大学、短期大学、専門学校への道が開け、就職する際に、有利になることもあります。日本では 90% 以上の人が高校に進学しています。

入学するためには、入学試験を受ける必要があります。15 歳以上で、日本の中学を卒業するか、卒業する見込みがあること又は、外国の教育を 9 年終了した人なら、誰でも受検することができます。

また、外国で 8 年間、教育を受けた場合は、日本の中学校で 1 年間教育を受けるか、「中学校卒業認定試験」に合格して、中学校を卒業した程度の学力があると認められれば、入学試験を受けることができます。

高校には、大きく分けて 3 種類の課程があります。授業を受ける時間によって、全日制、定時制、通信制に分かれます。

また、全日制は授業の内容で、普通科と専門学科（工業科、商業科など）と、総合学科に分かれます。

● Đại học, cao đẳng

Có các trường đại học và cao đẳng cơ sở (THCS) là trường để tốt nghiệp trung học phổ thông và học chuyên nghiệp hơn. Các trường

● 大学・短大(短期大学)

高校を卒業してさらに専門的な勉

đại học có hệ bốn năm, và cao đẳng cơ sở có hệ hai năm. Để được nhận, bạn cần phải tham gia một kỳ thi đầu vào.

Ngay cả khi bạn chưa tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông tại Nhật Bản, bạn vẫn có thể tham gia kỳ thi tuyển nếu vượt qua “kỳ thi cấp chứng chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông” và được công nhận có học lực tốt nghiệp trung học phổ thông.

Ngoài ra, còn có các trường dạy nghề và nhiều trường dạy kỹ năng chuyên biệt và kiến thức nghề cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Đang học để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào là một cách để củng cố kiến thức và kỹ năng cần thiết để vào đại học. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông là những trường học để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông là những trường học để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào.

Đang học để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào là một cách để củng cố kiến thức và kỹ năng cần thiết để vào đại học. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông là những trường học để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào.

Đang học để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào là một cách để củng cố kiến thức và kỹ năng cần thiết để vào đại học. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông là những trường học để chuẩn bị cho kỳ thi đầu vào.



Hiệp hội tự quản

自治会

● Hiệp hội tự quản (hiệp hội khu phố) là gì?

Hiệp hội cư dân còn được gọi là hiệp hội khu phố, và được tổ chức theo từng khu vực với đơn vị cấu thành là các hộ gia đình.

Đây là hiệp hội dựa trên tinh thần tương thân tương ái, những người hàng xóm cùng hiểu nhau và giúp đỡ lẫn nhau, các hoạt động thiện nguyện trong khu vực được tổ chức nhằm tạo môi trường sống thoải mái và nâng cao đời sống cho người dân

● Hiệp hội phố (phường) và tổ • nhóm

Thành phố Fuji, số lượng hộ gia đình trong một hiệp hội khu phố có hiệp hội nhỏ khoảng vài hộ, hiệp hội lớn khoảng hơn 1.000 hộ. Đối với hiệp hội khu phố có nhiều hộ gia đình, sẽ được chia ra thành nhiều tổ nhỏ. Các nơi tự quản thành phố có nhiều phường, hộ gia đình thì chia ra thành 「tổ」 hoặc 「nhóm」

● Các hoạt động của hiệp hội khu phố

Hiệp hội khu phố có các hoạt động như sau :

Lắp đặt và quản lý đèn an ninh

Để người dân an tâm sinh sống, chúng tôi lắp đặt và quản lý hệ thống đèn chiếu sáng đường vào ban đêm.

2. Làm đẹp môi trường và quản lý kho chứa rác

Chúng tôi đang thúc đẩy một chiến dịch làm đẹp môi trường địa phương và tiến hành thiết lập và dọn dẹp các điểm thu gom rác.

3. Hoạt động tình nguyện phòng chống thiên tai

Chúng tôi đã tổ chức một hiệp hội phòng chống thiên tai tình nguyện và đang tiến hành huấn luyện về phòng chống thiên tai trong khu vực để đối phó với các thảm họa như động đất.

4. Các sự kiện giải trí

●自治会(町内会)とは？

自治会は町内会とも言われ、地域ごとに世帯を構成単位として組織されています。

住民同士が隣人として理解し合い、助け合うという相互扶助の精神に基づき、それぞれの地域に住んでいる人々が住みよい地域づくりと住民の福祉向上のため、地域内の様々な活動に取り組んでいる自主的な団体です。

●町内会(区)と組・班

富士市内の1町内会・区の世帯数は、少ないところは数世帯から、多いところは1,000世帯を超えるところまで様々であり、世帯が多い町内会・区では、その中に「組」または「班」を置いているところが多いようです。

●町内会・区の活動

町内会・区は、以下のような活動を行っています。

1. 防犯灯の設置・管理

安全で安心して暮らせるため、夜道を照らしてくれる防犯灯の設置・管理をしています。

2. 環境美化・ゴミ置場の管理

ゴミ収集場所の設置や清掃を行うとともに地域の環境美化運動を推進しています。

3. 自主防災活動

自主防災会を組織し、地震等の災害に対処するため地域での防災訓練等を行っています。

4. レクリエーションなどの親睦行事

会員の交流と親睦を目的にスポーツ大会・夏まつりなど気軽に参加できる各種行事を行っています。

5. 子ども会・老人クラブなどとの

Với mục đích giao lưu và kết bạn giữa các thành viên, chúng tôi tổ chức nhiều sự kiện khác nhau như các cuộc thi thể thao và lễ hội mùa hè để người dân trong khu phố tham gia.

5. Hợp tác với các hiệp hội trẻ em, câu lạc bộ người cao tuổi, v.v.

Hợp tác với nhiều tổ chức khác nhau như hiệp hội trẻ em và câu lạc bộ người cao tuổi.

6. Khuyến khích phúc lợi xã hội và hợp tác trong các hoạt động gây quỹ khác nhau

Tổ chức quyên góp cho nhiều tổ chức xã hội khác nhau

7. Thành lập hội truyền thông Fuji

Thành lập hội truyền thông Fuji nhằm thông báo các thông tin của thành phố, trung tâm phát triển đô thị cho các hội viên cũng như người dân

8. Quản lý công viên

Tổ chức dọn dẹp và quản lý công viên trong khu phố để người dân được sống trong môi trường thoải mái nhất.

● Về phí khu • phí hội phố

Việc tham gia đóng phí khu • phí hội phố là tình nguyện.

Phương thức đóng hội phí khác nhau tùy thuộc vào từng hiệp hội khu phố (Thanh toán hàng tháng, thanh toán một lần trong vài tháng, v.v.)

協力

子ども会・老人クラブなどの各種団体と協力しあって活動しています。

6. 社会福祉の推進・各種募金の協力

緑の羽根・赤い羽根などの募金の取りまとめを行っています。

7. 広報ふじなどの配布

広報ふじや市・まちづくりセンターからのお知らせを会員の皆さんに周知するために行っています。

8. 公園の管理

町内会・区にある公園をみんなが気持ちよく使えるように清掃・管理しています。

● 町内会・区費について

町内会・区はボランティアで活動しているため、運営にかかる経費は町内会・区に加入している皆さんの町内会費（区費）によって賄われています。

町内会費（区費）の支払い方法は各町内会・区によって違います。（毎月払い、数か月分一括払いなど）



Thủ tục cư trú

在留手続き

Để thực hiện các thủ tục khác nhau liên quan đến cư trú, hãy đến cục quản lý xuất nhập cảnh tỉnh hoặc chi nhánh văn phòng quản lý xuất nhập cảnh nơi bạn sinh sống để nộp đơn và các hồ sơ liên quan cần thiết.

Vui lòng liên hệ với Cục quản lý xuất nhập cảnh để biết các hồ sơ cần thiết

在留に関する諸手続きをするときは、自分が住んでいるところを管轄する地方出入国在留管理局 又はその支局や出張所に行き、申請書と必要な関係書類を提出します。

申請に必要な書類等については、出入国在留管理局までお問い合わせください。

■ Liên hệ

Cục xuất nhập cảnh Nagoya Văn phòng chi nhánh Shizuoka

Địa chỉ

〒420-0858

6F building Fukuichi Denmachi, Denmachi 9-4, Aoiku, Shizuokashi

・ Điện thoại 054-653-5571

■ 問い合わせ

名古屋出入国在留管理局 静岡出張所

・ 住所

〒420-0858

静岡市葵区伝馬町 9-4

福一伝馬町ビルディング 6 階

・ 電話 054-653-5571



Phúc lợi

福祉

Phúc lợi cho người khuyết tật

● Giấy chứng nhận khuyết tật

Những người bị khuyết tật, chậm phát triển trí tuệ, rối loạn tâm thần, làm hạn chế cuộc sống hàng ngày, sẽ được cấp giấy chứng nhận khuyết tật. Khi có giấy chứng nhận này, bạn sẽ được giảm giá khi sử dụng các phương tiện di chuyển công cộng thuế, v.v., và một số dịch vụ hành chính khác.

◆ Sổ ghi chép của người khuyết tật

Giấy chứng nhận người khuyết tật là cần thiết để người khuyết tật nhận được sự trợ giúp, các dịch vụ phúc lợi, hỗ trợ / trợ cấp, giảm giá, v.v. Các dạng rối loạn là mắt, tai, giọng nói / ngôn ngữ, các chi như tay chân, tim, thận, gan, cơ quan hô hấp, bàng quang hoặc trực tràng, ruột non, và khả năng miễn dịch. Có từ lớp 1 đến lớp 6 tùy theo mức độ khuyết tật.

◆ Sổ ghi chép phục hồi chức năng

Những người khuyết tật về trí tuệ cần phải có sổ ghi chép điều dưỡng để nhận được hỗ trợ, các dịch vụ phúc lợi, trợ cấp / trợ cấp, giảm giá, v.v.

◆ Cẩm nang Phúc lợi và Sức khỏe Người khuyết tật tâm thần

Những người bị bệnh tâm thần, cần thiết để nhận được các hỗ trợ khác nhau, các dịch vụ phúc lợi, hỗ trợ / trợ cấp, giảm giá, v.v.

● Những người mắc bệnh khó chữa

Những người đang mắc bệnh có thể nhận được sự hỗ trợ cần thiết ngay cả khi họ không có giấy chứng nhận khuyết tật.

● Dịch vụ phúc lợi

Các dịch vụ phúc lợi sau đây sẵn có phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của người khuyết tật.

- Cử người giúp việc nhà, v.v.
- Dịch vụ chăm sóc từng ngày (có thể đến viện để được chăm sóc và ra về trong ngày)
- Thời gian lưu trú ngắn hạn (có thể đến viện để được chăm sóc ngắn

障害者福祉

● 障害者手帳

身体の不自由な方、知的な発達に遅れのある方、精神の障害で日常生活に制約がある方は、障害者手帳が交付されます。この手帳を持つことにより、公共交通機関の割引や、税金の控除等を受けられるほか、色んな行政サービスを利用できます。

◆ 身体障害者手帳

身体障害者手帳は、身体に障害をお持ちの方が援護や福祉サービス及び補助・助成や割引等の制度を受ける場合に必要です。障害の種類は、目、耳、音声・言語、手足などの肢体、心臓、腎臓、肝臓、呼吸器、ぼうこう又は直腸、小腸、免疫です。障害の程度により 1～6 級の区分があります。

◆ 療育手帳

療育手帳は、知的に障害のある人が援護や福祉サービス及び補助・助成や割引等の制度を受ける場合に必要です。

◆ 精神障害者保健福祉手帳

精神障害の人が各援護や福祉サービス及び補助・助成や割引等の制度を受けるときに必要です。

● 難病等の方々

対象となる疾病に罹患している方は、障害者手帳をお持ちでなくても、必要と認められた支援を受けられます。

● 福祉サービス

障害者の日常生活のために、次のような福祉サービスがあります。

- ホームヘルパー等の派遣
- デイサービス（施設の日帰り通所

hạn)

- Thủ tục nhập viện ...
- Chuyển vào nhà tập thể
- Hỗ trợ việc làm (đào tạo để có việc làm, v.v.)

Ngoài ra, khi sử dụng các dịch vụ phúc lợi trên, có thể phải trả một số khoản chi phí. Chi tiết xin liên hệ :

利用)

- ショートステイ (施設の短期利用)
- 施設入所
- グループホームへの入居
- 就労支援 (仕事に就くための訓練など)

なお、上記の福祉サービスを利用する際には、一部、費用負担が必要な場合があります。詳しくは下記までお問い合わせください。

Các chế độ như trợ cấp / trợ giá và chiết khấu (những chế độ chính)

補助・助成や割引等の制度(主なもの)

● Các chính sách trợ cấp hỗ trợ

1. Trợ cấp chi phí y tế
2. Chi trả trợ cấp tàn tật
3. Thanh toán chi phí thiết bị phúc lợi
4. Hỗ trợ phí sử dụng taxi
5. Lắp đặt hệ thống gọi khẩn cấp
6. Chế độ trợ cấp khác
 - Hỗ trợ phí thi bằng lái xe ô tô
 - Trợ cấp chi phí tu sửa ô tô
 - Cung cấp tã giấy
 - Cung cấp thiết bị phòng chống thiên tai

● Các chính sách ưu đãi, giảm giá

1. Khấu trừ thuế thu nhập và thuế thành phố
2. Giảm, miễn thuế ô tô
3. Giảm giá vé vận chuyển
4. Giảm phí cầu đường
5. Giảm và miễn phí thu phát sóng NHK
6. Thông tin số điện thoại miễn phí của NTT

Ngoài ra, các khoản hỗ trợ và trợ cấp trên

Khi sử dụng hệ thống chiết khấu, có một số hạn chế trong việc sử dụng hệ thống.

Chi tiết xin liên hệ sau.

■ Liên hệ

Ban Phúc lợi Người khuyết tật Tòa thị chính Fuji
(Phía Nam, tầng 4)

- Phí trợ cấp cho người khuyết tật
(Phụ trách chi phí y tế và phụ cấp)

Điện thoại 0545-55-2759

- Nhân viên hỗ trợ tư vấn

Điện thoại 0545-55-2761

- Phụ trách quản lý kế hoạch

Điện thoại 0545-55-2911

●補助・助成・手当制度

1. 医療費の助成
2. 障害者手当の支給
3. 福祉用具費の支給
4. タクシー利用料金の助成
5. 緊急通報システムの設置
6. その他の補助制度
 - 自動車運転免許取得費補助
 - 自動車改造費補助
 - 紙おむつの支給
 - 防災用具の交付

●割引・減免制度

1. 所得税、市民税の控除
2. 自動車税の減免
3. 交通機関の運賃割引
4. 有料道路料金の割引
5. NHK放送受信料の減免
6. NTT無料電話番号案内

なお、上記の補助・助成や割引等の制度を利用する際には、一部、制度の利用について制限などがあります。

詳しくは下記までお問い合わせください。

■問い合わせ

富士市役所 障害福祉課
(4階南側)

- 障害給付担当
(医療費・手当担当)

電話 0545-55-2759

- 相談支援担当

電話 0545-55-2761

Phúc lợi cho trẻ em

● Chế độ trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em

Nếu trẻ em từ 0 tuổi đến cuối năm học 18 tuổi phải đi bệnh viện, thì sẽ có trợ cấp chi phí y tế.

Tiền tự thanh toán

Khám bệnh 1 lần Hạn mức 500 yên (1 tháng tự thanh toán đến 4 lần)

Nhập viện 1 ngày Miễn phí (Gồm số tiền chi trả theo tiêu chuẩn bữa ăn điều trị)

● Đơn xin chăm sóc trẻ sinh non

chúng tôi sẽ hỗ trợ viện phí liên quan đến các chi phí điều trị nội trú nếu bác sỹ tại cơ quan y tế có thẩm quyền chỉ đạo cho em bé phải nhập viện vì các bé sinh non dưới 2000g hoặc sức khoẻ quá yếu. Hãy hỏi các thủ tục cần thiết và nhận trợ cấp tại phòng hỗ trợ nuôi dạy trẻ em tại toà thị chính (Fuji shiyakusho kosodate kyufuka)

● Trợ cấp thiếu nhi

Để hỗ trợ sự phát triển lành mạnh của trẻ em, những người đang nuôi dưỡng trẻ em cho đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi trẻ tròn 18 tuổi sẽ được nhận trợ cấp trẻ em.

<Số tiền trợ cấp>

Dưới 3 tuổi (con thứ 1, thứ 2): 15.000 yên/tháng

Dưới 3 tuổi (từ con thứ 3 trở đi): 30.000 yên/tháng

Từ 3 tuổi trở lên (con thứ 1, thứ 2): 10.000 yên/tháng

Từ 3 tuổi trở lên (từ con thứ 3 trở đi): 30.000 yên/tháng

● Hệ thống trợ cấp chi phí y tế cho các gia đình đơn thân

Thành phố trợ cấp chi phí y tế cho những người ứng với các trường hợp sau thuộc hộ gia đình đang nuôi dưỡng Trẻ em dưới 20 tuổi, không bị đánh thuế thu nhập đối với người làm đơn và người có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, dù có bị đánh thuế thu nhập đi nữa, sẽ có trường hợp vẫn là đối tượng nhận trợ cấp tùy theo độ tuổi, số lượng thiếu nhi đang nuôi dưỡng.

- ・ Trẻ em và bà mẹ của gia đình mẹ đơn thân
- ・ Trẻ em và ông bố của gia đình bố đơn thân
- ・ Trẻ em của gia đình không có bố mẹ

子どものための福祉

● こども医療費助成制度

0歳～18歳学年末までのこどもが病院にかかった場合、医療費の助成をしています。

<自己負担金>

- ・ 通院 1回 上限 500 円 (1 か月につき 4 回まで自己負担あり)
- ・ 入院 1 日 無料 (食事療養標準負担額を含む)

● 未熟児養育医療

出生時体重が 2,000g 以下または生活力が特に薄弱で医師が入院を必要と認めた赤ちゃんの指定養育医療機関での入院治療に伴う医療費を助成します。申請は富士市役所子育て給付課で受け付けます。必要書類はお問い合わせください。

● 児童手当

次代の社会を担う児童の健やかな成長を支援するために、18歳に達する日以後最初の3月31日までの間にある児童を養育している人に児童手当が支給されます。

<支給手当額>

3歳未満 (第1、2子) 月額15,000円

3歳未満 (第3子以降) 月額30,000円

3歳以上 (第1、2子) 月額10,000円

3歳以上 (第3子以降) 月額30,000円

● ひとり親家庭等医療費助成制度

20歳未満の児童を扶養していて、申請者および扶養義務者に所得税が課せられていない世帯の下記にあてはまる方に医療費の助成をしています。

ただし、所得税が課せられていても、扶養している児童の年齢・人数により対象となる場合があります。

- ・ 母子家庭の児童及び母

- Trẻ em và mẹ (hoặc bố) của gia đình có chồng hoặc vợ có khuyết tật nặng về tinh thần hoặc thể chất
- Mẹ (hoặc bố) và Trẻ em không thể nhận nuôi dưỡng vì chồng hoặc vợ đã nhận lệnh bảo vệ bạo hành gia đình

● **Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em—Cho các hộ gia đình đơn thân—**

Sẽ chi trả cho người ứng thoả các điều kiện sau, đồng thời là người mẹ đang giám hộ thiếu nhi, người nuôi dạy đang nuôi dạy và người cha đang giám hộ và cùng sinh kế với trẻ em trong độ tuổi đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên từ sau ngày đủ 18 tuổi (trẻ khuyết tật dưới 20 tuổi).

- Mẹ hoặc bố qua đời
- Bố hoặc mẹ không rõ sống chết hoặc thất lạc, bỏ rơi, giam giữ trên 1 năm
- Bố mẹ sau khi li hôn, bố hoặc mẹ có sinh kế riêng
- Bố hoặc mẹ có khuyết tật nặng
- Bố hoặc mẹ chưa kết hôn
- Bố hoặc mẹ đang nhận lệnh bảo vệ bạo hành gia đình từ tòa án

Mức tiền trợ cấp hằng tháng sẽ khác tùy theo thu nhập (năm trước).
Hãy liên hệ nơi dưới đây để biết thêm chi tiết.

■ **Giải đáp thắc mắc**

Phòng Trợ cấp nuôi con - Tòa thị chính Fuji
(phía Nam tầng 4) Điện thoại 0545-55-2738

● **Câu lạc bộ Thiếu nhi sau giờ học**

Hiện tại trong thành phố có câu lạc bộ Thiếu nhi ở mọi khu vực trường tiểu học cho các học sinh tiểu học không có người bảo hộ đi về nhà sau khi tan học.

■ **Giải đáp thắc mắc**

phòng Tương lai trẻ em, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji
Điện thoại 0545-55-2731

- 父子家庭の児童及び父
- 両親のいない家庭の児童
- 配偶者の精神又は身体に重度の障害がある家庭の児童および母（又は父）
- 配偶者が DV 保護命令を受けたためその扶養を受けることができない母（又は父）と児童

● **児童扶養手当**

—ひとり親世帯などのために—

次のいずれかに該当し、18 歳に達する日以後最初の 3 月 31 日までの間にある児童（20 歳未満の障害児）を監護している母、養育している養育者及び児童を監護し、かつ、生計を同じくしている父に支給されます。

- 父又は母が死亡
- 父又は母が生死不明または 1 年以上行方不明・遺棄・拘禁
- 父母が離婚後、父又は母と生計が別
- 父又は母が重度の障害
- 未婚の父又は母
- 父又は母が裁判所から DV 保護命令を受けている

手当での月額、所得（前年）によって異なります。詳しくは下記までお問い合わせください。

■ **問い合わせ**

富士市役所子育て給付課
(4 階南側)
電話 0545-55-2738

● **放課後児童クラブ**

放課後、帰宅しても保護者のいない小学生のために、現在市内には全ての小学校区に児童クラブがあります。

■ **問い合わせ**

富士市役所 こども未来課
電話 0545-55-2731

Phúc lợi cho người cao tuổi

高齢者の福祉

● Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực tại Thành phố Fuji

Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng được thành lập nhằm hỗ trợ toàn diện người cao tuổi sống trong cộng đồng từ nhiều khía cạnh khác nhau như chăm sóc điều dưỡng, phúc lợi và chăm sóc y tế. Thành phố Fuji đã thiết lập 9 Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực với mục đích mang đến cho mọi người một cuộc sống khỏe mạnh. Ở mỗi khu vực đều có người phụ trách.

● 富士市内の地域包括支援センター

地域包括支援センターは地域で暮らす高齢者のみなさんを、介護、福祉、医療などさまざまな面から総合的に支えるために設けられました。みなさんがいつまでも健やかに住み慣れた地域で生活していけるよう、富士市では9か所に地域包括支援センターを設置しています。担当地区のみなさんの相談に応じますのでご利用ください。

Tên	Phụ trách khu vực	Địa chỉ	Số điện thoại
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía đông thành phố Fuji.	Sudo ・ Ukishima ・ Motoyoshiwara	12-1 Shinmachi, Masugawa, Fuji shi	39-1300
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực trung tâm thành phố Fuji.	Kodo ・ Fujimidai ・ Harad ・ Yoshinaga ・ Yoshinaga Kita	1481-2 Hina, Fuji shi	39-2700
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía bắc thành phố Fuji.	Obuchi ・ Aobadai, Hiromi	218-10 Isshiki Fuji shi	23-0303
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực Fuji Taka Oka	TakaOka・Tenma・Oka	475-1 Kuzawa Fuji shi	30-7062
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía bắc yoshiwara thành phố Fuji.	Imaizumi ・ Yoshiwara ・ Denpo	1-11-36 Kubo Fuji shi	30-8324
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía bắc thành phố Fuji.	Iwamatsu ・ bắc Iwamatsu ・ phía bắc ga Fuji ・ phía bắc Fuji	24-5 Shinden Fuji shi	66-0115
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía nam thành phố Fuji.	phía nam ga Fuji phía nam thành phố Fuji. Tago Ura	2-17 Yoko wari Honcho Fuji shi	65-8839
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực Fujikawa thành phố Fuji.	Fujikawa ・ Matsuno	137-1 Iwabuchi Fuji shi	81-4820
Trung tâm Hỗ trợ Người cao tuổi thành phố Fuji.	Toàn khu vực thành phố Fuji	Tầng 4.Văn phòng sở thị chính thành phố Fuji	55-2951

■ Mọi thắc mắc về Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực

Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Người cao tuổi Thành phố Fuji

(Tòa thị chính Fuji tầng 4 phía bắc, Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi)

Điện thoại: 0545-55-2951

■ 地域包括支援センターに関する問い合わせ

富士市高齢者地域包括支援センター
(富士市役所 4 階北側 高齢者支援課内)

電話:0545-55-2951

● Với những người sống một mình hoặc các hộ gia đình chỉ có người già

Các dịch vụ sau đây có sẵn với những người sống một mình hoặc cho các hộ gia đình chỉ có người già ở Thành phố Fuji.

● ひとり暮らしや高齢者のみの世帯のために

富士市内でひとり暮らしや高齢者のみの世帯のために以下のようなサ

- Cho mượn điện thoại phúc lợi (đảm bảo phương tiện liên lạc)
- Dự án hỗ trợ độc lập "Thực phẩm" (Chúng tôi sẽ cải thiện thói quen ăn uống và xác nhận an toàn bằng cách phân phối thực phẩm)
- Dịch vụ bảo vệ người cao tuổi (Trong các trường hợp khẩn cấp, thiết bị báo rò rỉ khí gas và thiết bị báo cháy sẽ được thuê để đảm bảo ứng phó khẩn cấp và an toàn)
- Dịch vụ giải đáp, tư vấn qua điện thoại (Bằng cách gọi điện thoại, bạn có thể loại bỏ cảm giác cô đơn và mang đến cảm giác an toàn cho người cao tuổi)

■ Liên hệ

Fuji City Hall Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi Hỗ trợ tại nhà
(Tòa thị chính Fuji tầng 4 phía bắc)

- Đối với những người già cần được giúp đỡ
 - Hỗ trợ cuộc sống sinh hoạt thường ngày (Chúng tôi sẽ cử nhân viên hỗ trợ cuộc sống để hỗ trợ cuộc sống hàng ngày, tập trung vào công việc nhẹ nhàng)
 - Đến dịch vụ làm tóc (thợ làm tóc đến nhà và cung cấp dịch vụ làm tóc)
 - Dịch vụ vệ sinh quần áo, giường (Giặt, sấy khô và khử trùng bộ đồ giường bởi các chuyên gia)
 - Trợ cấp tã giấy (Những người hôn mê không còn ý thức hoặc mất trí nhớ sẽ được tặng tã giấy tùy theo tình hình thực tế khi sử dụng tã)
 - Dịch vụ hỗ trợ khi ra ngoài (Một phần phí vận chuyển sẽ được hỗ trợ khi di chuyển từ nhà giềng đến các cơ sở y tế bằng phương tiện vận chuyển chuyên dụng)

■ Yêu cầu

Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi của Tòa thị chính Fuji
Phí hỗ trợ tại nhà
(Tòa thị chính Fuji tầng 4 phía bắc)
Điện thoại 0545-55-2741

Chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận đối tượng được giảm trừ thuế dành cho người khuyết tật (để sử dụng cho việc giảm trừ thu nhập khi kê khai thuế, v.v.) cho những người từ 65 tuổi trở lên gặp khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày do nằm liệt giường hoặc sa sút trí tuệ, và được công nhận là có tình trạng tương đương với những người đã được cấp sổ tay người khuyết tật cơ thể.

■ Liên hệ

Phòng Bảo hiểm Chăm sóc dài hạn, Tòa Thị chính thành phố Fuji

ービスがあります。

- 福祉電話の貸与（連絡手段を確保します）
- 「食」の自立支援事業（配食により、食生活の改善と安否の確認をします）
- 高齢者みまもりサービス（緊急時の対応と安全の確保を図るため、緊急ペンダント、ガス漏れ警報器、火災報知器を貸与します）
- ふれあいコール（電話をかけることにより孤独感の解消と安否確認を行い、閉じこもりにならないようにします）

■問い合わせ

富士市役所 高齢者支援課 在宅支援担当
(富士市役所 4 階北側)

●援助の必要な高齢者のために

- 軽度生活援助（生活援助員を派遣し、軽易な作業を中心に日常生活に対する援助を行います）
- 訪問理美容サービス（理美容師が家庭を訪問し、理髪サービスを行います）
- 寝具クリーニングサービス（専門業者による寝具の丸洗い・乾燥・消毒を行います）
- 紙おむつの支給（家庭で寝たきりまたは認知症の人が、おむつを使用しているとき、実情に応じて紙おむつを支給します）
- 外出支援サービス（移送用車両による利用者の自宅と医療機関などの間の送迎に対し、乗車料金の一部を助成します）

■問い合わせ

富士市役所 高齢者支援課
在宅支援担当
(富士市役所 4 階北側)
電話 0545-55-2741

- 障害者控除対象者の認定（寝たきりや認知症で日常生活に支障があ

Bộ phận Phụ trách xác nhận
Điện thoại: 0545-55-2765

Phúc lợi nói chung

● Các chế độ bảo hiểm điều dưỡng

Dự kiến, cứ ba người thì có một người già ở Nhật Bản vào giữa thế kỷ này. Trong khi số lượng người cao tuổi hôn mê mất ý thức, sa sút trí tuệ ngày càng gia tăng thì việc chăm sóc họ ngày càng trở nên khó khăn đối với các gia đình khi người chăm sóc ngày càng lớn tuổi. Hệ thống bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng là hệ thống không chỉ hỗ trợ việc chăm sóc điều dưỡng cùng gia đình mà còn toàn xã hội.

■ Yêu cầu

Bộ phận Bảo hiểm Chăm sóc Điều dưỡng của Tòa thị chính Fuji
(Phía bắc tầng 4)

Điện thoại 0545-55-2765 ・ 2766 ・ 2767

● Hệ thống bảo trợ cuộc sống

Trong cuộc đời của chúng ta, do tuổi già, bệnh tật, tai nạn bất ngờ, chúng ta có thể không sống được cho riêng mình và gia đình. Bảo vệ sinh kế là một hệ thống đảm bảo mức sống tối thiểu khi chúng ta không thể sống được ngay cả khi chúng ta đã cố gắng hết sức.

Tất cả người có quốc tịch nước ngoài, người vĩnh trú, phụ thuộc người Nhật đều có thể đủ điều kiện nhận được chế độ bảo trợ cuộc sống

■ Yêu cầu

Phòng Hỗ trợ đời sống tòa thị chính thành phố Fuji
Nhân viên phụ trách số 1, số 2, số 3 (tầng 4 phía bắc)

Điện thoại 0545-55-2758

る 65 歳以上の人で、身体障害者手帳などの交付を受けている人に準ずる状況と認められる人へ、確定申告などで税の所得控除に使用するための障害者控除対象者認定書を交付します)

■問い合わせ

富士市役所 介護保険課
認定担当
電話 0545-55-2765

福祉全般

●介護保険制度

日本では今世紀半ばに 3 人に 1 人が高齢者という時代を迎えることが予想されています。寝たきりや認知症などの高齢者が増える一方で、介護する人も高齢になるなど家族だけで介護することは困難になってきています。介護を家族で支えるだけでなく、社会全体で支えていくための制度が介護保険制度です。

■問い合わせ

富士市役所 介護保険課
(4 階北側)
電話 0545-55-2765 ・ 2766 ・ 2767

●生活保護に準じた制度

私たちの一生には、高齢や思いがけない病気・事故によって、自分や家族だけの力ではどうしても生活できなくなってしまうことがあります。生活保護は、自分達が精一杯の努力をしても、なお生活していけないときに最低限度の生活を保障し、1 日も早く自分たちで生活できるように援助する制度です。

外国籍の方であっても永住者、日本人の配偶者、定住者などは、生活保護に準じた制度を受けられる場合があります。

■問い合わせ

富士市役所 生活支援課
保護第一担当・保護第二担当・保護第三担当 (4 階北側)
電話 0545-55-2758

● Bạo lực gia đình

Bạo lực từ vợ / chồng và người yêu được gọi là bạo lực gia đình (BLGD). Không chỉ đánh, đá mà bạo lực bằng lời nói cũng là BLGD.

Tại sao bạn không cùng chúng tôi giải toả mà lo lắng một mình? Trong trường hợp khẩn cấp, chúng tôi cũng sẽ tư vấn để bạn thoát khỏi bạo lực. Thông tin sẽ được giữ bí mật.

■ Yêu cầu

Trung tâm hỗ trợ tư vấn về bạo lực vợ chồng thành phố Fuji

• Điện thoại 0545-51-1128

• Thời gian tiếp nhận

8: 30-17: 15

* Tư vấn qua điện thoại bằng tiếng Nhật

Nếu bạn có nhu cầu được tư vấn thì xin vui lòng điện thoại để đặt trước. Trường hợp khẩn cấp vào ngày lễ hoặc đêm khuya hãy liên lạc cho phòng cảnh sát Fuji

Gọi đến số (0545-51-0110)

● Hệ thống hỗ trợ độc lập cho những người cần

Chúng tôi cung cấp hỗ trợ độc lập cho những người gặp khó khăn về tài chính và những người có thể không thể duy trì mức sống tối thiểu trước khi đạt được phúc lợi.

Chúng tôi hỗ trợ việc làm cho những người có thu nhập dưới mức nhất định và có khả năng làm việc, với điều kiện là người đó phải mong muốn tìm kiếm việc làm, đồng thời chúng tôi cung cấp dịch vụ tìm kiếm việc làm cho những người bị mất việc hoặc có nguy cơ không có nơi ở do thu nhập giảm do mất việc làm, v.v. chúng tôi sẽ hỗ trợ khoản phí đầu vào và tiền thuê nhà trong 1 khoảng thời gian nhất định. Nội dung hỗ trợ khác nhau tùy theo tình trạng của mỗi người, vì vậy nếu bạn đang gặp khó khăn trong cuộc sống, hãy đến để được tư vấn trước.

■ Yêu cầu

Trung tâm Hỗ trợ Việc làm Universal Thành phố Fuji (Tầng 1 phía Đông Tòa nhà Philanse)

Điện thoại 0545-64-6969

● Доместический·Видолонс (DV)

配偶者や恋人からの暴力をドメスティック・バイオレンス (DV) といいます。殴る・蹴るだけでなく言葉の暴力もDVです。

1人で悩まず、まずは話してみませんか。緊急の場合は、暴力から逃れるための相談にも応じます。秘密は厳守します。

■ 問い合わせ

富士市配偶者暴力相談支援センター

• 電話 0545-51-1128

• 受付時間

8時30分～17時15分

※日本語での電話相談になり

ます。面接での相談を希望される方は、まず電話で予約してください。休日や夜間の緊急の場合は、富士警察署

(0545-51-0110) に電話してください。

● 生活困窮者自立支援 制度

経済的に困窮し、最低限度の生活を維持することができなくなるおそれのある人に対して、生活保護に至る前の段階の自立支援を実施しています。

所得が一定水準以下で、働くことのできる人を対象に、就職に結びつけるための就労支援を行ったり、離職等により収入が減少し住居を失った人、または失うおそれのある人に対して求職活動を行うことを条件に、一定期間の家賃相当額を援助する住居確保給付金などの支援を行ったりします。

その人の状況に応じて支援内容が異なりますので、生活に困窮された場合は、まずは相談にお越しく下さい。

■ 問い合わせ

富士市ユニバーサル就労支援センター (フィランセ東館 1 階)

電話 0545-64-6969

Đối với những người gặp khó khăn trong công việc, chúng tôi cung cấp hỗ trợ việc làm phù hợp với từng cá nhân, từ tư vấn đến hỗ trợ thông tin việc làm.

Hoặc chúng tôi cũng có thể giới thiệu bạn với các tổ chức hỗ trợ việc làm khác.

■ Liên hệ

Trung tâm hỗ trợ việc làm Universal Thành phố Fuji
(Tầng 1 phía Đông Tòa nhà Philanse)

Điện thoại: 0545-64-6969

働きづらさを抱えた方を対象に、その方に合ったオーダーメイド型の就労支援を、相談から支援まで一体的に行います。

なお、他の就労支援機関をご紹介しますこともあります。

■問い合わせ

富士市ユニバーサル就労支援センター

(フィランセ東館 1 階)

電話 0545-64-6969



Y tế và sức khỏe

医療と健康

Bệnh viện công lập

● Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji

Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji được trang bị thiết bị y tế mới nhất và nhân viên y tế có tính chuyên môn cao, nỗ lực hoàn chỉnh y tế khu vực và nâng cao dịch vụ dân cư thành phố.

- Khoa chuẩn trị
- Nội tiết • tiểu đường • truyền máu, khoa hô hấp, Nội khoa thận, Nội khoa tiêu hóa, khoa não bộ, Nội khoa thấp khớp - bệnh collagen, Tâm thần - thần kinh, khoa tuần hoàn, Nội khoa tim mạch, Phẫu thuật tim mạch, Nhi khoa, Ngoại khoa, Chỉnh hình, Phẫu thuật tạo hình, Phẫu thuật thần kinh, Da liễu, Tiết niệu, Sản phụ khoa, Nhân khoa, Tai mũi họng, Chẩn đoán hình ảnh bằng tia X, Xạ trị, Răng hàm mặt, Khoa lão, Vật lý trị liệu.
- Tiếp tân
Sáng 8:00 - 11:00 (Giờ bắt đầu khám bệnh là từ 8:30)
- Ngày nghỉ
Thứ bảy, Chủ Nhật mỗi tuần, ngày lễ, đầu năm cuối năm (29/12 - 3/1)

※ Giờ bắt đầu khám bệnh vào thứ Tư của ngoại khoa chỉnh hình là từ 9:30.

※ Ngày nghỉ của khoa thần kinh là thứ Sáu.

※ Ngày nghỉ của ngoại khoa tạo hình là thứ Năm.

※ Vui lòng liên hệ với bệnh viện để biết ngày nghỉ khám của khoa Phẫu thuật Tim mạch.

< Vật mang theo: >

Thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, thẻ bảo hiểm, thẻ người nhận thanh toán (chỉ những người có)

公立病院

● 富士市立中央病院

富士市立中央病院は、最新の医療機器と専門性の高い医療スタッフを備えて、地域医療の充実と市民サービスの向上に努めています。

・ 診療科目
糖尿病・内分泌・血液内科、呼吸器内科、腎臓内科、消化器内科、脳神経内科、リウマチ・膠原病内科精神神経科、循環器内科、心臓血管外科、小児科、外科、整形外科、形成外科、脳神経外科、皮膚科、泌尿器科、産婦人科、眼科、耳鼻咽喉科、放射線画像診断科、放射線治療科、歯科口腔外科、高齢診療科、リハビリテーション科

・ 受付
午前 8 時～11 時
(診察開始時間は 8 時 30 分からです)

・ 休診日
毎週土曜日・日曜日
祝休日
年末年始
(12 月 29 日～1 月 3 日)

※ 整形外科の水曜日の診察
開始時間は 9 時 30 分からです。

※ 精神神経科は、金曜日が休診です。

※ 形成外科は、木曜日が休診です。

※ 心臓血管外科の休診日は、病院にお問い合わせください。

金曜日の偶数週以外は休診です。

< 持ち物 >

在留カードまたは特別永住

者証明書・保険証・受給者証 (ある方のみ)

◆ Người lần đầu khám bệnh (bệnh nhân mới)

Hãy điền vào phiếu đăng ký chẩn trị ở bàn ghi chép ở sảnh Trung tâm tầng 1, nộp ở bàn tiếp nhận bệnh nhân mới (bàn tiếp nhận số ②, số ③)

※Khi lần đầu tiên khám tại các khoa Nội thần kinh, Chẩn hình, Tạo hình, Sản phụ khoa (chỉ khám phụ khoa) và Khoa Tiết niệu (chỉ khám cho nữ), vui lòng đến khám tại phòng khám gần nhất và mang theo thư giới thiệu của bác sĩ tại phòng khám.

※Các khoa Nội thần kinh (chỉ dành cho trường hợp mong muốn điều trị bằng Lecanemab), Tâm thần kinh, Nội thấp miễn dịch, Huyết học, Ngoại hô hấp, Ngoại nhi, Xạ trị, Chẩn đoán hình ảnh, Khoa chăm sóc người cao tuổi (bảng hiệu nội viện) chỉ tiếp nhận khám theo chế độ giới thiệu và đặt lịch hẹn trước.

※Nếu không có giấy giới thiệu mà đến bệnh viện, thì ngoài phí khám bệnh lần đầu được áp dụng bảo hiểm (Trường hợp chịu 30%: 850 yên), bệnh nhân còn chịu phí khám bệnh lần đầu đặc biệt là 7.700 yên cho y khoa, 5.500 yên cho nha khoa.

• Thời gian thăm gặp

Gia đình có thành viên từ học sinh trung học cơ sở trở lên: tối đa 2 người

Mỗi người: 1 lần/ngày, không quá 30 phút

(Vui lòng tuân thủ đúng thời gian)

Thời gian thăm gặp là từ 3 giờ chiều đến 7 giờ tối.

• Phí gửi xe

55 yên mỗi 30 phút (chưa bao gồm thuế)

※Bệnh nhân ngoại trú được miễn phí (đóng dấu miễn phí tại quầy tiếp nhận/kế toán của từng khoa)

• Sử dụng điện thoại di động

Tại bệnh viện chúng tôi, để đảm bảo không ảnh hưởng đến thiết bị y tế, việc sử dụng điện thoại di động trong bệnh viện bị hạn chế và được phân thành “khu vực cấm sử dụng”, “khu vực cho phép gửi/nhận tin nhắn” và “khu vực cho phép gọi điện”.

(Khu vực cấm sử dụng)

Vui lòng tắt nguồn điện thoại di động.

(Khu vực cho phép gửi/nhận tin nhắn)

Có thể gửi/nhận email và sử dụng web ở chế độ im lặng.

Khu vực cho phép gửi/nhận tin nhắn là các khu vực ngoài khu vực cấm sử dụng và khu vực cho phép gọi điện.

(Khu vực cho phép gọi điện)

Có thể gọi điện, gửi/nhận email và sử dụng web ở chế độ im lặng.

◆初めて診察を受ける方(新患)

1 階中央ホールの記載台にある診療申込書に記入し、新患受付窓口(②番③番窓口)へ提出してください。

※脳神経内科・整形外科・形成外科・産婦人科(婦人科のみ)・泌尿器科(女性外来のみ)外来を初めて受診する場合はお近くの診療所を受診し、診療所の医師の紹介状をお持ちください。

※脳神経内科(レカネマブ治療希望のみ)・精神神経科・リウマチ膠原病内科・血液内科・呼吸器外科・小児外科・放射線治療科・放射線画像診断科・高齢診療科(院内標榜)は完全紹介予約制です。

※紹介状をお持ちにならずに来院された場合に、保険適用される初診料(3割負担の場合: 850円)に加えて、医科 7,700円、歯科 5,500円の特別初診料をご負担いただきます。

• 面会時間

中学生以上の家族 2名まで

1名につき、1日1回 30分以内

午後3時から午後7時まで

(時間厳守)

• 駐車料金

30分毎 55円(税別)

※外来患者さんは無料(各科受付・会計窓口にて無料スタンプを押印)

• 携帯電話の利用

当院では、医療機器への影響を考慮して、院内での携帯電話使用を制限させていただいており、「使用禁止区域」、「メール許可区域」及び「通話可能区域」が設定されています。

(使用禁止区域)

携帯電話の電源をお切りください。

(メール許可区域)

マナーモードでのメールの送受信及びWEBのご利用が可能です。

メール許可区域は、使用禁止区域及び通話可能区域以外です。

(通話可能区域)

マナーモードでの通話・メールの送受信・WEBのご利用が可能です。

■ Giải đáp thắc mắc

Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji
Số 50Takashimacho, thành phố Fuji,
điện thoại 0545-52-1131

● Bệnh viện đa khoa Kyoritsu Kanbara

2500-1Nakanogo, thành phố Fuji,
điện thoại 0545-81-2211 (số đại diện)

Bệnh viện đang nỗ lực nâng cao dịch vụ y tế để trở thành một bệnh viện đa khoa mà mọi người trong khu vực có thể đến một cách thoải mái khi có bệnh hoặc bị thương, khi cảm thấy bất an về sức khỏe, bằng cách hoàn chỉnh thiết bị y tế tiên tiến và đào tạo nhân viên.

< Khoa chẩn trị >

Nội khoa, nội khoa thần kinh, nội khoa tâm lý, khoa tâm thần, nội khoa hệ hô hấp, nội khoa hệ tiêu hóa, nội khoa hệ tuần hoàn, nội khoa bệnh tiểu đường nội tiết, khoa nhi, ngoại khoa, ngoại khoa chỉnh hình, ngoại khoa não thần kinh, khoa da liễu, khoa tiết niệu, phụ khoa, nhãn khoa, khoa tai mũi họng, khoa X quang, khoa chẩn trị tổng hợp

- Tiếp tân (Bệnh nhân ngoại trú)
07:30 sáng đến 11:15 sáng
- ※ Nếu muốn khám bệnh khẩn cấp như bệnh cấp tính, hãy yêu cầu với tiếp tân lúc đó.
- Ngày nghỉ
Thứ bảy, Chủ Nhật, ngày lễ,
đầu năm cuối năm (29/12 - 3/1)
- Khi không biết khoa cần khám, hãy hỏi ở quầy hướng dẫn tổng hợp.

◆ Bệnh nhân khám lần đầu

- Nếu khám lần đầu
- Nếu trước đó đã từng khám nhưng sau khi điều trị xong thì muốn khám lại
- Nếu trước đó từng khám nhưng bệnh nhân tự ngưng điều

■ 問い合わせ

富士市立中央病院
富士市高島町 50 番地
電話 0545-52-1131

● 共立蒲原総合病院

富士市中之郷 2500 番地の 1 電話
0545-81-2211(代)

病気やケガの時、健康に不安を感じた時、地域のみなさまが気軽に越しいただける総合病院として高度医療機器と職員教育の充実により、医療サービスの向上に努めております。

< 診療科目 >

内科・神経内科・心療内科・精神科・呼吸器内科・消化器内科・循環器内科・糖尿病内分泌内科・小児科・外科・整形外科・脳神経外科・皮膚科・泌尿器科・婦人科・眼科・耳鼻いんこう科・放射線科・総合診療科

- 受付 (外来患者)
午前 7 時 30 分～午前 11 時 15 分
※急病など緊急に受診したい場合は、随時受付へお申し出下さい。
- 休診日
土曜日・日曜日、祝休日、年末年始 (12 月 29 日～1 月 3 日)
- 受診する科がわからないときには、総合案内でおたずねください。

◆ 初診の患者様

- 初めて受診される場合
- 以前に受診されたことはあるが、治療が終了した後に再び受診される場合

trị, và lại tái khám
Hãy điền phiếu đăng ký chẩn trị ở quầy, rồi nộp chung với thẻ bảo hiểm ở bàn tiếp tân tổng hợp.
Người có giấy giới thiệu hãy nộp chung.

- Thời gian:
Từ 03:00 chiều đến 06:00 chiều
- Sử dụng bãi đậu xe
Đậu xe 100 yên cho 1 tiếng, sau khi quá 1 tiếng, 50 yên cho mỗi 30 phút
Miễn phí cho bệnh nhân ngoại trú. (Xác nhận thẻ giữ xe khi thanh toán)

Bệnh viện tư và phòng khám

Ngoài bệnh viện trung tâm thành phố, còn có nhiều bệnh viện và phòng khám trong khu vực mọi người sinh sống.
Hãy xem trang web của hội bác sỹ thành phố Fuji để biết chi tiết. (chỉ có tiếng Nhật)
Đến trang web của hội bác sỹ thành phố Fuji
<https://fuji.shizuoka.med.or.jp/>

- Nếu có bệnh và bị thương vào Chủ Nhật, ngày lễ, ban đêm

Chẩn trị tại trung tâm cấp cứu y tế và hội quán bác sỹ nha khoa. Khi cần điều trị khẩn cấp do bệnh cấp tính và tai nạn giao thông, v.v., hãy gọi điện đến số 119 để gọi xe cấp cứu.

◆ Trung tâm cấp cứu y tế thành phố Fuji (Nội khoa, nhi khoa, ngoại khoa)

<Thời gian chẩn trị>

- Ngày nghỉ, ngày lễ 9:00 đến 8:00 sáng hôm sau
- Thứ Bảy 14:00 đến 8:00 sáng hôm sau
- Ngày thường 19:00 đến 8:00 sáng hôm sau

※ Khoa sản, khoa mắt và khoa tai mũi họng đều có bác sỹ trực cấp cứu. Vui lòng kiểm tra trên trang web của thành phố hoặc gọi số điện thoại trực cấp cứu 51-9999 để biết thông tin.

■ Giải đáp thắc mắc

Trung tâm cấp cứu y tế thành phố Fuji
217-2 Tsuta, thành phố Fuji
Điện thoại 0545-51-0099

- Trước khi đến, nếu đã từng được khám tại đây, xin vui lòng mang theo hồ sơ khám bệnh và tiền khám. Nếu chưa từng khám tại đây, xin vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm và tiền khám. Nếu không mang theo thẻ bảo hiểm, xin vui lòng mang theo tiền khám. Nếu không mang theo tiền khám, xin vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm và tiền khám. Nếu không mang theo thẻ bảo hiểm và tiền khám, xin vui lòng mang theo tiền khám.

- 面会時間
午後 3 時～午後 6 時まで
- 駐車場利用
駐車 1 時間まで 100 円 1 時間を
超えた場合、30 分毎 50 円
外来患者様は無料になります。
(会計にて駐車券を認証)

私立の病院及び診療所

市立中央病院の他に、皆様の暮らす各地域にも、様々な病院や診療所があります。

詳しくは富士市医師会のページをごらんください。(日本語のみ)
富士市医師会のページへ
<https://fuji.shizuoka.med.or.jp/>

●日曜・祝日・夜間等に病気や怪我をした場合

救急医療センターや、歯科医師会館で診療を行っています。急病や交通事故等で急いで手当が必要なときは、119 番に電話をして救急車を呼びましょう。

◆富士市救急医療センター

(内科・小児科・外科)

<診療時間>

- 休日・祝日 9 時～翌朝 8 時
- 土曜日 14 時～翌朝 8 時
- 平日 19 時～翌朝 8 時

※産婦人科・眼科・耳鼻科は救急当番医があります。市ウェブサイト、または、救急当番医 電話 51-9999 でお知らせしていますので、確認

◆ **Hội quán bác sỹ nha khoa thành phố Fuji (nha khoa)**

<Thời gian chẩn trị>

- Ngày nghỉ, ngày lễ 9:00 đến 12:00, 13:00 đến 16:00

■ **Giải đáp thắc mắc**

Hội quán bác sỹ nha khoa thành phố Fuji
2850-3 Denbo, thành phố Fuji
Điện thoại 0545-53-5555

Sức khỏe

● **Sức khỏe của người trưởng thành**

◆ **Tư vấn sức khỏe của người dân**

Chúng tôi sẽ tham khảo ý kiến của những người quan tâm đến các bệnh về lối sống như huyết áp cao, cholesterol cao và mức đường huyết cao.

◆ **Tư vấn dinh dưỡng cho người dân**

Chúng tôi cung cấp dịch vụ tư vấn về thức ăn trẻ em, thói quen ăn uống cho trẻ em và thanh thiếu niên, béo phì, béo bất thường, tiểu đường, v.v.

■ **Yêu cầu tư vấn**

Fuji City Philance
Ban chính sách y tế
Chợ chính thành phố Fuji 432-1
Điện thoại 0545-64-8992

◆ **Phòng chống ung thư (tính phí)**

Để phát hiện sớm ung thư (dạ dày, phổi, ruột kết, tử cung, sữa, tuyến tiền liệt) và viêm gan, vui lòng thực hiện các cuộc kiểm tra y tế khác nhau tại mỗi cơ sở y tế, trung tâm phát triển thị trấn hoặc cân bằng và sử dụng nó để quản lý sức khỏe.

Để nhận được giấy khám ung thư, bạn sẽ cần "Phiếu đăng ký khám" sẽ được chuyển vào cuối tháng 4. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Hướng dẫn Kiểm tra Thành phố Fuji kèm theo.

◆ **Tiêm phòng cho người cao tuổi**

Chúng tôi hỗ trợ tiêm phòng cúm và COVID-19 mới mỗi năm một lần cho những người từ 65 tuổi trở lên. Thời gian tiêm từ tháng 10 đến cuối tháng 2 và có chi phí tự chi trả.

Chúng tôi sẽ gửi phiếu khám sàng lọc cho những người lần đầu tiên

shite kudasai.

■ **問合わせ**

富士市救急医療センター
富士市津田 217-2
電話 0545-51-0099

◆ **富士市歯科医師会館 (歯科)**

<診療時間>

- 休日・祝日 9時～12時、
13時～16時

■ **問合わせ**

富士市歯科医師会館
富士市伝法 2850-3
電話 0545-53-5555

健康

● **成人の保健**

◆ **市民健康相談**

血圧が高い、コレステロールが高い、血糖値が高いなど生活習慣病が気になる人の相談を行います。

◆ **市民栄養相談**

離乳食、子どもや思春期の食生活、肥満、脂質異常、糖尿病などの食事の相談を行います。

■ **問合わせ**

富士市フィランセ
健康政策課
富士市本市場 432-1
電話 0545-64-8992

◆ **がん予防(有料)**

がん (胃・肺・大腸・子宮・乳・前立腺)、肝炎の早期発見のため、各医療機関、まちづくりセンター又はフィランセなどで行われる各種検診を受けて健康管理に役立ててください。

がん検診の受診には、4月末に発送される「がん検診等受診券」が必要になります。詳細は同封の富士市検診ガイドをご参照ください。

◆ **高齢者の予防接種**

tiêm vắc xin phế cầu khuẩn ở tuổi 65. Thời gian hỗ trợ đến ngày trước sinh nhật lần thứ 66 và có chi phí tự chi trả.

Chúng tôi sẽ gửi phiếu khám sàng lọc cho những người lần đầu tiên tiêm vắc xin zona (herpes zoster) ở các mốc tuổi 65, 70, 75, 80, 85, 90, 95 và từ 100 tuổi trở lên. Thời gian hỗ trợ đến ngày 31 tháng 3 và có chi phí tự chi trả.

Trường hợp tiêm phòng tại các thành phố hoặc thị trấn khác trong tỉnh Shizuoka, cần có thư yêu cầu do Thị trưởng thành phố Fuji cấp.

■Liên hệ

Fuji City Philance

Phòng chính sách y tế Khám sức khỏe

Chợ chính thành phố Fuji 432-1

Điện thoại 0545-64-8992

* tiêm chủng

Ban chính sách y tế Nâng cao sức khỏe

Điện thoại 0545-64-9023

65 歳以上の人に対して、年 1 回インフルエンザと新型コロナウイルス感染症の予防接種の助成を行っています。接種の時期は 10 月から 2 月末までで、自己負担があります。

65 歳で初めて肺炎球菌ワクチンを接種する人には予診票を送付します。期間は 66 歳の誕生日の前日までで、自己負担があります。

65 歳、70 歳、75 歳、80 歳、85 歳、90 歳、95 歳、100 歳以上で初めて帯状疱疹ワクチンを接種する人には予診票を送付します。期間は 3 月 31 日までで、自己負担があります。

静岡県内の他市町で接種する場合は、富士市長発行の依頼書が必要です。

■問い合わせ

富士市フィランセ

健康政策課 健診担当

富士市本市場 432-1

電話 0545-64-8992

* 予防接種

健康政策課 健康推進担当

電話 0545-64-9023

● Sức khỏe bà mẹ và trẻ em

◆ Phát hành Sổ tay Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em

Bằng cách gửi mẫu thông báo mang thai do cơ sở y tế viết, v.v., chúng tôi sẽ phát hành sổ tay sức khỏe bà mẹ và trẻ em, tư vấn sức khỏe và giải thích hoạt động kinh doanh sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

■ Yêu cầu

Trung tâm Gia đình và Trẻ em Thành phố Fuji

Điện thoại 0545-55-2896

◆ Thăm em bé

Chúng tôi sẽ đến thăm nhà nơi em bé được sinh ra và tư vấn về việc đo cân nặng, sự phát triển của bé, các mối quan tâm về chăm sóc trẻ và tư vấn về tình trạng thể chất của bà mẹ.

◆ Kiểm tra sức khỏe trẻ sơ sinh

Khám sức khỏe sẽ thực hiện tại các cơ sở y tế được ủy thác dành cho trẻ 1 tháng tuổi, 4 tháng tuổi và 10 tháng tuổi.

Phiếu khám sức khỏe・Phiếu kiểm tra sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi sẽ được trao khi cấp sổ tay mẹ và bé.

● 母と子の健康

◆ 母子健康手帳の交付

医療機関等が記載した妊娠届出書の提出により母子健康手帳の交付と健康相談、母子保健事業の説明を行います。

■問い合わせ

富士市役所こども家庭センター

電話 0545-55-2896

◆ 赤ちゃん訪問

赤ちゃんが生まれた家庭を訪問して、赤ちゃんの体重測定・発育発達・育児上の心配事などの相談や、お母さんの体調に関する相談に応じます。

◆ 乳児健康診査

委託契約医療機関にて 1 か月児・4 か月児・10 か月児健康診査を行います。

1 か月児健康診査受診票・健康診査票は、母子健康手帳交付の時にお渡しします。

Phiếu khám sức khỏe • Phiếu kiểm tra sức khỏe trẻ 4 tháng tuổi • 10 tháng tuổi sẽ được gửi qua đường bưu điện.

◆ Khóa học nuôi dưỡng bé khỏe mạnh 6 tháng tuổi, khám sức khỏe cho trẻ.

Tại Philanse sẽ tổ chức khóa học nuôi dưỡng bé khỏe mạnh 6 tháng tuổi, và khám sức khỏe cho trẻ 1 tuổi 6 tháng • 3 tuổi • 5 tuổi.

Các giấy tờ cần thiết sẽ được gửi qua đường bưu điện trước.

◆ Tư vấn bố, mẹ và trẻ (yêu cầu đặt trước)

Trước khi vào nhà trẻ, mẫu giáo, v.v.

Chúng ta sẽ cùng nhau suy nghĩ về những lo lắng về sự phát triển của đứa trẻ và cách đối xử với chúng, và những lo lắng khi nuôi dạy trẻ.

◆ Dịch vụ trợ cấp chi phí điều trị vô sinh / chăm sóc trẻ em

Để giảm bớt gánh nặng tài chính cho các cặp vợ chồng bị vô sinh, hiếm muộn, chúng tôi hỗ trợ chi phí điều trị vô sinh, hiếm muộn.

Đối tượng là một cặp vợ chồng có chồng hoặc vợ sống tại thành phố Fuji vào ngày tư vấn, mua bảo hiểm y tế và thực hiện điều trị vô sinh, hiếm muộn tại các cơ sở y tế trong nước. Vui lòng liên hệ với Philance để biết thêm thông tin.

■ Yêu cầu

Fuji City Philance

Bộ phận Y tế Cộng đồng Các vấn đề chung

Chợ chính thành phố Fuji 432-1

Điện thoại 0545-64-8994

◆ Tiêm vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm

Để bảo vệ trẻ em khỏi các bệnh truyền nhiễm và xây dựng một cơ thể khỏe mạnh, chúng tôi quy định loại và thời gian tiêm chủng.

Nhiễm vi rút rota, Hib, phế cầu nhi, viêm gan siêu vi B, hỗn hợp 4 loại, varicella, BCG, MR, viêm não nhật bản, hỗn hợp 2 loại, phòng ngừa ung thư cổ tử cung

Những người muốn tiêm chủng ở các thành phố và thị trấn khác trong tỉnh Shizuoka sẽ cần có đơn yêu cầu do Thị trường Fuji cấp.

Đối với phương pháp tiêm chủng tự nguyện influenza, chúng tôi hỗ trợ một phần chi phí tiêm chủng cúm cho những bé dưới 1 tuổi đến trung học năm thứ 3.

■ Yêu cầu

Fuji City Philance

Ban chính sách y tế Nâng cao sức khỏe

Chợ chính thành phố Fuji 432-1

Điện thoại 0545-64-9023

4 か月児・10 か月児健康診査受診票・健康診査票は、郵送します。

◆ 6 か月児すくすく赤ちゃん講座、幼児健康診査

フィランセにて6 か月児すくすく赤ちゃん講座、1 歳6 か月児・3 歳児・5 歳児健康診査を行います。

必要な書類は、事前に郵送します。

◆ おやこ相談(要予約)

幼稚園・保育園等入園前のお子さんの発達や接し方で気がかりなことや、育児の悩みについて一緒に考えます。

◆ 不妊・不育治療費助成事業

不妊や不育に悩む夫婦の経済的負担の軽減を図るため、不妊や不育治療に要した費用の助成を行っています。

対象は、受診日において、夫または妻が富士市に在住し、医療保険に加入して、国内の医療機関で不妊や不育治療を行う夫婦です。詳しくはフィランセにお問い合わせください。

■ 問い合わせ

富士市フィランセ

地域保健課 総務担当

富士市本市場 432-1

電話 0545-64-8994

◆ 予防接種 感染症予防のために

子供たちを感染症から守り、健康な体をつくるために予防接種の種類と期間を定めての予防接種を行っています。

ロタウイルス感染症・ヒブ・小児用肺炎球菌・B 型肝炎・4 種混合・水痘・BCG・MR・日本脳炎・2 種混合・子宮頸がん予防

静岡県内の他市町で接種を希望される方は、富士市長発行の依頼書が必要になります。

任意接種については、満 1 歳から高校 3 年生相当の方のインフルエンザの接種費用及び満 1 歳から年長児の方のおたふくかぜの接種費用の一部助成を実施しています。

■問い合わせ

富士市フィランセ
健康政策課 健康推進担当
富士市本市場 432-1
電話 0545-64-9023

● Thủ tục sau khi sinh con

- ・ Khai sinh
Trong vòng 14 ngày từ ngày sinh, cha hoặc mẹ hãy khai báo.
- ◆ Vật mang theo: Giấy khai sinh (chứng nhận sinh), sổ sức khỏe của mẹ con, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của bố mẹ
- ◆ Bàn tiếp nhận:
Phòng Công dân Tòa thị chính Thành phố Fuji
- ◆ Thời gian tiếp tân: 8:30 đến 17:15
※Nếu chỉ nộp giấy khai đã điền, ngoài thời gian tiếp nhận vào ngày Ủy ban mở cửa, có thể nộp ở phòng bảo vệ.

● Yêu cầu thanh toán tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ

Trường hợp người được bảo hiểm của Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân sinh con, thì ứng với một lần sinh (nếu sinh đôi, v.v. thì theo số thai nhi) sẽ chi trả 500.000 yên cho chủ hộ gia đình.
Sau thủ tục khai sinh ở phòng dân cư thành phố, hãy nhận giấy yêu cầu chi trả tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ, rồi nộp đơn ở phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân.
※Nếu khai báo với cơ quan y tế mà mình đã sinh và có hợp đồng bằng văn bản, thì có thể sử dụng chế độ thanh toán tiền tạm thời do thành phố Fuji chi trả đối với cơ quan y tế trực tiếp. Hãy liên hệ phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân để biết chi tiết.

◆ Vật mang theo

- ・ Giấy xác nhận tư cách tham gia bảo hiểm y tế quốc dân
- ・ Thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người đã sinh
- ・ Bản kê chi tiết có ghi chi tiết chi phí sinh con
- ・ Hồ sơ xác nhận đồng ý về chế độ chi trả trực tiếp với cơ quan y tế, v.v.
- ・ Con dấu
- ・ Vật cho biết tài khoản của chủ hộ gia đình

※Người đang tham gia Bảo hiểm Sức khỏe ở nơi làm việc, hoặc người thân cần nuôi dưỡng của người đó cũng có chế độ tương tự, nên hãy liên hệ chủ thuê lao động.

◆ Bàn tiếp nhận

● 出産後の手続き

- ・ 出生届
出生の日から14日以内に父または母が届け出てください。

◆持ち物：出生届（出生証明書）・母子健康手帳・両親の在留カードまたは特別永住者証明書

◆受付窓口：
富士市役所 市民課

◆受付時間：
8時30分～17時15分
※届書を提出するのみの場合は、開庁日の受付時間以外でも、警備員室に提出することができます。

● 出産育児一時金の請求

国民健康保険の被保険者が出産した場合は、出産1件につき50万円（双子などの出産の場合は胎児数に応じて）を世帯主に支給します。

市民課にて出生届の手続き後、出産育児一時金支給申請書を受け取り、国保年金課にて申請してください。

※出産される医療機関等に申し、書面による契約を取り交わせば、富士市が直接医療機関等に対し一時金を支払う制度を利用できます。詳細は、国保年金課にお問い合わせください。

◆持ち物

- ・ 国民健康保険証資格確認書等
- ・ 出産した方の在留カードまたは特別永住者証明書
- ・ 出産費用の内訳を記した明細書
- ・ 医療機関等との直接支払制度の合意確認書類
- ・ 世帯主の口座がわかるもの

Phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, Ủy ban Nhân dân
Thành phố Fujii (phía Bắc, tầng 3 Ủy ban Nhân dân Thành phố)
Điện thoại 0545-55-2751

※職場で健康保険に加入している方、もしくはその扶養家族の方にも同じ様な制度がありますので雇用主にお問い合わせください。

◆受付窓口
富士市役所国保年金課
(市役所 3 階北側)
電話 0545-55-2751

Bảo hiểm sức khỏe

Tất cả người đang sống tại Nhật Bản, phải tham gia Bảo hiểm Y tế công.
Khi tham gia bảo hiểm y tế thì chi phí y tế tự chi trả còn 20-30%, và có thể nhận chi trả tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ, phí mai táng, v.v.
Trong Bảo hiểm Y tế công của Nhật Bản, đại khái có “Bảo hiểm xã hội” mà người đi làm ở công ty, v.v. tham gia, và “Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân” mà những người khác tham gia.
Có chế độ y tế người cao tuổi giai đoạn sau cho những người từ 75 tuổi trở lên.

● Bảo hiểm tham gia tại nơi làm việc (Bảo hiểm xã hội)

Người làm việc tại công ty và người thân của họ sẽ tham gia.
Phí bảo hiểm do công ty trả một nửa. Hãy liên hệ chủ thuê lao động về việc tham gia.

● Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân

Những người không thể tham gia Bảo hiểm xã hội sẽ tham gia. Đây là chế độ bảo hiểm y tế mà ngày thường sẽ góp tiền(thuế bảo hiểm), cùng giúp lẫn nhau để giảm bớt gánh nặng kinh tế dù chút ít đi nữa. Đây là bảo hiểm được vận hành bởi tiền do thuế bảo hiểm của người tham gia, và tiền do quốc gia, tỉnh, thành phố, v.v. chi trả.

◆ Điều kiện tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân

Những người đã đăng ký sổ đăng ký thường trú cơ bản và không có tư cách tham gia các bảo hiểm sức khỏe khác sẽ là đối tượng tham

健康保険

日本に住んでいるすべての人は、公的医療保険に加入しなければなりません。

医療保険に加入すると、医療費の自己負担は2~3割になり、出産育児一時金、葬祭費等の支給を受けることができます。

日本の公的医療保険には、大きく分けて会社などに勤める人が加入する「社会保険」と、それ以外の方が加入する「国民健康保険」があります。

75歳以上の方には後期高齢者医療制度があります。

●職場で加入する保険(社会保険)

会社で働く人やその家族が加入します。

保険料は会社が半分負担してくれます。加入については雇用主にお問い合わせください。

●国民健康保険(国保)

社会保険に入ることができない人が加入します。日頃からお金(保険税)を出し合い、経済的な負担が少しでも軽く済むようお互いに助け合う医療保険制度です。加入者の保険税と国、県、市等からの負担金で運営されています。

◆国保に加入する条件

住民基本台帳に登録された方で他の健康保険に加入する資格がない方

gia.

Người đang nhận trợ cấp hộ nghèo cũng không thể tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân.

◆ **Vật mang theo khi tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân**

Thẻ cư trú hoặc Thẻ vĩnh trú, giấy chứng nhận đã mất tư cách bảo hiểm xã hội (trường hợp đã ra khỏi bảo hiểm xã hội)

◆ **Vật cần thiết khi ra khỏi Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân**

Giấy xác nhận tư cách, thẻ bảo hiểm y tế quốc dân và giấy chứng nhận đã tham gia bảo hiểm xã hội (ví dụ như giấy thông báo tham gia bảo hiểm y tế, v.v.)

Các trường hợp sau sẽ cần khai báo. Trong vòng 14 ngày, hãy khai báo với bàn tiếp nhận phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, tầng 3 Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji.

- Thay đổi địa chỉ và tên họ
- Về nước và chuyển nhà ra thành phố, phường khác
- Tham gia bảo hiểm xã hội, v.v.

※Chú ý!!

Nếu bạn rời khỏi thành phố Fuji để chuyển đến các thành phố/thị trấn khác và rút khỏi bảo hiểm y tế quốc dân của thành phố Fuji, bạn sẽ không thể sử dụng bảo hiểm y tế quốc dân của thành phố Fuji nữa.

Vui lòng chắc chắn hoàn trả giấy xác nhận tư cách, v.v. cho Phòng Bảo hiểm Y tế Quốc dân và Lương hưu của Ủy ban Nhân dân thành phố Fuji.

● **Tại bệnh viện**

Khi đến các cơ sở y tế như bệnh viện, xin vui lòng xuất trình giấy xác nhận tư cách tại quầy tiếp tân.

Tuy nhiên, bạn phải tự chi trả 20% hoặc 30% chi phí y tế. (Đối với những người từ 70 đến dưới 75 tuổi, tỷ lệ chi trả sẽ được ghi trên giấy xác nhận tư cách.)

※ Tùy theo nội dung như kiểm tra sức khỏe, tiêm ngừa, sinh con, chữa răng đặc biệt mà có thể không phải là đối tượng được bảo hiểm.

● **Về thuế bảo hiểm**

Thuế bảo hiểm được tính dựa trên thu nhập và số lượng thành viên tham gia. Sau khi tham gia, giấy nộp thuế bảo hiểm sẽ được gửi đến, bạn có thể nộp tại các tổ chức tài chính hoặc thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng.

が対象となります。

生活保護の方も国民健康保険に加入できません。

◆ **国保に加入する時の持ちもの**

加入するすべての人の分の在留カードまたは特別永住者証明書と社会保険の資格を喪失した証明書（社会保険から脱退した場合）

◆ **国保から脱退する時の持ちもの**

資格確認書等国民健康保険証及び社会保険に加入した証明書（健康保険等加入連絡票など）

次の場合には届出が必要です。14日以内に富士市役所 3 階国保年金課窓口へ届け出てください。

- 住所や氏名の変更
- 帰国や他の市町への転出
- 社会保険に加入 等

※注意！！

他の市町へ転出等で富士市の国民健康保険から脱退する場合には、富士市の国民健康保険を使うことができません。

資格確認書等を富士市役所国保年金課に必ず返却してください。

● **病院で**

病院等の医療機関にかかるときは、資格確認書等を窓口に提示してください。

ただし、医療費の 2 割もしくは 3 割は自分で負担しなければなりません。(70 歳以上 75 歳未満の方は、資格確認書等に負担割合が記載されています。)

※健康診査・予防接種・出産・特殊な歯の治療等内容によって保険の対象外となるものがあります。

● **保険税について**

保険税は、加入者の所得、人数等に応じて計算されます。加入すると、保険税額が記された納付書が送付されますので、金融機関で納めるか、口座振替で納めます。

■ Liên hệ

Phòng Bảo hiểm Quốc dân và Lương hưu, UBND thành phố Fuji
(Tầng 3 phía bắc tòa thị chính)
Điện thoại: 0545-55-2917

■ 問い合わせ

富士市役所国保年金課
(市役所3階北側)
電話 0545-55-2917

● Kiểm tra sức khỏe đặc biệt, hướng dẫn bảo vệ sức khỏe đặc biệt

Thực hiện với mục đích là phòng bệnh do thói quen sinh hoạt như bệnh tiểu đường, v.v. và quản lý sức khỏe, hạn chế chi phí y tế tăng liên tục.

Chúng tôi sẽ thực hiện hướng dẫn bảo vệ sức khỏe đặc biệt cho người cần hỗ trợ cải thiện thói quen sinh hoạt từ kết quả của kiểm tra sức khỏe đặc biệt.

◆ Đối tượng

Người từ 40 tuổi đến 74 tuổi (Gửi phiếu khám bệnh bằng bưu điện vào cuối tháng 4 cho người tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân tại thời điểm ngày 1 tháng 4)

◆ Nội dung

Xét nghiệm máu, điện tâm đồ, xét nghiệm nước tiểu, bác sỹ chẩn đoán, v.v.

■ Giải đáp thắc mắc

Phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Bắc, tầng 3 Ủy ban Nhân dân Thành phố)
Điện thoại 0545-55-2917

● 特定健診・特定保健指導

糖尿病等の生活習慣病の予防や健康管理、増え続ける医療費を抑制することを目的に実施します。

特定健診の結果、生活習慣改善の支援が必要な方に特定保健指導を実施します。

◆ 対象者

40歳から74歳の人(4月1日現在国民健康保険加入者に4月末、受診券を郵送)

◆ 内容

血液検査、心電図、尿検査、医師診察等

■ 問い合わせ

富士市役所国保年金課
(市役所3階北側)
電話 0545-55-2917



Tiền hưu trí quốc dân

国民年金

"Lương hưu quốc gia" là một hệ thống lương hưu công cộng do chính phủ Nhật Bản điều hành. Những người từ 20 đến 60 tuổi sống tại Nhật Bản đều phải tham gia (kể cả người nước ngoài). Khi tham gia đóng tiền hưu trí, bạn có thể nhận được bảo đảm thu nhập trong trường hợp già yếu, tàn tật hoặc qua đời. Những người làm việc tại văn phòng trong một số điều kiện nhất định sẽ được ghi danh vào lương hưu phúc lợi và trợ cấp hỗ trợ lẫn nhau tại nơi họ làm việc.

「国民年金」は、日本国政府によって運営されている公的な年金制度です。日本に住んでいる20歳以上60歳未満の人は必ず加入（外国人も含みます）しなければなりません。加入していれば、老後や障害、死亡といった万一の場合に、所得保障が受けられます。なお、事業所に一定の条件で勤務している人は、勤め先で厚生年金・共済年金に加入することになります。

● Cách thức thủ tục tham gia

để tham gia hưu trí, phải thực hiện các thủ tục tại văn phòng hưu trí của sở thị chính, đối với những người đang làm việc thì thực hiện thủ tục đóng hưu trí thông qua nơi làm việc

◆ Phí bảo hiểm

Khi tham gia vào hệ thống lương hưu quốc dân, bạn sẽ phải đóng phí bảo hiểm. Bạn sẽ nhận được phiếu thanh toán qua đường bưu điện, vui lòng nộp phí tại các tổ chức tài chính, bưu điện hoặc các cửa hàng tiện lợi. Bạn cũng có thể thanh toán qua ứng dụng điện thoại thông minh. Nếu đăng ký tại tổ chức tài chính hoặc bưu điện, bạn có thể thanh toán bằng hình thức chuyển khoản tự động từ tài khoản ngân hàng. Ngoài ra, bạn cũng có thể thanh toán tự động bằng thẻ tín dụng. Những người tham gia lương hưu phúc lợi xã hội hoặc lương hưu của công đoàn tại nơi làm việc sẽ được trừ trực tiếp vào lương hoặc tiền thưởng.

◆ Khi gặp khó khăn trong việc thanh toán

Có một hệ thống trong đó phí bảo hiểm được miễn theo đơn nếu người đó không có thu nhập hoặc nếu thu nhập thấp và không thể trả phí bảo hiểm. Vui lòng liên hệ với Bộ phận Bảo hiểm Y tế và Hưu trí Quốc gia của Tòa thị chính.

● 加入の手続き

国民年金に加入するには、市役所国保年金課に届出をする必要があります。また、勤め先で厚生年金、共済年金に加入している人が、仕事をやめて厚生年金、共済年金をやめた時にも届け出の必要があります。

◆ 保険料

国民年金に加入すると、保険料を納めます。納付書が郵送されてきますので、金融機関、郵便局、コンビニエンスストアで納めてください。スマートフォンアプリで納めることもできます。金融機関や郵便局で申し込めば、口座振替で納めることもできます。また、クレジットカードによる自動引き落としもできます。勤務先で厚生年金や共済年金に加入している人は、給料やボーナスから差し引かれます。

◆ 支払いが困難な時

収入がまったくない人や、収入が少なくて保険料が納められない場合は、申請により保険料が免除される制度があります。市役所国保年金課へご相談ください。

● Tiền trợ cấp

Kèm theo tiền hưu trí còn có một số tiền trợ cấp phụ kèm theo như

● 給付

国民年金の給付には次のものがある

Tiền hưu cho người cao tuổi
tiền trợ cấp dành cho người khuyết tật
người tham gia đóng lương hưu giữa chừng bị tai nạn hoặc bị thương ,
có thể nhận được tiền trợ cấp này

◆ Lương hưu dành cho người già

Những người đã đóng phí bảo hiểm hưu trí quốc gia từ 10 năm trở lên,
bao gồm cả thời gian đã được miễn phí bảo hiểm, từ 65 tuổi trở lên có
thể nhận được trợ cấp.

◆ Trợ cấp dành cho người khuyết tật

Người bị tàn tật bẩm sinh hoặc thương tật sẽ nhận được trợ cấp này
trong thời gian đăng ký nhận lương hưu quốc gia.

◆ Lương hưu cơ bản

Đối với những người đang chưa nhận đủ lương hưu mà mất thì phần
tiền còn lại sẽ được cấp cho người thân như vợ, chồng hoặc con(cho
đến 18 tuổi đối với trẻ em sức khỏe bình thường và 20 tuổi đối với trẻ
em khuyết tật .

*Điều kiện được xét của mỗi người khác nhau , vì vậy vui lòng tham
khảo các chế độ Bộ phận Bảo hiểm Y tế và Hưu trí Quốc gia của Tòa
thị chính hoặc Văn phòng Hưu trí Fuji để biết chi tiết về lương hưu
quốc gia.

● Khi về nước

Bảo hiểm hưu trí và phúc lợi quốc gia có hệ thống thanh toán rút tiền
một lần. Nếu bạn đang ở Nhật Bản và có lương hưu và đã đóng phí
bảo hiểm từ 6 tháng trở lên, bạn sẽ được thanh toán rút tiền một lần
nếu bạn làm đúng thủ tục quy định trong vòng 2 năm sau khi về nước

■ Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ

- Phòng phụ trách hưu trí quốc dân sở thị chính thành phố Fuji
(Phía bắc tầng 3 tòa thị chính)
Điện thoại 0545-55-2755
- Văn phòng hưu trí Fuji
3-5-33 Yokowari, Thành phố Fuji
Điện thoại 0545-61-1900

ります。

◆ 老齡基礎年金

国民年金の保険料を納めた期間や
保険料を免除された期間などを合わ
せて 10 年以上ある人が、65 歳にな
った時から受けられるものです。

◆ 障害基礎年金

国民年金の加入期間中に病気やケ
ガをして、障害者になった時に受け
ることができます。

◆ 遺族基礎年金

国民年金加入中または老齡基礎年
金の受給資格を満たした方が死亡し
たとき、その方に生計を維持されて
いた「子のある配偶者」または「子」
に、子が 18 歳に達した年度末まで
(障害のある子の場合は20歳になる
まで) 支給されます。

※それぞれ条件により 1 人 1 人受給
資格が異なりますので、国民年金に
ついての詳しい内容は、市役所国保
年金課もしくは富士年金事務所で
ご相談ください。

● 帰国するときに

国民年金と厚生年金保険には、脱
退一時金支給制度があります。日本
に滞在しているときに、年金に加入
していて、保険料を 6 か月以上納め
た場合、帰国後 2 年以内に所定の手
続きをすれば、脱退一時金が支給さ
れます

■ 問い合わせ

- 富士市役所国保年金課
国民年金担当
(市役所 3 階北側)
電話 0545-55-2755
- 富士年金事務所
富士市横割 3-5-33
電話 0545-61-1900



Cuộc sống

Nhà ở

Ở Nhật Bản, các loại hình nhà ở bao gồm nhà sở hữu riêng (nhà biệt lập, chung cư, v.v.), nhà ở công cộng (nhà ở do thành phố, tỉnh vận hành, v.v.) và nhà thuê tư nhân.

● Nhà ở công cộng

Thành phố có hỗ trợ nhà ở cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn cần chỗ ở. Tuy nhiên cũng có trường hợp cần phải xem xét điều kiện để được vào ở.

● Nhà ở thành phố

Có 22 khu phức hợp nhà ở thành phố do Thành phố Fuji quản lý. Nếu muốn vào ở, cần thực hiện các thủ tục sau:

điều kiện đăng ký

- Những người thực sự cần nhà ở (Những người đang sống tại các khu nhà ở của tỉnh, thành phố không được nộp đơn)
 - Gia đình có từ 2 người trở lên, hoặc người sống độc thân đáp ứng các điều kiện.
- Người đang sống và làm việc tại thành phố Fuji
- Những người chưa sở hữu nhà (kể cả đứng tên chung)
- Người đóng thuế đầy đủ, không nợ thuế nhà nước (thuế quận thành phố, thuế tài sản cố định, thuế quy hoạch thành phố, thuế bảo hiểm y tế quốc gia, thuế xe ô tô)
- Những người có thể đảm bảo được hai người làm liên lạc khẩn cấp (bao gồm ít nhất một người thân sống trong thành phố, tổng cộng hai người liên lạc). ※ Tuy nhiên, nếu khó có người thân hoặc không thể đảm bảo liên lạc khẩn cấp, xin vui lòng trao đổi với chúng tôi.

Những người có thu nhập đáp ứng các tiêu chí sau

{Số tiền thu nhập- (Số người thân sống chung không bao gồm một người x 380.000 yên + số tiền khấu trừ đặc biệt)} ÷ 12 tháng = Số tiền hàng tháng của hộ gia đình chung từ 158.000 yên trở xuống
Hệ thống phân cấp tùy ý 214.000 yên trở xuống

* Nếu có từ hai người trở lên có thu nhập, tổng số tiền sẽ là số thu nhập.

* Một người ở, phân cấp tùy ý, liên đới

Đối với những điểm không rõ ràng, chẳng hạn như yêu cầu của người bảo lãnh

Giới thiệu về Cung cấp nhà ở Công cộng của Quận Shizuoka

Xin vui lòng Liên hệ văn phòng chi nhánh Fuji

- Những người không phải là xã hội đen, đã từng vi phạm pháp luật
- Những người không quá hạn tiền thuê nhà ở thành phố, chưa trả phí sửa chữa, v.v. trong quá khứ và chưa bao giờ gây ra bất kỳ sự bất tiện nào (tất cả các hộ gia đình nộp đơn)

住まいと暮らし

住まい

日本における住宅形態には、持ち家（1戸建て、マンション等）、公営住宅（市営住宅、県営住宅など）、民間賃貸住宅があります。

●公営住宅

住むところに困っている人たちのために、公営住宅等があります。申し込みにあたり、高所得者は入居できないなどの制限があります。

●市営住宅

富士市内には富士市が管理する市営住宅が22団地あります。

入居を希望される方は、以下の手続きが必要になります。

申し込みの資格

- 現に住宅に困窮している方（市営・県営等の公営住宅の入居者は申込みできません。）
- 親族二人以上で入居される方、または条件に該当する単身の方
- 市内に住んでいる方、または市内で働いている方
- 持ち家のない方（共有名義を含む）
- 市の税金を滞納していない方（市県民税・固定資産税・都市計画税・国民健康保険税・軽自動車税）
- 緊急連絡先を2名確保できる方（市内在住の親族1名を含む連絡先2名を確保してください。）※ただし親族が難しい場合、また緊急連絡先を確保できない方は、ご相談ください。
- 収入が次の基準を満たす方
{所得金額-（本人を除く同居親族の数×38万円+特別控除の金額）}÷12か月＝一般世帯月額158,000円以下

裁量階層 214,000円以下

※所得のある方が2人以上いる場合は、合算した金額が所得金額になります。

<Các giấy tờ cần nộp>

- Giấy tờ chứng minh thu nhập hiện tại
(Giấy chứng nhận thu nhập chịu thuế, phiếu khấu trừ thuế tại nguồn, giấy chứng nhận thu nhập, v.v.)
- Giấy chứng nhận cư trú (phải ghi tên tất cả những người mong muốn vào ở)
- Ngoài ra, tùy trường hợp có thể sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác.

<Từ đơn đăng ký đến quyết định chuyển đi>

[Tuyển chọn định kỳ]

1. Thời gian áp dụng:

Hàng tháng từ khoảng ngày 10 đến ngày 18.

Liên hệ văn phòng cung cấp nhà ở tỉnh Shizuoka, chi nhánh Fuji
(Văn phòng nghỉ vào Thứ bảy, Chủ Nhật, các ngày lễ Tết)

2. Buổi tuyển chọn và giải đáp thắc mắc
vui lòng đến vào đúng ngày và giờ theo qui định
tại buổi này sẽ xem xét và quyết định được vào ở

3. Thời gian được chuyển vào ở

Vào ngày 1 tháng tiếp theo tính từ ngày đăng ký

[Thời gian đăng ký]

1. Đăng ký

Mỗi ngày (trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết)

2. Tuyển chọn: Không có.

Về cách đăng ký chi tiết xin vui lòng liên hệ với văn phòng cung cấp
nhà ở tỉnh Shizuoka chi nhánh Fuji

3. Thời gian vào ở:

Ngày 1 của tháng kế tiếp tính từ ngày đăng ký

4. Sau khi đăng ký, chúng tôi sẽ tiến hành sửa chữa, vệ sinh nhà.

Tùy vào tình trạng nhà mà cần chờ 1 thời gian để có thể vào ở

■ Đăng ký/ liên hệ

Văn phòng cung cấp nhà ở tỉnh Shizuoka, chi nhánh Fuji

(Tòa thị chính thành phố Fuji Tầng 5 Phía Nam)

Điện thoại 0545-55-2817

※単身入居、裁量階層、連帯保証人の要件等不明な点については静岡県住宅供給公社富士出張所に問い合わせてください。

- 暴力団員でない方
- 過去に市営住宅の家賃等の滞納、修繕料の未払い等がなく、迷惑行為等を起こしたことがない方（申込世帯全員）

<提出する書類>

- 今現在の収入がわかる書類
(所得課税証明書・源泉徴収票、収入証明書など)
- 住民票（入居を希望する人全員が記載されているもの）
- その他、場合により他に提出していただく書類があります。

<申し込みから入居決定まで>

【定期募集】

1.申し込み期間：

毎月 10 日～18 日ごろ。

期間は静岡県住宅供給公社富士出張所にお問い合わせください。(土曜日、日曜日、祝日、年末は除きます)

2.抽選会及び説明会：

指定された日時、場所に本人が直接来て頂き公開抽選によって入居決定します。

3.入居可能日：

申し込みの翌々月の 1 日

【随時募集】

1.申し込み：

毎日（土曜日、日曜日、祝日、年末は除く）

2.抽選：ありません。

詳しい申し込み方法について

では、静岡県住宅供給公社富士出張所にお問い合わせ下さい。

3.入居可能日：

契約日の翌月の 1 日

4.申し込みから部屋の修繕を

開始するので、部屋の状態によっ

ては入居までに時間がかかる場合があります。

■申し込み・問い合わせ

静岡県住宅供給公社
富士出張所
(富士市役所本庁舎 5 階南側)
電話 0545-55-2817

● Nhà ở của tỉnh

Tỉnh Shizuoka có hỗ trợ nhà ở cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Để được vào ở cần xem xét một số điều kiện cụ thể. Chi tiết xin liên hệ

● Nhà ở tỉnh

Có nhà ở cấp tỉnh do tỉnh quản lý.

Vui lòng kiểm tra thông tin liên hệ bên dưới để biết điều kiện chuyển đến.

■ Ứng dụng / Yêu cầu

Tổng công ty cung cấp nhà ở tỉnh Shizuoka

Văn phòng chi nhánh Fuji

(Tòa thị chính Fuji Tòa nhà Chính phủ Tầng 5 Phía Nam bên)

Điện thoại 0545-55-2817

* Tại văn phòng chi nhánh Fuji, chỉ có thể xử lý nhà ở cấp tỉnh ở thành phố Fuji và thành phố Fujinomiya.

● 県営住宅

県が管理をする県営住宅があります。

入居の条件等は、下記の問い合わせ先でご確認ください。

■申し込み・問い合わせ

静岡県住宅供給公社
富士出張所
(富士市役所本庁舎 5 階南側)
電話 0545-55-2817

※富士出張所では、富士市内と富士宮市内の県営住宅のみ手続き可能です。

Cách tìm nhà cho thuê tư nhân

Khi tìm thuê nhà hoặc căn hộ, tiện lợi nên sử dụng cửa hàng bất động sản.

Tùy thuộc vào diện tích thuê, diện tích và phương tiện đi lại, chúng tôi sẽ giới thiệu cho bạn nhà thuê hoặc căn hộ phù hợp với nhu cầu của bạn.

Khi thuê nhà, ngoài tiền thuê nhà, bạn cần đặt cọc cho chủ nhà, tiền cảm ơn, phí trung gian trả cho cửa hàng bất động sản.

Cần có người bảo lãnh chung khi ký hợp đồng.

民間賃貸住宅の探し方

借家やアパートを探すときは、不動産店を利用すると便利です。

家賃、広さ、交通手段に応じて、希望にあった借家やアパートを紹介してくれます。

家を借りる時には、家賃のほかに家主に払う敷金、礼金、不動産店へ払う仲介料などが必要です。

契約する時は、連帯保証人が必要になります。

● Công ty bất động sản

Là nơi mua, bán, trao đổi hoặc cho thuê bất động sản như đất đai, nhà ở riêng lẻ, căn hộ và chung cư.

※ thuê

Phí hàng tháng trả cho chủ nhà để thuê nhà

* Tiền cọc

Chúng thường phải trả từ một đến ba tháng tiền thuê nhà (tùy thuộc vào khu vực) và được sử dụng để sửa chữa tiền thuê nhà chưa thanh toán hoặc nơi ở mà chủ thuê đã ở khi chuyển ra ngoài. Sau khi trừ chi phí, sẽ được trả lại bất kỳ khoản nào còn lại.

※ Tiền lễ

● 不動産店

土地、一戸建て、アパート、マンション等の不動産の売買、交換または不動産の賃借等の代理または仲介を行う店。

※ 家賃

住宅を借りるために毎月家主に支払う料金

※ 敷金

Thường phải trả một hoặc hai tháng tiền thuê nhà (tùy khu vực) và sẽ không được trả lại khi chuyển đến khu vực khác.

※ Người bảo lãnh

Nếu bạn không thể trả tiền thuê nhà hoặc sửa chữa nhà, bạn sẽ cần một người bảo lãnh đoàn kết để chịu trách nhiệm cho bạn.

Cá nhân có thu nhập nhất định

Mọi chi tiết khác vui lòng liên hệ cửa hàng bất động sản.

家賃の1〜3か月分を支払うことが多く（地域によって異なります）、退居する時に、家賃の未納分や契約者が居住していた住居の修理のために使われます。その費用を引いて、残りがあれば返ってきます。

※礼金

家賃の1〜2か月分を支払うことが多く（地域によって異なります）、退居するとき返ってきません。

※連帯保証人

家賃や住宅の修理費を払えなくなったとき、その人の代わりに責任を負う連帯保証人が必要です。一定以上の収入がある個人が一般的です。

その他詳しい内容は、不動産店に問い合わせ下さい。

暮らし

電気・ガス・水道

アパートや借家、新居に引っ越したら、不動産店や家主に電気・ガス・水道を再開してもらうように頼みます。

または、自分で各営業所に電話することもできます。都市ガスとプロパンガスの違いは必ず確認し、都市ガスには都市ガス用の専用コンロ、プロパンガスにはプロパンガス用の専用コンロを必ず使用してください。間違えると大変危険です。

Cuộc sống

● Điện / gas / nước

Khi bạn chuyển đến một căn hộ, nhà thuê hoặc nhà mới, sẽ được công ty bất động sản hoặc chủ nhà kiểm tra lại điện, khí đốt và nước.

Ngoài ra, bạn có thể tự gọi điện cho các công ty chuyên dụng. Đảm bảo kiểm tra sự khác biệt giữa gas thành phố và khí propan, đồng thời đảm bảo sử dụng bếp chuyên dụng cho gas thành phố đối với gas thành phố và bếp chuyên dụng cho gas propan cho khí propan.

Sẽ rất nguy hiểm nếu bạn làm sai.

■ Thông báo / Yêu cầu tư vấn

・ Điện lực

Tokyo Electric Power Co., Ltd.

Trung tâm khách hàng Numazu

3-7-25 Otemachi, Thành phố Numazu

Đt 0120-995901

・ khí ga

<Thành phố gas>

Chi nhánh Fuji của Công ty TNHH Shizuoka Gas

10-52 Aratajima Town, Fuji City

Điện thoại 0545-52-2260

<Khí propan>

Cửa hàng khí propan gần đó

■ 届け出・問い合わせ

・ 電気

東京電力株式会社

沼津カスタマーセンター

沼津市大手町 3-7-25

電話 0120-995901

・ ガス

<都市ガス>

静岡ガス株式会社富士支店

富士市荒田島町 10-52

電話 0545-52-2260

<プロパンガス>

- Cung cấp nước

Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn bằng bưu thiếp hoặc điện thoại về thông báo bắt đầu tại trang web.

Trung tâm khách hàng hệ thống thoát nước và cấp nước thành phố Fuji

(Người nhận kinh doanh thu phí nước và nước thải)

Veolia Genets chia sẻ

(Công ty nghỉ lễ)

Chợ chính thành phố Fuji 441-1

(Tầng 1 của Tòa nhà Chính phủ Tổng hợp Fuji, tỉnh Shizuoka)

Điện thoại 0545-67-2873

<Thời gian sử dụng>

- Các ngày trong tuần từ 8:30 đến 17:15
- Thứ bảy từ 8:30 đến trưa

(Không tính ngày lễ)

● Về cấp nước

Nguồn cung cấp nước của Thành phố Fuji được bao phủ bởi tổng cộng 84 nguồn nước.

Nước này được khử trùng và chuyển đến nhà của bạn như là nước an toàn.

● Về hệ thống nước thải

Nước thải từ mỗi hộ gia đình được đưa đến nhà máy xử lý nước thải (trung tâm lọc nước) bằng đường ống cống ngầm, nơi nước thải được lọc sạch và thoát ra sông và biển.

◆ Trong trường hợp như dưới đây phải nhanh chóng báo cáo :

- Khi chuyển nhà (số tiền thanh toán sẽ được tính).
- Khi không sử dụng nước trong thời gian dài đi công tác
- Khi có sự thay đổi về chủ sở hữu và người sử dụng nước

◆ Về tiền nước máy và phí sử dụng nước thải.

- Tiền nước

Phí nước là tổng của phí cơ bản và phí định mức (phí theo khối lượng sử dụng), và phí được lập hóa đơn hai tháng một lần.

- Phí sử dụng hệ thống thoát nước

Nó được sử dụng để xử lý sạch nước bẩn và duy trì và quản lý các đường ống thoát nước. Phí được tính dựa trên lượng nước được sử dụng trong nguồn cấp nước và những người sử dụng nguồn nước của thành phố sẽ được tính phí cùng với phí nước.

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng chuyển khoản thuận tiện để thanh toán phí nước và phí thoát nước.

Ngoài nguồn cung cấp nước của thành phố, có một hiệp hội cung cấp nước đơn giản ở thành phố Fuji.

Nếu bạn đang sử dụng nước đơn giản, phí nước sẽ do từng hiệp hội tính và phí thoát nước (chỉ dành cho người sử dụng hệ thống thoát nước) sẽ do thành phố tính.

近くのプロパンガス店

- 水道

現地にある開始届のはがき、または電話にて届け出します。

富士市上下水道お客様センター

(上下水道料金徴収業務受託者

ヴェオリア・ジェネッツ株

式会社)

富士市本市場 441-1

(静岡県富士総合庁舎 1 階)

電話 0545-67-2873

<利用時間>

- 平日 8 時 30 分～17 時 15 分
- 土曜日 8 時 30 分～正午まで
(祝休日を除く)

●上水道について

富士市の水道は、全 84 箇所の水源より賄われています。

これらの水は滅菌され安全な水として、皆さんのご家庭に届けられています。

●下水道について

それぞれの家庭から排出される汚水を地下の下水道管を使い、下水処理場（浄化センター）に送り、そこで汚水を浄化して川や海に流します。

◆このようなときにははすぐ届け出を

- 引っ越していくとき（料金の精算をします）。
- 出張などで、長い間水道を使用しないとき。
- 水道の所有者、使用者が変わるとき。

◆水道料金・下水道使用料について

- 水道料金

水道料金は、基本料金と従量料金（使った分に応じた料金）の合計額で、料金請求は 2 か月に 1 度請求されます。

- 下水道使用料

汚れた水をきれいに処理したり、下水道管の維持管理をするために使われます。上水道の使用水量を基に料金計算されており、市の水道を使用している方は、水道料金

■ Yêu cầu

Trung tâm khách hàng cấp thoát nước thành phố Fuji
Tar

(Nhận kinh doanh thu phí nước và nước thải

Người được ủy thác Veolia Gene

Công ty TNHH Tsu)

Chợ chính thành phố Fuji 441-1

(Tầng 1 Tòa nhà Chính phủ Tổng hợp Fuji, tỉnh Shizuoka) Điện thoại
0545-67-2873

とあわせて請求されます。

- ・水道料金・下水道使用料の納付には、便利な口座振替のご利用をお勧めします。

富士市内には市の上水道の他に簡易水道組合があります。

簡易水道を使用している方は、水道料金は各組合から請求され、下水道使用料（下水道使用者のみ）は市から請求されます。

■ 問い合わせ

富士市上下水道お客様センター

（上下水道料金徴収業務受

託者 ヴェオリア・ジェネ

ッツ株式会社）

富士市本市場 441-1

（静岡県富士総合庁舎 1 階）電話
0545-67-2873

Phiếu cư trú

◆ Đối tượng

- (1) Người cư trú trung và dài hạn
 - (2) Người có tư cách đặc biệt
 - (3) Giấy phép tị nạn tạm thời hoặc giấy phép lưu trú tạm thời
 - (4) Những người cư trú do mới sinh hoặc những người đã mất quốc tịch
- * Những người có tư cách lưu trú “lưu trú ngắn hạn” hoặc “không có tư cách lưu trú” không được cấp giấy chứng nhận cư trú.

◆ Địa điểm và ngày nộp đơn

■ Nơi nộp đơn

- ・ Bộ phận Công dân của Tòa thị chính Fuji

■ Ngày và giờ nộp đơn

- ・ Thứ hai thứ Sáu

8: 30-17: 15

・ Chủ nhật đầu tiên hàng tháng, Chủ nhật cuối cùng của tháng 3 9: 00-16: 00

(Không tính ngày lễ, chủ nhật đầu tiên của tháng 1 và ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

◆ Những người có thể đăng ký

- ・ Người đăng ký là người nộp đơn

住民票

◆ 対象者

- (1) 中長期在留者
 - (2) 特別永住者
 - (3) 一時庇護許可者又は仮滞在許可者
 - (4) 出生による経過滞在者又は国籍喪失による経過滞在者
- ※在留資格が「短期滞在」や「在留資格がない方」は住民票の対象とはなりません。

◆ 申請の場所と日時

■ 申請場所

- ・ 富士市役所市民課

■ 申請日時

- ・ 月曜日～金曜日

8:30～17:15

- ・ 毎月第 1 日曜日、3 月の最終日曜日

9:00～16:00

(祝休日、1 月の第 1 日曜日及び 12 月 29 日～1 月 3 日を除く。)

◆ 申請できる人

- ・ 本人

- Cùng một thành viên trong gia đình
- Đại diện (người hoặc người được ủy thác bởi cùng một thành viên trong gia đình)

Vật dụng mang theo

- Phí (300 yên một bản sao)
- Các mục có thể được xác định (một trong các mục trong bảng dưới đây)
- Giấy ủy quyền (trong trường hợp người đại diện)

※ Tên của người được ủy quyền, tên in trên thẻ cư trú / thẻ thường trú nhân đặc biệt.

- 同一世帯員
 - 代理人（本人又は同一世帯員から委任を受けた人）
持ちもの
 - 手数料（1通 300 円）
 - 本人確認できるもの（下表のどれか 1 点）
 - 委任状（代理人の場合）
- ※ 委任状の氏名は在留カード・特別永住者証に記載されている氏名を記入してください。通称名は不可。

■ Những giấy tờ có thể xác nhận danh tính

- Thẻ lưu trú, Giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt
- Giấy phép lái xe
- Giấy xác nhận tư cách tham gia bảo hiểm y tế, v.v.
- Giấy xác nhận tư cách tham gia bảo hiểm y tế cho người cao tuổi giai đoạn cuối, v.v.
- Thẻ bảo hiểm chăm sóc dài hạn
- Thẻ My Number
- Các giấy tờ tùy thân, giấy phép khác do cơ quan nhà nước cấp

■ 本人確認できるもの

- 在留カード・特別永住者証明書
- 運転免許証
- 健康保険資格確認書等
- 後期高齢者医療資格確認書等
- 介護保険被保険者証
- マイナンバーカード
- その他、官公署発行の身分証明書、許可証

<Mục cần chú ý>

- Nếu bạn nộp đơn xin trợ cấp và thông báo chuyển nhà vào cùng ngày, địa chỉ sau khi chuyển đi sẽ được ghi trên bản sao thẻ cư trú (Vui lòng nộp đơn xin trợ cấp cùng lúc với thông báo chuyển nhà, không phải trước thông báo chuyển đi).
- Địa chỉ trước khi chuyển đi trước ngày 9 tháng 7 năm 2012 sẽ không được liệt kê trong giấy chứng nhận cư trú. Nếu bạn cần bằng chứng về địa chỉ đó, bạn cần yêu cầu Bộ Tư pháp tiết lộ bản gốc phiếu đăng ký nước ngoài.
- Nếu bạn muốn kiểm tra số thẻ căn cước trên thẻ cư trú của mình, vui lòng hỏi tại quầy.

Tư vấn hỗ trợ

Bộ Tư pháp Cục Nhập cư Nhật Bản
Văn phòng Quản lý Hệ thống Thông tin, Bộ phận Công bố Thông tin Nhập cư của Bộ phận Tổng hợp

Vị trí: 〒160-0004

1-6-1 Yotsuya, Shinjuku-ku, Tầng 13 Tháp Tokyo Yotsuya

Điện thoại: 03-5365-3005

Lễ tân: Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều

(Không tính thứ 7, chủ nhật, các ngày lễ, cuối năm, đầu năm.

<注意事項>

- 交付申請と転居届を同日に行う場合、住民票の写しには転居後の住所が記載されます（交付申請は転居届の前ではなく、転居届と同時に行ってください。）
- 2012年7月9日より前に引っ越した以前の住所については住民票に記載されません。そういった住所の証明が必要な場合は、法務省に外国人登録原票の開示請求をする必要があります。
- 住民票にマイナンバーを記載する場合は、窓口で申し出てください。

問い合わせ先

法務省出入国在留管理庁
総務課情報システム管理室 出入国情報開示係

所在地: 〒160-0004

東京都新宿区四谷 1-6-1 四谷タワー13F

電話: 03-5365-3005

受付: 午前 9 時から

午後 5

時まで

(土・日・祝・年末年始を除く。)

◆ Các phương thức phát hành hồ sơ khác

<Xin bản sao thẻ cư trú của Thành phố Fujinomiya tại Thành phố Fuji>

- Chỉ những người đã đăng ký cư trú tại Thành phố Fuji và Thành phố Fujinomiya mới có thể giao tiếp và cấp bản sao giấy chứng nhận cư trú tại Thành phố Fuji và Thành phố Fujinomiya (doanh nghiệp cấp giấy chứng nhận lẫn nhau).
- Chỉ những người trong cùng một hộ gia đình mới có thể yêu cầu bồi thường. Chúng tôi không thể chấp nhận các ứng dụng từ một người ủy quyền có giấy ủy quyền.

◆ 交付申請のその他の方法

<富士宮市の住民票の写しを富士市で交付申請する>

- 富士市・富士宮市に住民登録している方に限り、富士市、富士宮市で相互に住民票の写しを通信し交付することができます（証明書の相互交付事業）。
- 請求できるのは同じ世帯の方に限られます。委任状を持った代理の方の申請は受付できません。

Đăng ký con dấu

Về đăng ký con dấu

Đăng ký con dấu có nghĩa là đăng ký con dấu của bạn để chứng nhận nó là tài sản cá nhân của bạn. Con dấu đã đăng ký được gọi là "con dấu thật". Nó cần thiết cho việc mua bán bất động sản, v.v., và rất quan trọng để bảo vệ tài sản và quyền cá nhân.

Khi đăng ký con dấu, bạn sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu (phiếu đăng ký con dấu). Đây là điều bắt buộc khi xin cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu.

印鑑登録

印鑑登録について

印鑑登録とは、お手持ちの印鑑をあなた個人のものとして公証するために登録することをいいます。登録された印鑑を「実印」といいます。不動産売買等に必要で、個人の財産や権利を守る大切なものです。

印鑑登録をすると、印鑑登録証（印鑑登録カード）が交付されます。これは印鑑登録証明書の交付申請をする際に必要なものです。

※1は、現在の印鑑登録証です。

* 1 là giấy chứng nhận đăng ký con dấu hiện tại





※2は、旧富士川町で発行していた印鑑登録証です。現在でも使用できます。

* 2 là giấy chứng nhận đăng ký con dấu được cấp ở Thị trấn Fujikawa cũ. Nó vẫn có thể được sử dụng cho đến ngày nay.

● Cách thức đăng ký

◆ Địa điểm, ngày giờ nộp đơn và phí đăng ký

■ Nơi nộp đơn

- ・ Bộ phận Công dân của Tòa thị chính Fuji

■ Ngày và giờ nộp đơn

- ・ Thứ hai thứ Sáu

8: 30-17: 15

- ・ Chủ nhật đầu tiên hàng tháng, Chủ nhật cuối cùng của tháng 3

9: 00-16: 00

(Không tính ngày lễ, chủ nhật đầu tiên của tháng 1 và ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

■ Phí đăng ký

350 yên

<Những người có thể đăng ký con dấu>

Công dân Fuji trên 15 tuổi có tên trong Sổ đăng ký thường trú cơ bản. Tuy nhiên, người giám hộ cho trẻ chưa đến tuổi vị thành niên hãy thông tin trước khi đăng ký để được tư vấn.

<Những vật dụng cần mang theo khi đến văn phòng và đăng ký>

- ・ Con dấu đã được đăng ký
- ・ Những giấy tờ có thể chứng minh(một trong những giấy tờ có trong nhóm ghi như bảng dưới đây)

登録申請の方法

◆申請の場所と日時と登録手数料

■申請場所

- ・ 富士市役所市民課

■申請日時

- ・ 月曜日～金曜日

8:30～17:15

- ・ 毎月第 1 日曜日、3 月の最終日曜日

9:00～16:00

(祝休日、1 月の第 1 日曜日及び 12 月 29 日～1 月 3 日を除く。)

■登録手数料

350 円

<印鑑登録できる人>

満 15 歳以上の富士市民で、住民基本台帳に記載のある人。ただし、成年被後見人は事前にご相談ください。

<本人が来庁して登録申請する場合の持ちもの>

- ・ 登録する印鑑

Nếu bạn không có thứ gì đó có thể dùng để xác minh danh tính của mình, bạn có thể đăng ký con dấu của mình bằng cách đăng ký với tư cách là người bảo lãnh hoặc xác minh danh tính của bạn qua đường bưu điện.

◆ Những giấy tờ có thể được xác định danh tính

■ Nhóm A

- Thẻ cư trú • giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt
- Bằng lái xe
- Thẻ my number mang mã số cá nhân
- Các thẻ căn cước khác do cơ quan công quyền cấp, giấy phép

<Những gì đại diện được uỷ quyền cần mang theo khi đến văn phòng đăng ký>

- Con dấu
- Giấy uỷ quyền
- Giấy tờ xác nhận người được uỷ quyền. (nhóm A hoặc B trong bảng bên dưới)
- Giấy uỷ quyền phải là người đứng tên đăng ký và do chính người đăng ký viết.
- Chúng tôi sẽ xác minh danh tính của bạn qua thư, do đó không thể phát hành ngay trong ngày.
- Nếu bạn cần gấp, xin vui lòng nộp đơn đăng ký càng sớm càng tốt

• <Con dấu có thể được đăng ký>

- Con dấu khác với con dấu đã đăng ký của các thành viên khác trong hộ gia đình.
- Trong trường hợp là người nước ngoài, những tên được khắc bằng một số kết hợp của tên, tên, tên hoặc tên thông thường được đăng ký trong Sổ đăng ký thường trú cơ bản. Khắc với ký hiệu một tên đã đăng ký hoặc một số kết hợp của chúng.
- Các mục ngoài tên (bằng cấp, nghề nghiệp, chữ hoa, hoa văn trang trí, v.v.) không được khắc
- Chiều cao của con dấu từ 2 cm trở lên, dấu lớn hơn hình vuông có cạnh 8 mm và vừa với hình vuông có cạnh 25 mm.
- Những loại tem thể hiện rõ dấu ấn (tem cao su và các loại tem khác dễ thay đổi, các cạnh không bị hư hỏng, mòn)

• Bản thân xác minh được (dưới đây là A nhóm
của một số điểm)

Bản thân xác minh được (dưới đây là A nhóm
của một số điểm) hoặc, đăng ký hoặc bằng bưu điện để bản
thân xác minh được (dưới đây là A nhóm
của một số điểm) bằng cách đăng ký.

◆ Bản thân xác minh được

■ A nhóm

- 在留カード・特別永住者証
明書
- 運転免許証
- マイナンバーカード
- その他、官公署発行の身分証
明書、許可証

<代理人が来庁して登録申請する場合の持ちもの>

- 登録する印鑑
- 委任状
- 代理人の本人確認できるもの。(下
の表 A・B 群のどちらか 1 点)
委任状は必ず、登録する本人
が自筆で作成してください。
郵便にて本人確認を行います
ので、即日交付はできません。
お急ぎの場合はお早めに
登録申請してください。

<登録できる印鑑>

- 他の世帯員が既に登録してある印
鑑と印影が異なるもの
- 外国人の場合は、住民基本台帳に
登録されている氏名、氏、名もしくは
通称の一部の組み合わせで彫られて
いるもの 登録されている氏名の
片仮名表記またはその一部の組み合
わせで彫られているもの
- 氏名以外のこと（資格、職業、花
文字、飾り柄など）が彫られていな
いもの
- 印鑑の高さが 2cm 以上あるもの、
また印影が一辺 8mm の正方形より
大きく、かつ、一辺 25mm の正方形
に収まるもの
- 印影を鮮明に表せるもの（ゴム印
など印面が変化しやすい、縁まわり
が欠損・摩滅している等は不可）

◆ Những giấy tờ có thể xác định danh tính

■ Nhóm A

- Thẻ cư trú • Giấy chứng nhận tư cách vĩnh trú, đặc biệt
 - Bằng lái xe
 - Thẻ căn cước
 - Các thẻ căn cước khác do cơ quan công quyền cấp
- Tuyên bố, giấy phép

■ Nhóm B

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế
- Thẻ bảo hiểm chăm sóc dài hạn
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau
- Thẻ nhân viên có ảnh chân dung
- Chứng minh thư do cơ quan công quyền cấp

Giấy chứng nhận đăng ký con dấu

■ Nơi nộp đơn

- Bộ phận Công dân của Tòa thị chính Fuji

■ Ngày và giờ nộp đơn

- Thứ hai thứ Sáu

8: 30-17: 15

- Chủ nhật đầu tiên hàng tháng, Chủ nhật cuối cùng của tháng 3

9: 00-16: 00

(Không tính ngày lễ, chủ nhật đầu tiên của tháng 1 và ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

• Những người có thể làm đơn

- Cá nhân
- Đại diện

◆ Vật dụng mang theo

- Phí (300 yên một bản sao)
- Phiếu đăng ký con dấu cá nhân (Thẻ đăng ký con dấu)

<Mục chú ý>

- Không cần con dấu.
- Không cần có giấy ủy quyền ngay cả khi người đại diện đến văn phòng.
- Bạn cũng có thể đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu được cấp tại Thị trấn Fujikawa cũ.
- Nếu bạn nộp đơn xin cấp và thông báo chuyển đi trong cùng một ngày, giấy chứng nhận đăng ký con dấu của bạn sẽ bao gồm địa chỉ của bạn sau khi bạn chuyển đi. (Vui lòng đăng ký cùng lúc với thông

◆ 本人確認できるもの

■ A 群

- 在留カード・特別永住者証明書
- 運転免許証
- マイナンバーカード
- その他、官公署発行の身分証明書、許可証

■ B 群

- 健康保険資格証明書等
- 介護保険被保険者証
- 後期高齢者医療資格証明書等
- 顔写真付社員証
- 官公署発行の身分証明書

印鑑登録証明書

■ 申請場所

- 富士市役所市民課

■ 申請日時

- 月曜日～金曜日

8:30～17:15

- 毎月第1日曜日、3月の最終日曜日

9:00～16:00

(祝休日、1月の第1日曜日及び12月29日～1月3日を除く。)

◆ 申請できる人

- 本人
- 代理人

◆ 持ちもの

- 手数料 (1通 300円)
- 本人の印鑑登録証 (印鑑登録カード)

<注意事項>

- 印鑑は必要ありません。
- 代理人が来庁する場合でも、委任状は必要ありません。
- 旧富士川町で発行していた印鑑登録証でも交付申請できます。
- 交付申請と転居届を同日に行う場合、印鑑登録証明書には転居後の住所が記載されます。(交付申請

bảo chuyển đến)

Các cách thức phát hành khác

<Đơn xin đăng ký ở thành phố Fujimiya>

Bạn có thể đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu tại thành phố Fujimiya. Bạn cũng có thể xin giấy chứng nhận đăng ký con dấu cho thành phố Fujimiya ở thành phố Fuji. (Cấp chứng chỉ lẫn nhau) Người có thể nộp đơn chỉ giới hạn trong người và các thành viên của họ trong cùng một hộ gia đình. Ngoài lệ phí (300 yên một bản sao) và thẻ đăng ký con dấu của người đó (thẻ đăng ký con dấu), bạn sẽ cần phải có thứ gì đó có thể xác minh danh tính của người đến quầy (bằng lái xe, thẻ bảo hiểm y tế, v.v.)

Về mã số cá nhân

Từ tháng 1 năm 2016, việc sử dụng mã số cá nhân đã bắt đầu trong các lĩnh vực an sinh xã hội, thuế và các biện pháp đối phó với thảm họa.

1. Mã số cá nhân là gì

Mã số cá nhân là số có 12 chữ số do mỗi công dân sở hữu và được sử dụng trong các lĩnh vực an sinh xã hội, thuế và các biện pháp đối phó với thảm họa. Hệ thống Mã số cá nhân là một nền tảng xã hội nhằm tăng cường tính minh bạch của nền hành chính và hiện thực hóa một xã hội công bằng và công bằng, thuận tiện cho người dân. Mã số cá nhân cũng được dùng cho người nước ngoài có thể cư trú (cư dân trung hạn đến dài hạn, vĩnh trú đặc biệt, v.v.).

2. Thông báo về mã số cá nhân

- Mã số cá nhân được in trên thẻ thông báo, gửi qua đường bưu điện từ thành phố có giấy chứng nhận cư trú cho các hộ gia đình có giấy chứng nhận cư trú tại Nhật Bản.

- * Thẻ thông báo và thông báo số cá nhân không có ngày hết hạn. Xin vui lòng không vứt nó đi và giữ nó ở một nơi an toàn.

- * Việc phát hành thẻ thông báo mới đã được hoàn thành vào ngày 2 tháng 5 năm令和. Sau đó, thẻ thông báo số cá nhân sẽ được gửi qua đường bưu điện.

- Đối với những người sẽ nhập cảnh vào Nhật Bản và ở lại Nhật Bản từ trung hạn đến dài hạn, mã số cá nhân sẽ được thông báo khi họ đăng ký cư trú.

は転居届の前ではなく、転居届と同時に申請してください)

交付申請のその他の方法

<富士宮市での交付申請>

印鑑登録証明書の交付申請を、富士宮市で行うことができます。また、富士宮市の印鑑登録証明書を富士市で交付申請することもできます。(証明書の相互交付事業)

申請できる人は、本人及びその同一世帯員に限られます。持ちものは、手数料（1通 300円）と本人の印鑑登録証（印鑑登録カード）に加え、窓口に来た方の本人確認ができるもの（運転免許証、健康保険証等）が必要になります。

マイナンバーについて

2016年1月から社会保障、税、災害対策の分野でマイナンバーの利用が始まりました。

マイナンバーとは

マイナンバーは、国民一人ひとりが持つ12桁の番号で、社会保障や税、災害対策の分野で使われます。マイナンバー制度は、行政の透明性を高め、国民にとって便利で、公平・公正な社会を実現するための社会基盤です。

住民票のある外国人（中長期在留者、特別永住者等）にもマイナンバーは通知されます。

マイナンバーの通知

- 日本に住民票をお持ちの方の世帯に、住民票がある市区町村から郵送される通知カードまたは個人番号通知書に、マイナンバーが記載されています。

※通知カード及び個人番号通知書に有効期限はありません。捨てないで大切に保管してください。

※通知カードは令和2年5月に新規発行が終了しました。以降は個人番号通知書が郵送されています。

・今後日本に入国し、中長期間在留される方等については、住民登録をした時点でマイナンバーが通知されます。

3. Trường hợp cần sử dụng mã số cá nhân

- ・ Xuất trình thẻ mã số cá nhân của bạn cho cơ quan thuế, v.v ... trong các thủ tục thuế, chẳng hạn như tờ khai cuối năm 2016 và sau đó.
 - ・ Vì cần các thủ tục về thuế và bảo hiểm xã hội nên phải trình thẻ mã số cá nhân cho công ty nơi làm việc
 - ・ Xuất trình thẻ My Number của bạn cho các công ty chứng khoán và công ty bảo hiểm khi làm thủ tục thuế.
 - ・ Xuất trình thẻ mã số cá nhân cho uỷ ban thành phố khi bạn nhận được trợ cấp trong lĩnh vực phúc lợi hoặc khi bạn đăng ký bảo hiểm y tế quốc gia, bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng, v.v.
 - ・ Xuất trình thẻ mã số cá nhân của bạn cho ngân hàng hoặc bưu điện khi gửi tiền ra nước ngoài hoặc nhận tiền từ nước ngoài.
- * Trong quá trình làm thủ tục đăng ký mã số cá nhân, để ngăn chặn việc giả mạo, (1) kiểm tra xem số có chính xác hay không và (2) kiểm tra xem chủ sở hữu có đúng số hay không.
- Vì thẻ thông báo chỉ có thể xác nhận thông qua mã số xác nhận, nên cần phải xuất trình thẻ nhận dạng riêng biệt như thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận thường trú đặc biệt.

3. マイナンバーの利用場面

- ・平成28年以降分の確定申告など、税の手続きで税務署などにマイナンバーを提示します。
 - ・税や社会保険の手続きで必要なため、勤務先にマイナンバーを提示します。
 - ・税の手続きで、証券会社や保険会社などにマイナンバーを提示します。
 - ・福祉分野の給付等を受けるときや国民健康保険、介護保険などの手続きをするときに市町村にマイナンバーを提示します。
 - ・国外に送金するときや、国外からお金を受け取るときに、銀行や郵便局へマイナンバーを提示します。
- ※マイナンバーの手続きでは、なりすましを防止するために、①番号が正しいかの確認と、②正しい番号の持ち主かの確認をします。
- 通知カードは番号の確認しかできないので、別に在留カード、特別永住者証明書などの身分証明書の提示が必要になります。

4. Thẻ mã số cá nhân (My Number) là gì?

- ・ Đây là một thẻ cho phép bạn xác nhận số và danh tính của mình. Nó cũng có thể được sử dụng như một thẻ nhận dạng công cộng.
- ・ Cần phải có đơn đăng ký để có được Thẻ Số Cá nhân. Bạn có thể đính kèm ảnh chụp khuôn mặt của mình vào hồ sơ cấp thẻ số cá nhân kèm theo thẻ thông báo hoặc phong bì chứa thông báo số cá nhân và gửi lại, hoặc bạn có thể đăng ký trực tuyến trên máy tính hoặc điện thoại thông minh của mình. Phí phát hành ban đầu là miễn phí.
- ・ Khi đăng ký thẻ mã số cá nhân, bạn sẽ nhận được thông báo đủ điều kiện đăng ký. Vui lòng đến văn phòng thành phố với các tài liệu xác minh danh tính của bạn như (1) bưu thiếp bạn nhận được, (2) thẻ thông báo hoặc thông báo số cá nhân, và (3) thẻ cư trú của bạn. Ngoài ra, chỉ nhận được theo lịch hẹn. Ngoài ra, cần đặt mã PIN khi phát hành thẻ.
- ・ Thẻ số cá nhân có giá trị đến sinh nhật lần thứ 10 đối với những người trên 18 tuổi và đến sinh nhật thứ 5 đối với những người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, xin lưu ý rằng nó có thể thay đổi tùy thuộc vào thời gian lưu trú.

4. 個人番号カード（マイナンバーカード）とは

- ・ マイナンバーに関係する手続きで、番号と身元を1枚で確認できるカードです。また、公的な身分証明書として使えます。
- ・ 個人番号カードの取得には申請が必要です。通知カードまたは個人番号通知書の入った封筒に同封されている個人番号カード交付申請書に顔写真を貼って返送する方法や、パソコンやスマートフォンでオンライン申請する方法があります。初回の発行手数料は無料です。
- ・ 個人番号カードを申請すると、カードの交付準備ができたことを知らせる通知が届きます。市区町村の窓口、①いたハガキ、②通知カードまたは個

- Nó đi kèm với một chip IC và bao gồm một chứng chỉ điện tử cho phép bạn đăng ký thuế điện tử.
- Đối với thẻ mã số cá nhân, bạn có thể lấy bản sao thẻ cư trú hoặc giấy đăng ký con dấu tại cửa hàng tiện lợi.
- Chỉ có tên, địa chỉ và số của tôi ghi trên vé mới có thể được ghi trên chip IC. Thông tin cá nhân có tính riêng tư cao như thu nhập không được ghi lại.
- Ngay cả khi bạn có thẻ số cá nhân, bạn vẫn cần phải có thẻ cư trú, giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt, v.v.

人番号通知書、③在留カードなどの本人確認書類を持って受け取りにきてください。なお、受取は予約制となっております。また、カード交付時に暗証番号の設定が必要です。

・個人番号カードの有効期限は、18歳以上は10回目の誕生日まで、18歳未満は5回目の誕生日までです。ただし、在留期間等により異なる場合がありますので、注意してください。

・ICチップが付いており、税の電子申請などが行える電子証明も入ります。

・個人番号カードは、コンビニエンスストアで住民票の写しや印鑑登録証明書などを取ることができます。

・ICチップに記録されるのは、券面に記載された氏名、住所、マイナンバーなどに限られます。所得などプライバシー性の高い個人情報は記録されません。

・個人番号カードを取得しても、在留カード、特別永住者証明書等は引き続き持つ必要があります。

5. Những chú ý khi sử dụng thẻ mã số cá nhân

- Nếu thông tin (địa chỉ, v.v.) trên thẻ số cá nhân thay đổi, vui lòng thông báo cho ủy ban thành phố.
- Ngoại trừ các trường hợp được pháp luật quy định, thì việc sử dụng và thu thập thẻ mã số cá nhân bị cấm. Khi được hỏi mã số cá nhân, vui lòng xác nhận lại mục đích sử dụng với bên kia.
- Việc mua bán lại trái phép mã số cá nhân của người khác sẽ bị xử phạt theo quy định.
- Hãy cẩn thận với các cuộc gọi đáng ngờ và không cung cấp mã số thẻ một cách khi cần thiết.

5. マイナンバーの取り扱いに関する注意点

・個人番号カードの記載事項(住所など)が変わった場合、市区町村に届け出てください。

・法律に規定があるものを除き、マイナンバーの利用・収集は禁止されています。マイナンバーを聞かれたら、しっかりと相手と利用目的を確認してください。

・他人のマイナンバーを不正に入手することは処罰の対象になります。

・不審な電話などに注意し、むやみにマイナンバーを提示しないでください。

6. Yêu cầu tư vấn liên quan đến việc sử dụng thẻ mã số cá nhân

- Điện thoại miễn phí có thông dịch tiếng Anh, Trung, Hàn, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha

0120-0178-26 các vấn đề liên quan đến thẻ mã số cá nhân

0120-0178-27 các vấn đề liên quan đến Thẻ thông báo, thẻ mã số cá nhân

Các ngày trong tuần 9: 30-20: 00

6. マイナンバーに関する問い合わせ

・英語・中国語・韓国語・スペイン語・ポルトガル語対応のフリーダイヤル

0120-0178-26 マイナ

Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ 9h30-17h30 (Ngoại trừ ngày lễ cuối năm và lễ tết)

* Về việc tạm ngừng sử dụng do mất hoặc mất cắp thẻ số cá nhân, v.v. Lễ tân tiếp nhận điện thoại 24 giờ/ngày xuyên suốt 365 ngày/ năm theo số 0120-0178-27

* Điện thoại miễn phí sử dụng tiếng Nhật 0120-95-0178.

• Nhấp vào đây để biết thông tin về mã số cá nhân

. Chúng tôi cũng cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài.

* Ban Thư ký Nội các HP

<http://www.cas.go.jp/>

[jp / seisaku / bangoseido /](http://www.cas.go.jp/seisaku/bangoseido/)

* J-LIS HP

[Https: //www.kojinbango-card.go.jp/](https://www.kojinbango-card.go.jp/)

ンバー制度に関すること

0 1 2 0 - 0 1 7 8 - 2 7 通知カード、個人番号カードに関すること
平日 9時30分～20時00分
土日祝 9時30分～17時30分
(年末年始を除く)

※個人番号カードの紛失・盗難などによる一時利用停止については、

0 1 2 0 - 0 1 7 8 - 2 7にて24時間365日受付

※日本語のフリーダイヤルは0 1 2 0 - 9 5 - 0 1 7 8です。

・マイナンバーに関する情報はこちらから。外国語での情報提供も行っています。

※内閣官房 HP

<http://www.cas.go.jp/>

[jp/seisaku/bangoseido/](http://www.cas.go.jp/seisaku/bangoseido/)

※J-LIS HP

<https://www.kojinbango-card.go.jp/>

Các loại hồ sơ khai báo

Người quốc tịch nước ngoài nếu chuyển nhà, sinh con, kết hôn, qua đời tại Nhật Bản, thì sẽ cần các khai báo sau.

● Chuyển nhà

<Nếu chuyển từ nơi khác đến thành phố Fuji, thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến.>

• Vật cần thiết: Giấy chứng nhận chuyển nhà, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt • Thẻ mã số cá nhân (Chỉ dành cho những người đang có thẻ)

<Nếu chuyển nhà từ thành phố Fuji đi nơi khác, thì tiếp nhận từ 14 ngày trước khi chuyển đi.>

• Những thứ cần thiết: Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận cư trú vĩnh viễn đặc biệt, các loại giấy xác nhận tư cách/giấy chứng nhận hưởng trợ cấp do thành phố Fuji cấp, thẻ My Number, thẻ đăng ký con dấu (chỉ đối với những người có).

※ Trường hợp đi ra nước ngoài trong thời gian dài, cũng cần có các thủ tục cần thiết.

<Nếu đã chuyển nhà trong thành phố, trong vòng 14 ngày từ ngày chuyển nhà>

• Vật cần thiết: Thẻ cư trú hoặc thẻ vĩnh trú đặc biệt, các loại giấy xác nhận tư cách/giấy chứng nhận hưởng trợ cấp do thành phố Fuji cấp, thẻ My Number, thẻ đăng ký con dấu (chỉ đối với những người có).

各種届出

外国籍の方が、日本国内において、引っ越ししたり、子どもが生まれたり、結婚したり、亡くなったりした場合は、次の届出が必要です。

●引っ越し

<市外から引っ越ししてきた場合は、引っ越ししてきた日から14日以内>

• 必要なもの：転出証明書、在留カードまたは特別永住者証明書・マイナンバーカード (持っている人のみ)

<市外へ引っ越しする場合は、14日前から受け付けます>

• 必要なもの：在留カードまたは特別永住者証明書、富士市が発行した各種資格確認書・受給者証等・マイナンバーカード・印鑑登録証 (持っている人のみ)

※長期間日本国外へ出国する場合もお手続きが必要です。

<市内で引っ越しをした場合は、引っ越しをした日から14日以内>

• 必要なもの：在留カードまたは特

別永住者証明書、富士市が発行した各種資格確認書・受給者証等・マイナンバーカード（持っている人のみ）

● Khai sinh

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh, cha hoặc mẹ hãy khai báo.

- Vật cần thiết: Giấy khai sinh, sổ khám sức khỏe của mẹ con, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của bố mẹ

● Đăng ký kết hôn

Điều kiện khác nhau tùy theo quốc tịch, hãy hỏi Phòng Công dân để biết thêm chi tiết

● Khai qua đời

Trong vòng 7 ngày kể từ ngày biết việc qua đời, người nhà hoặc người cùng chung sống khai báo tại Ủy ban Nhân dân Thành phố, trong vòng 14 ngày, hãy trả lại thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người nước ngoài đã qua đời tại văn phòng chi nhánh Shizuoka, Sở quản lý xuất nhập cảnh Nagoya.

- Vật cần thiết: Giấy khai tử, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người nước ngoài đã mất, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người làm thủ tục
- Mọi thắc mắc về các loại giấy tờ khai báo xin vui lòng liên hệ: Phòng Công dân, điện thoại 0545-55-2749

■ Tham khảo

- Về chế độ sổ đăng ký thường trú cơ bản của cư dân ngoại quốc Trang web Bộ Nội vụ và Truyền thông (Chế độ sổ đăng ký thường trú cơ bản, xem tờ rơi theo trang)
http://www.soumu.go.jp/main_sosiki/jichi_gyousei/c-gyousei/zairyu/index.html

- Về chế độ quản lý cư trú

Trang web Cục quản lý xuất nhập cảnh
<https://www.moj.go.jp/isa/index.html>

Vật nuôi, thú cưng

- Những người đang và bắt đầu nuôi chó cần thực hiện một số qui định về luật sở hữu vật nuôi
- ◆ Đăng ký nuôi chó (Nộp phiếu đăng ký nuôi chó cho Ủy ban thành phố Fuji)
- Địa điểm đăng ký:

● 出生届

出生の日から14日以内に父又は母が届け出てください。

- 必要なもの：出生届・母子健康手帳・両親の在留カードまたは特別永住者証明書

● 婚姻届

国籍によって要件が異なりますので、詳しくは市民課までお問い合わせください。

● 死亡届

死亡を知った日から7日以内に家族又は同居人が市役所で届出を行い、14日以内に死亡した外国人の在留カードまたは特別永住者証明書を名古屋出入国在留管理局静岡出張所に返納してください。

- 必要なもの：死亡届・亡くなられた方の在留カードまたは特別永住者証明書・手続きをされる方の在留カードまたは特別永住者証明書

- 各種届出のお問い合わせ：
市民課
電話 0545-55-2749

■ 参考

- 外国人住民の住民基本台帳制度について
総務省 HP
(住民基本台帳制度 ページ別リーフレット参照)
- 在留管理制度について
出入国在留管理庁 HP

ペット

- 犬を飼っている人、犬を飼い始めた人
法令により、飼い主の義務が定められています。

Tòa thị chính Fuji tầng 10
Bộ phận Môi trường và Các vấn đề Chung
Bệnh viện thú y thành phố

- Số tiền: 3.000 yên
(mỗi con)
- Sau khi đăng ký, mỗi vật nuôi sẽ được cấp thẻ, và phải đeo thẻ này cho vật nuôi
- Khi chuyển địa chỉ nhà, bạn cần thay đổi địa chỉ đăng ký nuôi chó.

Nếu bạn mua một con chó đã gắn microchip, vui lòng cập nhật thông tin đăng ký microchip trên trang web của Bộ Môi trường. (Có hướng dẫn bằng tiếng Anh)

※Trang web của Bộ Môi trường:

<https://reg.mc.env.go.jp/>

◆ Tiêm phòng bệnh chó dại

(Tiêm mỗi năm một lần)

- Địa điểm: Bệnh viện thú y thành phố
- Cần mang theo những gì: Sổ tay thú cưng (phát khi đăng ký nuôi chó)
- Số tiền: 3.700 yên
(Phí tiêm 3,150 yên
Lệ phí khi tiêm 550 yên)
- "Giấy chứng nhận tiêm phòng bệnh chó dại" sau khi được cấp, phải được đeo vào cho chó.

◆ "Thẻ", "Phiếu tiêm bệnh chó dại" được phát hành tại

- Địa điểm: Tòa thị chính Fuji tầng 10, Phòng môi trường và các vấn đề tổng hợp
- Lệ phí :
1.600 yên (tiền thẻ)
340 yên (phiếu tiêm phòng bệnh chó dại)

◆ Cách nuôi chó

~ Tránh không để làm phiền người khác ~

- Không để chó tự do đi khắp nơi
- Cho dù có thể điều khiển được chó, tuy nhiên nên xiềng dây xích khi dắt chó đi dạo.
- Mang phân chó về nhà và vứt bỏ
- Đảm bảo nuôi và huấn luyện chó của bạn theo chủng loại và thói quen của nó.

◆ 犬の登録

(富士市への届出)

- 登録場所 :
富士市役所 10 階
環境総務課窓口
市内の動物病院
- 金額 : 3,000 円
(1 頭につき)
- 登録とともに交付された犬の「鑑札」は、犬に装着すること。
- 引っ越しをしたとき、犬の登録も住所変更の手続きが必要です。
 - マイクロチップを装着した犬を購入した場合は、環境省 HP からマイクロチップの登録情報を更新してください。(英語のマニュアルあり)

※環境省 HP :

<https://reg.mc.env.go.jp/>

◆ 狂犬病予防注射

(毎年 1 回の接種)

- 場所 : 市内の動物病院
- 持ち物 : 愛犬手帳 (犬の登録時に配布)
- 金額 : 3,700 円
(注射代 3,150 円
狂犬病注射済票交付手数料 550 円)
- 注射とともに交付された「狂犬病注射済票」は、犬に装着すること。

◆ 「鑑札」、「狂犬病注射済票」の再交付

- 場所 : 富士市役所 10 階 環境総務課窓口
- 金額 :
1,600 円 (鑑札)
340 円 (狂犬病注射票)

◆ 犬の飼い方

～他人に迷惑をかけないために～

- 放し飼いをしないこと。
- 犬をコントロールできる人が、リードにつないで散歩すること。
- フンは持ち帰って処分すること。
- 犬の種類、習性に合わせた飼い方、しつけをすること。

● Mèo

◆ Những người nuôi mèo, hãy nuôi chúng trong nhà. (Nếu để chúng đi ngoài, có thể bị ốm hoặc bị thương.)

◆ Những người nuôi mèo không có chủ

Cần chú ý số lượng mèo sẽ tiếp tục tăng lên mỗi ngày, và môi trường xung quanh sẽ bị ô nhiễm bởi phân và nước tiểu, gây phiền toái cho khu vực lân cận.

- Không để thức ăn và nước uống liên tục 1 chỗ, sau khi cho mèo ăn xong phải dọn dẹp ngay. (lựa chọn địa điểm và thời gian cố định, cho mèo ăn vừa đủ lượng thức ăn và nước uống, không để thừa.)

- Hãy lắp đặt một nhà vệ sinh. (Chuẩn bị nhà vệ sinh ở một nơi cố định và không để mèo thải phân lung tung ở những nơi khác.)

- Cho mèo thực hiện phẫu thuật và tránh thai. (Ở thành phố Fuji, việc phẫu thuật cắt tia lông và tránh thai của những chú mèo không rõ nguồn gốc được hỗ trợ. Vui lòng liên hệ trước với Bộ phận Môi trường và Các vấn đề chung tại Tòa thị chính thành phố Fuji.)

- Cố gắng kêu gọi sự đồng lòng của hàng xóm (giải thích cho họ biết về các việc như bên trên cũng như vấn đề xử lý phân mèo)

● Các loài thú cưng nói chung

- Chủ nên dọn phân và nước tiểu của thú cưng.
- Một khi đã nuôi, hãy cố gắng nuôi chúng đến khi chúng chết
- Luôn đeo thẻ và vòng cổ cho thú
- Nếu thú cưng của bạn bị mất, vui lòng liên hệ 3 địa điểm sau.

Phòng các vấn đề môi trường của Tòa thị chính thành phố Fuji Điện thoại 0545-55-2768

Bộ phận Vệ sinh và Dược phẩm của Trung tâm Y tế Fuji Điện thoại 0545-65-2154

Đồn cảnh sát Fuji

Điện thoại đại diện 0545-51-0110

● Hãy thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai cho vật nuôi.

Các vật dụng cần thiết để sơ tán: túi xách, thùng (lồng), v.v.

● 猫

◆ 猫を飼っている人

室内で飼いましょう。(外に出すことで、病気、怪我の原因にもなります。)

◆ 飼い主のいない猫へエサをやっている人

～エサをあげるだけだと、猫が増え続け、フンやおしっこで周囲を汚し、近所に迷惑がかかります～

- 置きエサをせず、すぐ片付けること。(場所と時間を決め、一度に食べきれる量のエサと水とする。)

- トイレを設置してください。(決めた場所に、トイレを用意して、フンやおしっこを他でしない努力をする。)

- 去勢・避妊手術をさせてください。(富士市では、飼い主のいない猫の去勢・避妊手術に対する補助金があります。事前に富士市役所環境総務課までお問い合わせください)

- 活動が近所の人に理解されるように、努めてください。(フンの処理や上記の活動をしている状況を伝えて、近所の理解を得ましょう。)

● ペット全般

- フンやおしっこは、飼い主が片付けてください。
- 飼い始めたら、最後まで飼いましょう。
- 迷子札やマイクロチップをつけましょう。

- ペットがいなくなった場合、下記の3箇所に連絡してください。

富士市役所 環境総務課 電話 0545-55-2768

富士保健所 衛生薬務課 電話 0545-65-2154

富士警察署 会計課

代表電話 0545-51-0110

● ペットの防災対策をしましょう。

避難に必要な物：キャリーバッグ

Các vật dụng cần thiết khi sơ tán: thùng (lồng), thức ăn và nước uống (tối thiểu 5 ngày), dụng cụ ăn , dụng cụ vệ sinh, (thực phẩm chữa bệnh, thuốc)

やクレート（ケージ）など
避難生活に必要な物：クレート（ケージ）、エサと水（最低5日分）、食器、トイレ用品、（療法食、薬）

● **Vì hoàn cảnh, bạn không thể tiếp tục nuôi, vui lòng tìm chủ sở hữu mới cho chúng.**

Vui lòng liên hệ tại phòng trao đổi thông tin "Bảng thông điệp tình yêu Pocchi và Nyanchi" được lắp đặt ở khu phía bắc, tầng 1 của tòa thị chính thành phố Fuji. Vui lòng điền các thông tin cần thiết (thông tin liên hệ, đặc điểm của con vật bạn muốn trao quyền nuôi cho người khác, ngày tháng năm sinh,...) vào mẫu thông tin, đính kèm hình ảnh con vật bạn muốn chuyển nhượng. Thời gian đăng là một tháng. Sau đó sẽ có cuộc trao đổi trực tiếp với người bạn muốn cho đi.

●事情により、飼えなくなった時は、新しい飼い主を探してください。情報交換の1つとして、市庁舎1階北側に設置してある「ポッチとニャンチの愛の伝言板」があります。伝言板に添え付けてある専用の用紙に、必要事項（連絡先、ゆずりたい動物の特徴、生年月日など）を記入し、ゆずりたい動物の写真を貼って、ご自分で掲示してください。掲示される期間は1ヶ月です。譲ってほしい方と直接のやり取りになります。

Các qui định chung

Tại thành phố Fuji có những qui định chung về cách vứt rác, cấm thả rong chó, mèo, và tác phong khi hút thuốc.

マナー条例

富士市には、ごみのポイ捨て禁止や、犬・猫のふん放置の禁止、喫煙時のマナーを定めた条例があります。

● **Cấm vứt rác**

Không được phép đổ rác nơi công cộng hoặc trên phần đất của người khác. Vứt tàn thuốc vào lon rỗng và cho vào thùng rác hoặc mang về nhà xử lý.

● **ごみのポイ捨て禁止**

公共の場所や、他人の土地にごみを捨てるのは禁止です。たばこの吸い殻や空き缶などは、ゴミ箱へ捨てるか、持ち帰って処理しましょう。

● **Cấm thả rong chó mèo**

Không được để phân chó, mèo của bạn ở nơi công cộng hoặc trên đất của người khác. Trong trường hợp đang đi dạo, hãy mang phân đó về nhà và vứt bỏ.

● **犬・猫のふん放置の禁止**

公共の場所や、他人の土地に、飼い犬や飼い猫等のふんを放置することは禁止です。散歩中などのふんは、持ち帰って処理しましょう。

● **Cách qui định khi hút thuốc**

Có ba điều cần ghi nhớ khi hút thuốc ở nơi công cộng:
(1) Không làm ảnh hưởng đến cơ thể, đồ đạc, quần áo, v.v. của người khác.
(2) Không hút thuốc khi đi bộ hoặc đi xe đạp.
(3) Hút thuốc ở nơi có gạt tàn hoặc dùng gạt tàn cầm tay.

● **喫煙時のマナー**

公共の場所で喫煙をする際には、次の3つのことに気をつけましょう。
(1) 他人の身体や持ち物、衣類等に影響又は被害を与えない。
(2) 歩行中又は自転車乗車中には喫煙しない。
(3) 灰皿等がある場所で喫煙するか、携帯用灰皿を使用する。

●**Cách đối ứng với những người vi phạm**

Đối với những người vi phạm quy định cấm vứt rác, thả rông chó, mèo, vứt phân chó mèo ở nơi công cộng sẽ bị công khai tên và địa chỉ.

■ **Liên hệ**

Phòng các vấn đề môi trường của Tòa thị chính thành phố Fuji
Bộ phận chính sách môi trường (tầng 10 phía nam) Điện thoại 0545-
[55-2902](tel:0545-55-2902)

●**違反者への対応**

ごみのポイ捨て禁止、犬・猫のふん放置の禁止に違反した人については、氏名・住所等を公表する場合があります。

■**問い合わせ**

富士市役所環境総務課
環境政策担当(10 階南側) 電話
0545-55-2902



THUẾ

Thuế là khoản tiền mà bạn trích ra làm chi phí cho quốc gia, tỉnh và thành phố để cung cấp các dịch vụ mà công dân cần trong cuộc sống hàng ngày.

Ở Nhật có hai loại thuế: thuế quốc gia và thuế địa phương (thuế thành phố, thuế tỉnh).

Thuế quốc gia

Thuế thu nhập và thuế tiêu dùng là những loại thuế tiêu biểu của quốc gia.

● Thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt

Thuế thu nhập là loại thuế đánh vào thu nhập kiếm được trong năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Có hai loại thuế thu nhập: thuế thu nhập tự định do người kinh doanh tự tính và nộp, thuế thu nhập khấu trừ thu bằng cách khấu trừ vào lương hàng tháng như người làm công ăn lương. Thuế thu nhập đặc biệt là loại thuế được trả cùng với thuế thu nhập từ năm 2013 đến năm 2037 nhằm đảm bảo các nguồn tài chính cần thiết cho việc tái thiết từ trận Động đất ở Đông Nhật Bản. Theo nguyên tắc chung, giá trị này được tính bằng cách nhân số thuế thu nhập (số thuế thu nhập tiêu chuẩn) cho tất cả các khoản thu nhập trong năm đó với thuế suất 2,1% và được kê khai và nộp thuế cùng với thuế thu nhập.

• Quyết toán cuối năm

Đó là báo cáo thu nhập trong một năm (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12) và số tiền đã đóng cơ quan thuế.

Đây là thủ tục để nộp thuế còn nợ, nhưng đồng thời cũng là thủ tục để được hoàn lại số thuế nộp thừa.

Điều chỉnh thuế cuối năm

Đối với những người làm công ăn lương, thuế thu nhập khấu trừ được khấu trừ vào tiền lương của họ tùy theo số tiền lương.

Khi nhận lương vào tháng 12 thì số thuế phải đóng được tính bằng cách, quyết toán phân thừa, thiếu bằng cách so sánh với tổng số thuế thu nhập đã nộp.

Nếu bạn nhận được phiếu các khoản điều chỉnh cuối năm tại công ty, bạn không cần phải nộp tờ khai quyết toán cuối cùng trừ khi bạn có thu nhập khác và chi phí y tế được khấu trừ.

税金

税金とは、市民の皆さんが生活する中で必要となるようなサービスを、国や都道府県、市区町村が提供するための経費として、皆さんに分担していただくお金のことです。

日本には、国税と地方税（市区町村税、都道府県税）の2種類があります。

国税

国税の代表的なものに所得税と消費税があります。

● 所得税及び復興特別所得税

所得税は、毎年、1月1日から12月31日までの1年間に得た所得にかかる税金です。

これは商売をしている人など自分で税金を計算して納める申告所得税と、サラリーマンのように毎月の給料などから天引きで徴収される源泉所得税があります。

復興特別所得税は、東日本大震災からの復興に必要な財源の確保のために、2013年から2037年まで所得税と合わせて納める税金です。これは、原則として、その年分のすべての所得に対する所得税額（基準所得税額）に2.1%の税率をかけて計算され、所得税と併せて申告・納付します。

• 確定申告

1年間（1月1日から12月31日まで）の所得と、それに対する所得税の金額を税務署に申告することです。

所得税を納めるための手続

きですが、同時に納めすぎて
いる税金を返してもらう手続
きでもあります。

- ・ 年末調整

サラリーマンなどのような
給与所得者は、給与の金額に
応じてあらかじめ毎月源泉所
得税が給与から差し引かれま
す。

12 月に給与が支払われる
時、1 年分の正規の所得税の
額を計算し、既に支払ってい
る源泉所得税の合計額と比
べ、過不足を精算するもので
す。

会社などで年末調整を受け
た場合は、他に所得がなく、
医療費控除などがなければ本
人が確定申告する必要はあり
ません。

- Thuế tiêu thụ và thuế tiêu thụ địa phương**

Thuế tiêu dùng về cơ bản được áp dụng cho tất cả các tiêu dùng
như mua sắm. Thuế suất là 10%.

- 消費税及び地方消費税**

消費税は、買い物など、基
本的にあらゆる消費にかかり
ます。税率は 10%です。

- **Liên hệ**

Văn phòng thuế Fuji
Fujishi Honichiba 297-1
Điện thoại 0545-61-2460

- **問い合わせ**

富士税務署
富士市本市場 297-1
電話 0545-61-2460

- Thuế địa phương**

Các loại thuế địa phương điển hình là thuế cư trú, thuế ô tô và
thuế các phương tiện giao thông hạng nhẹ

- 地方税**

地方税の代表的なものに住
民税・自動車税と軽自動車税
があります。

- Thuế cư trú**

Thuế cư trú là loại thuế đánh vào thu nhập trong năm trước tại
thành phố nơi bạn sinh sống kể từ ngày 1 tháng 1.
Người nộp thuế phải báo cáo thu nhập của họ trong năm trước
đó cho tòa thị chính thành phố từ ngày 16/2 đến ngày 15/3 hàng
năm.

Những người sau đây không cần khai báo

- ① Những người không có thu nhập trong năm trước (※1)
- ② Những người có thu nhập trong năm trước nhưng chỉ là thu
nhập từ tiền lương hoặc thu nhập từ lương hưu và có báo cáo
chi trả thuế điều chỉnh cuối năm đã được nộp cho tòa thị
chính (※2)
- ③ Những người đã làm thủ tục kê khai báo thuế

- 住民税**

住民税は、1 月 1 日現在住
んでいる市区町村で前年中の
所得に対して課せられる税金
です。

納税義務者は、例年、2 月
16 日から 3 月 15 日までの間
に前年中の所得について市役
所に申告を行わなければなり
ません。

次の人は申告の必要がありま

※ 1 Ngay cả những người không có thu nhập trong năm trước nhưng cũng cần khai báo các thuế bảo hiểm y tế quốc dân, trợ cấp cố định, trợ cấp trẻ em và các phúc lợi khác

* 2 Nếu chưa thực hiện điều chỉnh cuối năm hoặc nếu phải bổ sung các khoản khấu trừ như khấu trừ chi phí y tế, thì cần phải khai báo cuối cùng hoặc kê khai thuế cư trú.

■ Yêu cầu

Phòng thuế thành phố Fuji City Hall

Phí đầu tiên thuế thành phố (tầng 3 phía nam)

Điện thoại 0545-55-2734

● Thuế ô tô (xe bốn bánh có dung tích trên 660cc)

• Thuế ô tô là loại thuế đánh vào những người sở hữu ô tô kể từ ngày 1 tháng 4.

• Số tiền phải trả được xác định bởi thể tích khí thải của ô tô.

• Thông báo nộp thuế sẽ được gửi từ văn phòng tài chính của tỉnh vào khoảng đầu tháng 5, vì vậy vui lòng thanh toán tại ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi vào cuối tháng 5 (hoặc ngày trong tuần tiếp theo nếu ngày cuối cùng là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ Quốc gia).

■ Yêu cầu

Văn phòng tài chính Fuji

Thuế, Thuế Nhóm 1

Chợ chính thành phố Fuji 441-1

Điện thoại 0545-65-2118

せん

①前年中に収入がなかった人
(※ 1)

②前年中の収入が給与所得
又は公的年金等のみの所得
で、勤務先で年末調整され
た給与支払報告書又は公
的年金等支払報告書が市
役所に提出されている人
(※ 2)

③所得税の確定申告をした人
※ 1 前年中に収入がなかった
人であっても、所得証明書等
の

交付、国民健康保険税の算
定、児童手当等の給付、公
営

住宅の入居などの手続きの
ために申告が必要な場合が
あります。

※ 2 年末調整が行われていな
い場合や医療費控除等の控
除を追加する場合は確定申
告又は住民税の申告が必要
です。

■問い合わせ

富士市役所 市民税課

市民税第一担当 (3 階南側)

電話 0545-55-2734

●自動車税 (排気量 660cc を超える 4 輪自動車)

• 自動車税は、4 月 1 日の時
点で自動車を持っている人
にかかる税金です。

• 支払う金額は、車の排気量
等によって決まっています。

• 県財務事務所から、納税通
知書が 5 月上旬頃届きます
ので、5 月末日 (末日が土
曜・日曜・祝休日の場合は
次の平日) までに銀行やコ
ンビニエンスストアなどで
納めてください。

■問い合わせ

富士財務事務所
課税課課税第1班
富士市本市場 441-1
電話 0545-65-2118

● **Thuế xe hạng nhẹ (xe máy và xe hạng nhẹ có dung tích từ 660cc trở xuống)**

▪ Thuế xe là loại thuế đánh vào người có xe hạng nhẹ, xe đạp máy, xe chuyên dùng loại nhỏ (máy kéo nông nghiệp, xe nâng ...), xe mô tô phân khối lớn và vừa ... kể từ ngày 1/4. Số tiền phải trả tùy thuộc vào lượng khí thải và loại xe.

▪ Thông báo nộp thuế sẽ được gửi từ tòa thị chính vào khoảng giữa tháng 5, vì vậy vui lòng thanh toán tại ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi vào cuối tháng 5 (hoặc ngày trong tuần tiếp theo nếu ngày cuối cùng là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ quốc gia).

■ **Yêu cầu**

Phòng thuế thành phố Fuji City Hall

Phí thành phố thuế thứ hai (tầng 3 phía nam)

Điện thoại 0545-55-2735

● **Nơi nộp thuế địa phương**

Vui lòng mang theo phiếu thanh toán và nộp thuế địa phương tại địa điểm sau.

Nếu phiếu thanh toán bị mất hoặc hư hỏng, vui lòng liên hệ với phòng nộp thuế

1. **Tổ chức tài chính**

Có thể thanh toán tại các các trụ sở chính và chi nhánh của ngân hàng do ủy ban thành phố Fuji chỉ định.

2. Bạn có thể nộp các loại thuế sau tại các cửa hàng tiện lợi được ghi trên giấy thông báo nộp thuế: thuế thị dân/thành phố và thuế môi trường rừng (thu thuế thông thường), thuế tài sản cố định và thuế quy hoạch đô thị, thuế xe ô tô loại nhẹ, thuế bảo hiểm y tế quốc dân.

Vui lòng mang phiếu thanh toán có in mã vạch đến cửa hàng tiện lợi và thanh toán bằng tiền mặt tại quầy thu ngân.

● **軽自動車税 (バイクと排気量 660cc 以下の軽自動車)**

▪ 軽自動車税は、4月1日の時点で、軽自動車、原動機付自転車、小型特殊自動車（農耕用トラクター、フォークリフト等）、大型・中型バイクなどを持っている人にかかる税金です。支払う金額は、排気量や、車種によって決まっています。

▪ 市役所から、納税通知書が5月中旬頃届きますので、5月末日（末日が土曜・日曜・祝休日の場合は次の平日）までに銀行やコンビニエンスストアなどで納めてください。

■ **問い合わせ**

富士市役所 市民税課

市民税第二担当 (3階南側)

電話 0545-55-2735

● **地方税の納付場所**

地方税は納付書をお持ちの上、次の場所で納付してください。

また、納付書を紛失・破損された場合は収納課までご連絡ください。

1. **金融機関**

市役所の指定した金融機関の本店・支店及び出張所で納付ができます。

2. 納税通知書に記載の各コンビニエンスストアで納めることができるのは、市県民税・森林環境税（普通徴収）、固定資産税・都市計画税、軽自動車税、国民健康保険税です。

Thanh toán có thể được thực hiện vào thứ bảy, chủ nhật và đêm miễn là cửa hàng tiện lợi mở cửa.

(Loại không có in mã vạch, loại đã qua ngày hết hạn trong cửa hàng tiện lợi và loại có số lượng đã chỉnh sửa không thể sử dụng được)

3. Tòa thị chính Fuji

Đồn cảnh sát tổ chức tài chính được chỉ định
(Tầng 2 tòa thị chính)

4. Ứng dụng điện thoại thông minh (như PayPay)

Nếu phiếu thanh toán có in mã eL-QR, bạn có thể sử dụng ứng dụng điện thoại thông minh (như PayPay) để thanh toán thuế cư dân thành phố/huyện và thuế môi trường rừng (thu thuế thông thường), thuế tài sản cố định và thuế quy hoạch đô thị, thuế xe ô tô cỡ nhỏ, thuế bảo hiểm y tế quốc dân mọi lúc, mọi nơi.

5. Thẻ tín dụng

Về việc thanh toán bằng thẻ tín dụng, bạn có thể thanh toán thuế thành phố/tỉnh (thu thuế thông thường), thuế tài sản cố định/thuế quy hoạch đô thị, thuế xe ô tô hạng nhẹ (phân loại), thuế bảo hiểm y tế quốc dân từ điện thoại thông minh bằng cách quét mã eL-QR trên phiếu thanh toán thông qua trang thanh toán chuyên dụng.

Tuy nhiên, đối với thanh toán bằng thẻ tín dụng, sẽ cần thêm lệ phí ứng theo số tiền thanh toán.

●Chuyển khoản (thanh toán tự động)

Chuyển khoản (thanh toán tự động) là một phương thức mà tổ chức tài chính tự động chuyển và nộp thuế từ một tài khoản được chỉ định thay mặt bạn. Thanh toán không quên trả tiền rất an toàn nên được khuyến khích cho những ai bận việc, nội trợ.

Barcode được in trên phiếu thanh toán có thể được sử dụng để thanh toán tại cửa hàng tiện lợi. Vui lòng mang theo phiếu thanh toán và thanh toán bằng tiền mặt.

Barcode được in trên phiếu thanh toán có thể được sử dụng để thanh toán tại cửa hàng tiện lợi. Vui lòng mang theo phiếu thanh toán và thanh toán bằng tiền mặt.

(Barcode được in trên phiếu thanh toán có thể được sử dụng để thanh toán tại cửa hàng tiện lợi. Vui lòng mang theo phiếu thanh toán và thanh toán bằng tiền mặt.)

3. 富士市役所

指定金融機関派出所
(市役所 2 階)

4. スマートフォンアプリ (PayPay 等)

eL-QR が印刷された納付書であればスマートフォンアプリ (PayPay 等) を利用して、市県民税・森林環境税 (普通徴収)、固定資産税・都市計画税、軽自動車税、国民健康保険税がいつでもどこでも納付できます。

5. クレジットカード

クレジットカード納付については、専用の納付サイトから納付書の eL-QR を読み取ることで、市・県民税 (普通徴収)、固定資産・都市計画税、軽自動車税 (種別割)、国民健康保険税をスマートフォンから納付できるようになります。

ただし、クレジットカード納付については、納付金額に応じて手数料が別途必要となります。

●口座振替 (自動払込)

口座振替 (自動払込) とは、金融機関があなたに代わって、指定の口座から自動的に振り替えて税金を納付するものです。納め忘れもなく安心ですので、仕事や家事に忙しい皆様にお勧めします。

●**Tư vấn nộp thuế**

Nếu người đóng thuế gặp khó khăn trong việc nộp thuế thành phố do ốm đau hoặc kinh doanh kém, vui lòng liên hệ với chúng tôi càng sớm càng tốt.

■**Yêu cầu**

Fuji City Hall Bộ Tài chính Phòng lưu trữ
Nhân viên thu thuế (phía nam tầng 3 tòa thị chính) Điện thoại
0545-55-2730, 2771

●**納税相談**

納税者が病気や事業不振などにより、市税を納めることが困難になったときは、お早めにご相談ください。

■**問い合わせ**

富士市役所 財政部収納課
収税担当（市役所 3 階南側）
電話 0545-55-2730、2771



Chữa cháy/Cấp cứu

消防・救急

Chữa cháy

● Nếu xảy ra đám cháy Gọi số 119

Để bảo vệ tính mạng và tài sản của mọi dân cư thành phố khỏi các thảm họa như hỏa hoạn, thành phố có trụ sở chữa cháy và phòng chữa cháy, đội chữa cháy.

● Hãy chú ý những điều sau trong cuộc sống hằng ngày

- Trước khi đi ngủ, khi đi ra ngoài, phải kiểm tra những nơi có thể xảy ra cháy
- Không hút thuốc khi ngủ
- Không để bật quẹt và diêm ở chỗ trẻ em nhìn thấy được
- Để lò và bếp, v.v. cách xa những vật dễ cháy, và sử dụng đúng cách.

● Nếu có đám cháy xảy ra

- Lập tức gọi báo cho số 119
- Dù bạn không nói được tiếng Nhật, bạn vẫn có thể tố giác. Vui lòng không gác máy cho đến khi chuyển máy cho tổng đài viên phiên dịch.
- La to lên để báo cho gia đình và hàng xóm biết
- Khi lửa nhỏ thì bình tĩnh dùng bình cứu hỏa để dập lửa.
- Khi không thể dập lửa thì nhanh chóng chạy trốn đi

● Không hoảng hốt khi thông báo về đám cháy, và nói thật rõ ràng

Khi khẩn cấp thì ai cũng dễ bị hoang mang. Hãy bình tĩnh và nói chậm.

“Có đám cháy. Nhà(Phòng chứa đồ, cò, rùng) đang bị cháy. Địa điểm là nhà ○○ ở số ○○ phường ○○, mục tiêu là phía ○○ (phương vị) của ○○ (kiến trúc lớn, v.v.)”

消防

● 火事が起きたら 知ったら 119 番

市民の皆さんの命と財産を火災などの災害から守るため、市には消防本部と消防署、消防団があります。

● ふだんから気をつけよう

- 寝る前、外出する時は必ず火の元を確かめて
- 寝たばこはしない
- ライターやマッチは子どもの目に触れないところへ
- ストーブやコンロなどは、燃えやすいものから十分に離して、正しい取扱いをする

● もし火事になったら

- すぐに 119 番通報をする
- 日本語が話せなくても通報できます。通訳のオペレーターと代わるまで、電話を切らないで待ってください。
- 大きな声で家族や近所の人たちに知らせる
- 火が小さいときは、落ちついて消火器などで消火する
- 消火できないときは、早く逃げる

● 火事の通報はあわてず、はっきりと

緊急のときは誰でも気が動転するものです。落ちついてゆっくりと話して下さい。

「火事です。家(物置、草、森)が燃えています。場所は○○町○○番地の○○宅、目標は○○(大きな建物など)の○○側(方位)です。」

Báo cháy khu dân cư

Khi đám cháy bùng lên, phần lớn thời gian bạn sẽ nhận thấy nó bằng năm giác quan: bạn có thể nhìn thấy khói và ngọn lửa bằng mắt, bạn có thể ngửi thấy mùi khét bằng mũi và bạn có thể cảm nhận được âm thanh tanh tách bằng tai. Tuy nhiên, sẽ khó phát hiện đám cháy khi bạn đang ngủ hoặc khi bạn đang tập trung vào những thứ trong một căn phòng có vách ngăn.

Do đó, "thiết bị báo cháy gia đình" là thiết bị đầu tiên phát hiện và thông báo cho bạn về sự bùng phát của đám cháy trong nhà bạn.

Thiết bị báo cháy dân dụng là thiết bị phát hiện khói và nhiệt độ đám cháy sinh ra và báo động bằng âm thanh hoặc giọng nói để thông báo sự bùng phát của đám cháy. Ngoài ra, có một loại phát báo động không dây kết hợp với báo động được cài đặt trong phòng khác và một loại thông báo cho người khiếm thính bằng ánh sáng hoặc rung động.

Hệ thống báo cháy khu dân cư bảo vệ tính mạng và tài sản của bạn và những người thân yêu của bạn khỏi hỏa hoạn. Ngoài ra, bằng cách phát hiện đám cháy ở giai đoạn sớm, các hành động như báo cáo và dập lửa ban đầu có thể được đẩy nhanh, và giảm thiệt hại do cháy lan sang khu vực lân cận.

Do đó, theo Luật Phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy của khu dân cư phải được lắp đặt ở tất cả các phòng ngủ và cầu thang của khu dân cư (nếu phòng ngủ ở tầng khác với tầng một).

住宅用火災警報器

火災が発生したときは、目で煙や炎をみたり、鼻で焦げ臭いにおいを感じたり、耳でぱちぱちという音を感じたり・・・と五感によって気づくことがほとんどだと思います。しかし、それだけでは、就寝中や仕切られた部屋などで物事に集中している時などには、火災に気づくのが遅れてしまいます。

そこで、家庭内での火災の発生をいち早くキャッチし、知らせてくれるのが、『住宅用火災警報器』です。

住宅用火災警報器は、火災により発生する煙や熱を感知し、音や音声などにより警報を発して火災の発生を知らせてくれる機器です。また、無線でほかの部屋に設置した警報器と連動して警報を発するものや、目や耳の不自由な方に光や振動で知らせるタイプのものもあります。

住宅用火災警報器は、あなた自身はもちろん、大切な家族の命や財産を火災から守ります。また、火災を早期に見することで、初期消火や通報などの行動が早まり、近隣への延焼による被害も軽減できます。

そのため消防法では、すべての住宅の寝室や階段（寝室が1階以外にある場合）に住宅用火災警報器を設置しなければなりません。

[Mua báo cháy dân dụng ở đâu]

Bạn có thể mua nó tại các đại lý thiết bị phòng chống thiên tai, cửa hàng thiết bị điện, trung tâm gia đình, đại lý bán lẻ thiết bị gia dụng, v.v.

Các thiết bị báo cháy dân dụng đã đạt tiêu chuẩn quốc gia sẽ được đóng dấu tem đạt tiêu chuẩn kiểm duyệt.



[Lắp đặt thiết bị báo cháy dân dụng ở đâu]

Về cơ bản, các thiết bị báo cháy của khu dân cư nên được lắp đặt ở đầu cầu thang của tầng có phòng ngủ và phòng ngủ (không bao gồm cầu thang ở tầng 1).

Ngoài ra, tùy thuộc vào số tầng của ngôi nhà, nó có thể cần thiết cho những nơi khác (cầu thang).

[Sau khi lắp đặt báo cháy khu dân cư]

Thiết bị báo cháy khu dân cư là thiết bị quan trọng trong việc cứu sống mạng người. Hãy thường xuyên kiểm tra hàng ngày để thiết bị hoạt động tốt trong trường hợp khẩn cấp

●Khi chuông báo động kêu

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, hãy hô lớn tiếng báo cho những người xung quanh và gọi số 119. Hãy dập tắt ngọn lửa nếu có thể.

Nếu không phải là đám cháy, hãy nhấn nút dừng báo động hoặc kéo dây nếu nó có dây. Nếu bạn phát hiện thấy có khói, hơi nước, v.v. hãy mở cửa thông gió để tránh bị ngộp.

【住宅用火災警報器はどこで購入するのか】

防災設備取扱店や電気器具販売店、ホームセンター、家電量販店などで購入できます。

国が定める規格に合格した住宅用火災警報器には、下記の検定合格の表示が付されています。

【住宅用火災警報器はどこに設置するのか】

住宅用火災警報器は、基本的に寝室と寝室がある階の階段上部（1階の階段は除く。）などに設置することが必要です。

また、住宅の階数等によっては、その他の箇所（階段）にも必要になる場合があります。

【住宅用火災警報器を設置した後は】

住宅用火災警報器は、命を守る大切な機器です。「いざ」というときにしっかり作動するように、日頃から手入れや点検をしましょう。

●警報が鳴ったとき

火災の場合は大声で周りに知らせ、119番通報しましょう。可能なら消火を行ってください。

火災ではないときは、警報音停止ボタンを押すか、ひもが付いているタイプのものはひもを引いてください。調理の煙や、湯気、殺虫剤などを感知して警報が鳴った場合

● Phương pháp kiểm tra

1 Kiểm tra mỗi tháng một lần để xem nó có hoạt động bình thường không.

2 Cách sửa chữa, bảo hành

Bụi bám trên đầu báo cháy gây khó khăn cho việc phát hiện đám cháy hãy lau sạch bụi bằng khăn khô

3 Thời gian thay thế

Khi hết pin, thiết bị sẽ tự thông báo cho bạn bằng giọng nói và một số phát ra âm thanh báo. Hãy thay pin mới trước khi sử dụng. Ngoài ra, tuổi thọ của các thiết bị là khoảng 10 năm. Sau 10 năm kể từ ngày lắp đặt, hãy thay thiết bị mới.

[Cẩn thận với việc buôn bán các chất phòng cháy độc hại]

Lợi dụng việc lắp đặt hệ thống báo cháy bắt buộc của khu dân cư, các dịch vụ mua bán độc hại đang diễn ra, thậm chí họ còn đến từng nhà người dân để chào hàng, bán và lắp đặt hệ thống phòng cháy, sau đó thu một khoản tiền lớn.

Sở cứu hỏa không có hoạt động buôn bán trực tiếp các dụng cụ, chất phòng cháy. Nếu bạn cảm thấy khó chịu khó chịu trong việc bị chào hàng mua các dụng cụ phòng chống chữa cháy, vui lòng liên hệ với bộ phận cứu hỏa tại chỗ. Nếu bạn cho rằng mình đã bị thiệt hại, vui lòng liên hệ ngay với Trung tâm các vấn đề người tiêu dùng của Nhật Bản: 0545-55-2756.

■Liên hệ

Phòng phòng chống chữa cháy Tòa thị chính thành phố Fuji
(văn phòng phòng chống chữa cháy tầng 2)

Điện thoại 0545-55-2859

Cấp cứu

● Gọi xe cấp cứu

- Nếu cần thiết gọi xe cứu thương khi bị bệnh hoặc bị thương, thì hãy gọi 119.
- Nếu không biết tiếng nhật vẫn có thể thông tin được,

hà, 換気をしてください。

●点検の方法

1 正常に作動するか、月に1回は確認しましょう。

2 お手入れの方法

感知器にホコリが付くと火災を感知しにくくなります。汚れは乾いた布でふき取りましょう

3 交換の時期

電池切れの際は、音声で知らせてくれるものや、ピッ、ピッ・・・と短い音が一定の間隔で鳴る物があります。新しい電池に交換して使用してください。また、本体の寿命は、約10年です。設置後10年を目安に新しい機器に交換してください。

【悪質な訪問販売に注意してください】

住宅用火災警報器の義務化に便乗して、ご家庭へ訪問し販売や取り付けを行い、高額な代金を請求する悪質販売が発生しています。

消防署が特定の業者に販売を依頼したり、直接販売することはありません。あやしいと思ったら、その場で消防署へ連絡してください。もし被害にあったと思ったらすぐに「消費生活センター：0545-55-2756」へご相談ください。

■問い合わせ

富士市役所 予防課

予防担当

(消防防災庁舎 2 階)

電話 0545-55-2859

救急

●救急車を呼ぶ

- ケガや病気で救急車が必要なときは、119番に通報してください。

chúng tôi sẽ chuyển tiếp cuộc điện thoại đến phiên dịch nên vui lòng giữ máy trong giây lát. Nhân viên tiếp nhận số 119 sẽ hỏi địa điểm (địa chỉ), tên, vật mục tiêu, tình trạng bệnh và tai nạn, v.v. nên hãy bình tĩnh và trả lời chậm rãi.

- Nếu tình huống còn bảo đảm được an toàn và có khả năng thì hãy gọi cho xe cấp cứu.
- Tùy theo tình trạng của người cần xe cấp cứu mà nhân viên tiếp nhận số 119 sẽ hướng dẫn cách sơ cứu, hãy làm theo theo hướng dẫn đó.

- 日本語が話せなくても通報できます。通訳のオペレーターと代わるまで、電話を切らないで待ってください。
 - 場所(住所)、名前、目標物、病気や事故等の状況を 119 番受付員が聞きますので、落ちついてゆっくりと教えてください。
 - 安全が確保できる状況で余裕がある場合は、救急車に合図をしてください。
 - 救急車を必要とする人の容態によっては、119 番受付員が応急手当の口頭指導をすることがありますので、その指示に従ってください。
-